

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026 (ĐỢT 1) VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1	VI XUÂN QUANG	01/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	28.64
2	LỤC HUỖNH HUYỀN TRANG	21/07/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	28.57
3	NGUYỄN QUANG LONG	03/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	28.57
4	BÙI XUÂN LONG	24/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	28.34
5	MA ĐÌNH TOÀN	15/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	28.13
6	TRIỆU QUÝ PHƯƠNG	27/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	2	28.1
7	LUÂN VŨ TRỌNG	02/05/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	28.05
8	TRỊNH QUANG ĐỊNH	27/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	27.84
9	VŨ TRẦN MINH ĐỨC	02/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	27.78
10	TRẦN QUỐC KHÁNH	29/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	27.75
11	TRẦN QUANG ĐẠT	23/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	27.74
12	PHẠM NGỌC THUẦN	28/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	27.47
13	NGUYỄN TUẤN HƯNG	07/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	27.47
14	HÀ MINH ĐOÀN	09/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	27.42
15	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	15/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	27.34
16	DIỆP ĐỨC THẮNG	11/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	27.27
17	NGUYỄN NGUYỄN ÂN	13/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	27.25
18	VI NGỌC HOÀNG	05/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	27.21
19	ĐỖ HỒNG NGUYỄN	25/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	27.17
20	PHẠM QUỐC VIỆT	06/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	27.14
21	TRẦN MINH TUẤN	13/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	7	27.01
22	NGUYỄN THANH BÌNH	03/04/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	26.97
23	TRẦN NGUYỄN THIÊN MINH	26/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.96
24	ĐẶNG HẢI NAM	15/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.94
25	NGUYỄN VIỆT AN	05/06/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	26.92
26	BÙI VĂN TIẾN ĐẠT	27/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.92
27	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	26/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	26.87
28	NGUYỄN TỔNG NGÀ	27/08/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	26.85

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
29	ĐÀO NINH LINH	17/01/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	26.68
30	NGUYỄN THU HIỀN	03/07/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.63
31	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	28/03/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	8	26.63
32	MAI TRẦN KHÁNH AN	06/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	26.62
33	DƯƠNG NGỌC MINH	26/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	26.61
34	LÊ PHẠM HUY HOÀNG	31/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	7	26.59
35	VŨ ĐỨC NHẬT	02/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	26.58
36	DƯƠNG ANH TUẤN	21/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	26.55
37	NGUYỄN ĐỨC LỘC	14/06/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	26.52
38	MỪNG THIÊN HẢI	06/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.5
39	MA THẾ HẢI	13/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A00	1	26.46
40	LÊ ĐỨC MINH	26/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	9	26.46
41	VÕ TUẤN KIẾT	26/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	26.41
42	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	15/10/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.29
43	PHẠM TIẾN DŨNG	06/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	26.25
44	LÊ VĂN HUY	22/06/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	26.23
45	HOÀNG QUỐC THỊNH	15/07/2007	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.22
46	ĐỖ TUẤN MINH	02/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	26.17
47	NGUYỄN THÀNH ĐĂNG	18/04/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	C01	1	26.13
48	LÊ ĐỨC ANH	10/10/2007	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	26.13
49	NGÔ QUỐC TÀI	17/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	2	26.07
50	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	01/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	2	26.05
51	PHẠM QUANG TRUNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	26.02
52	NGUYỄN ĐỨC ANH	06/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	7	26.01
53	DƯƠNG VĂN TÙNG	01/06/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.96
54	NGUYỄN THẾ TRỌNG	15/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.96
55	ÂU DƯƠNG NAM	27/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	3	25.93
56	BÙI TRẦN VŨ	20/04/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.92
57	PHẠM DUY TRINH	29/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	25.92
58	HOÀNG ĐẮC ĐÔNG	27/04/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.89

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
59	TRẦN ĐÌNH DŨNG	14/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A01	1	25.89
60	NGÔ ĐẶNG NGỌC ANH	12/09/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	25.78
61	TÔ MINH ĐỨC	19/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	25.78
62	DƯƠNG TRUNG HIẾU	26/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.77
63	BÀNG MINH TOÀN	20/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.75
64	NGUYỄN QUANG TOÀN	11/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	25.69
65	PHẠM CÔNG HÙNG DƯƠNG	17/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.68
66	ĐỖ BẢO NGUYỄN	04/05/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	25.63
67	PHAN THÀNH THÁI	30/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	25.6
68	VÕ QUỐC HƯNG	24/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	5	25.54
69	TRẦN NGUYỄN ANH QUÂN	24/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	25.54
70	TRẦN LAN ANH	11/12/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	25.54
71	TRẦN MINH ĐỨC	13/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	7	25.54
72	NGUYỄN ĐỨC HÒA	17/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	25.5
73	TRẦN THANH PHONG	01/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.48
74	NGÔ THẾ MẠNH	22/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	25.47
75	NGUYỄN NHẬT MINH	09/05/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	25.36
76	NGUYỄN QUANG MINH	12/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	25.33
77	HÀ VĂN QUÝ	10/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	25.33
78	NGUYỄN HUY HOÀNG	31/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	25.3
79	HUỖNH PHÚC HƯNG	18/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A00	2	25.28
80	HOÀNG HẢI ĐĂNG	06/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	C01	1	25.25
81	PHAN ĐỨC HIẾU	03/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	V-SAT	A00	3	25.21
82	NGUYỄN VIỆT ANH	09/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	25.2
83	NGUYỄN NHẬT MAI	30/10/2007	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	25.17
84	VŨ VĂN HIỆU	31/05/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	25.17
85	BÙI THỊ NGỌC THÙY	03/10/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	C01	1	25.08
86	VŨ TIẾN SỸ	26/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	25.03
87	NGUYỄN VĂN KHẢI	17/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	25.02
88	LÊ QUANG LỘC	07/10/2007	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	7	25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
89	HOÀNG QUANG MINH	25/05/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	5	25
90	DƯƠNG MINH TÚ	30/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	24.99
91	HOÀNG MINH HIẾU	27/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	24.97
92	PHAN HUY AN NGUYỄN	03/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	2	24.96
93	LÊ BÁ HIẾU	22/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	3	24.89
94	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	12/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	6	24.88
95	NGUYỄN VĂN THUẬN	03/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	8	24.85
96	NGUYỄN MINH HƯỞNG	31/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	4	24.84
97	VŨ THU PHƯƠNG	21/06/2008	Nữ	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	24.83
98	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	24/09/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	3	24.83
99	NGUYỄN VĂN BẢO	06/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	9	24.79
100	NGUYỄN QUANG ANH	02/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	2	24.77
101	NÔNG QUANG HUY	13/07/2007	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	24.76
102	NGUYỄN HOÀNG HẢI	21/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	V-SAT	A00	5	24.74
103	ĐÌNH XUÂN SƠN	29/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	10	24.73
104	TRẦN MINH TÚ	01/04/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	C01	2	24.73
105	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	20/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	24.72
106	NGUYỄN VŨ THÁI SƠN	04/08/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A01	1	24.71
107	VŨ ĐỨC HUY	22/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Học bạ	A00	1	24.69
108	NGUYỄN VĂN PHÚC	01/07/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	C01	1	24.68
109	NGUYỄN MINH HIỀN	10/02/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A00	6	24.68
110	DƯƠNG THẾ VINH	11/12/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	C01	3	24.63
111	HOÀNG ANH TUẤN	08/11/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A00	7	24.63
112	NGUYỄN TIẾN QUỲNH	12/01/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	A00	2	24.6
113	NGUYỄN DUY KHÁNH	18/03/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	V-SAT	A00	4	24.55
114	LƯU MINH TUẤN	14/10/2008	Nam	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	Điểm thi THPT	C01	4	24.5
115	PHAN NHẬT TÂN	05/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	27.94
116	HOÀNG ANH QUÂN	06/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	27.83

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
117	NGUYỄN TRÍ DŨNG	26/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.81
118	PHAN VĂN LÂM	22/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	27.7
119	DƯƠNG QUỲNH NHƯ	02/04/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.6
120	TRƯƠNG CÔNG CƯỜNG	06/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.56
121	NGUYỄN ĐÌNH NAM	05/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.54
122	NGUYỄN THÁI SAN	28/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	1	27.5
123	HÀ QUANG TÙNG	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.47
124	LÊ NHẬT HƯNG	11/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	27.42
125	NGUYỄN SỸ DŨNG	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	27.41
126	HOÀNG THÁI HÙNG	13/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.41
127	NGÔ ĐỨC DŨNG	23/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	4	27.39
128	HOÀNG VŨ CÔNG BÌNH	18/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	6	27.36
129	LÝ THANH VÂN	15/05/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.36
130	NGUYỄN SỸ THẮNG	17/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	27.35
131	NGUYỄN VŨ PHONG	20/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.32
132	VI NGUYỄN HOÀNG ANH	05/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.29
133	ÂU DƯƠNG HIỆP	12/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	27.22

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
134	NGUYỄN MINH NHẬT	09/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.17
135	TRẦN THANH DƯƠNG	05/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.15
136	PHẠM VIỆT ANH	08/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.14
137	LÊ ĐỨC LƯƠNG	08/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	27.14
138	ĐẶNG THỊ KIM ANH	15/08/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	27.13
139	CHU THẾ HƯNG	14/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	27.11
140	LƯU VIỆT ANH	10/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	27.1
141	HOÀNG HƯƠNG GIANG	20/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	27.1
142	CHU TUẤN HƯNG	14/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27.07
143	NGUYỄN HUY HOÀNG	02/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	27.07
144	ĐÀO THU TRANG	23/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	9	27.03
145	VI THANH TÚ	02/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	27
146	NGÔ MINH ĐỨC	22/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	26.99
147	LÊ QUANG HƯNG	15/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	26.96
148	TRẦN HẢI ĐĂNG	16/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	26.94
149	NGUYỄN PHẠM DUY HƯNG	22/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.92
150	VI ĐÌNH CƯỜNG	03/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.86

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
151	NGUYỄN ANH TÚ	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	26.84
152	HÀ XUÂN DƯƠNG	07/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	8	26.83
153	PHẠM DUY THÀNH	10/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	26.77
154	ĐỖ TUẤN VŨ	01/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.73
155	TRẦN TẤT LỘC	21/03/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	26.7
156	PHẠM ĐỨC ANH	01/01/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.69
157	NGUYỄN ĐỨC ANH	27/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.65
158	NGUYỄN TIẾN HƯNG	15/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	26.65
159	TRƯƠNG ĐỨC TÀI	30/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	26.65
160	LÝ XUÂN HẢO	15/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.65
161	DƯƠNG MẠNH HÀ	16/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.63
162	HOÀNG VIỆT HÀ	26/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.59
163	ĐỖ VĂN TÂN	01/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	26.58
164	PHẠM THU HÀ	23/02/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	3	26.57
165	NGUYỄN BẢO AN	11/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.57
166	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	28/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.56
167	PHẠM VĂN HUYỀN	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	26.55

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
168	HÀ YẾN NHI	12/02/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.52
169	HOÀNG TRUNG THÀNH	16/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	26.5
170	NGUYỄN HỮU NGUYỄN	24/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	11	26.5
171	VI VĂN VƯỢNG	22/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	26.49
172	HOÀNG HẢI NGUYỄN	25/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	2	26.47
173	HOÀNG YẾN NHI	18/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	4	26.44
174	BÙI HUYỀN DIỆU	01/03/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.44
175	DƯƠNG KHÁNH NGHĨA	16/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.43
176	CHU MẠNH DUY	23/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.43
177	BÙI MINH ĐỨC	26/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	26.41
178	TRIỆU MA THANH SÁNG	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.41
179	TRẦN VĂN TRƯỜNG	14/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.37
180	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.37
181	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	03/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.35
182	LƯU HÀ PHƯƠNG	06/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.35
183	QUẦN ĐỨC TUẤN	19/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.34
184	ĐỖ MẠNH HẢI	29/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	26.32

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
185	NGUYỄN NAM DƯƠNG	02/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.32
186	NGUYỄN ĐÌNH HẢI ĐĂNG	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.28
187	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	09/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	3	26.26
188	ĐẬU VĂN HUY	01/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	26.25
189	NGUYỄN TRUNG AN	18/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	26.19
190	NGUYỄN NGỌC BẮC	14/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	26.17
191	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	26.17
192	LỤC TRUNG HIẾU	18/06/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	26.17
193	PHAN HOÀNG NGUYỄN	29/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	4	26.14
194	ĐOÀN QUANG VINH	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	26.1
195	DƯƠNG THỊ THANH HUYỀN	11/04/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	26.08
196	NGÔ MẠNH HIẾU	20/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	26.08
197	LÔ ĐÌNH TRUNG	04/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	26.07
198	NGUYỄN MINH HIẾU	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	13	26.07
199	VIỄN HỒNG VŨ	19/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	26.07
200	TRẦN VŨ MẠNH THẮNG	11/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.05
201	NGUYỄN THIÊN ĐẠT	29/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	26.05

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
202	VŨ THỊ TRANG	27/03/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.99
203	NGUYỄN MINH TUẤN	18/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	25.98
204	PHẠM XUÂN BẮC	02/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.96
205	LƯƠNG TRẦN HIẾU	20/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	6	25.93
206	DƯƠNG TUẤN VŨ	15/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	25.93
207	ĐÀO VIỆT HOÀ	14/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.89
208	HOÀNG MINH HIẾU	25/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.89
209	ĐỒNG THÀNH HƯNG	09/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.87
210	VŨ HOÀNG BÁCH	28/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	25.87
211	BÀN VĂN TRƯỜNG	28/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.87
212	VŨ HUY HOÀNG	28/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.86
213	BÙI TUẤN HƯNG	14/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.86
214	ÂU ĐỨC ANH	04/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.83
215	BÙI MINH HIẾU	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.83
216	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÀ	11/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.83
217	TRẦN TIẾN MINH	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	25.83
218	NGUYỄN VĂN HỢI	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.83

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
219	LÒ THỊ BÌNH	06/11/2007	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.81
220	HÀ CÔNG LẬP	28/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.81
221	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.8
222	NGUYỄN DUY HIẾU	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.78
223	TRƯƠNG VĂN THIỆN	10/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	1	25.78
224	NGUYỄN TRÀ MY	16/07/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.78
225	HÀ MINH TRÍ	25/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.74
226	VŨ THÀNH CÔNG	11/12/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	5	25.74
227	BÙI THẾ ANH	06/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	25.74
228	KIM HOA KHƯƠNG	04/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	3	25.73
229	LÊ QUANG PHI HÙNG	26/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	5	25.68
230	NGUYỄN HỮU THỌ	01/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.68
231	NGÔ THÀNH LONG	10/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.68
232	TẠ CÔNG SƠN	07/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.68
233	TRIỆU QUANG VINH	18/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	25.66
234	HOÀNG ĐẠI VŨ	08/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.65
235	PHẠM NGUYỄN VIỆT ANH	17/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	25.63

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
236	TRẦN ĐỨC ANH	05/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	25.62
237	DƯƠNG TRỌNG NGHĨA	04/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.62
238	TRỊNH HOÀNG QUÂN	05/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	25.6
239	MAI TÙNG ANH	15/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.59
240	NGUYỄN ĐỨC CHUYỀN	02/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	25.59
241	NGUYỄN THÀNH DANH	22/04/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	3	25.57
242	HOÀNG LONG GIANG	06/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.57
243	TÔ ĐỨC HIẾU ANH	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	4	25.57
244	NÔNG THỊ KHÁNH HUYỀN	27/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	1	25.56
245	NGUYỄN THIÊN PHÁT	07/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	25.54
246	HOÀNG THU THẢO	24/08/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.53
247	LỤC THANH TÂM	04/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.53
248	HOÀNG NGỌC ANH	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	25.5
249	LƯƠNG ĐỨC HUY	20/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	25.5
250	ĐỒNG ĐỨC HÙNG	11/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	25.47
251	NÔNG CHÍNH NGHĨA	07/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	25.47
252	NÔNG LƯƠNG THẮNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.47

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
253	TRIỆU TUẤN MINH	09/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	5	25.45
254	TRẦN VĂN MỸ	09/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	1	25.44
255	HÀ MINH ĐỨC	15/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	25.44
256	NGUYỄN MINH HUYỀN	21/01/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.42
257	NGUYỄN THỊ HẰNG	02/12/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.42
258	HOÀNG VĂN THUẬN	27/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	2	25.42
259	PHẠM TRUNG HẢI	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.41
260	LƯƠNG VĂN DUY	03/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.41
261	CHU MINH PHONG	22/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	25.41
262	LỤC HOÀNG THẢO VY	13/03/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	25.39
263	NGÔ VĂN QUÂN	27/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	25.36
264	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.36
265	NGUYỄN QUỐC VUI	26/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.36
266	TÔ QUANG HUY	09/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.36
267	LÊ MINH TÂM	20/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.35
268	TRẦN ĐỨC ANH	25/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.35
269	PHẠM ĐÌNH ĐỨC	03/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	25.33

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
270	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	16/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	4	25.33
271	TRẦN VĂN MẠNH	10/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	1	25.31
272	NGUYỄN THANH TÙNG	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	25.3
273	VI VĂN HƯNG	23/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.29
274	NGUYỄN HOÀNG NAM	20/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	6	25.26
275	LƯƠNG MINH PHÚC	29/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.26
276	TỔNG KHÁNH LINH	25/07/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	25.26
277	VÕ TRẦN THU HÀ	17/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	3	25.26
278	NGUYỄN HUY HOÀNG	27/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	25.26
279	QUÁCH THANH BÌNH	21/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	25.25
280	VŨ MẠNH THẮNG	18/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.24
281	ĐINH DUY MẠNH	14/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	25.24
282	HOÀNG ANH TUẤN	15/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	25.24
283	NGUYỄN AN ĐÔNG	04/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	25.24
284	ĐINH HOÀNG VŨ	02/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	25.23
285	LÊ ANH DŨNG	19/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.23
286	HOÀNG BẢO YẾN	11/06/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.21

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
287	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH MINH	07/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	3	25.21
288	ĐỖ TRỌNG TUẤN	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.2
289	LỤC TUẤN ANH	03/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.2
290	HOÀNG MINH QUÂN	08/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	25.18
291	MA VĂN ĐỨC	17/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	1	25.18
292	HOÀNG CÔNG ĐOÀN	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.18
293	PHAN DUY SƠN	25/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	25.17
294	NGUYỄN HỒNG THÁI	25/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	25.17
295	TRẦN HOÀNG PHÚC	22/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	25.15
296	HOÀNG ĐỨC SƠN	03/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	25.15
297	HOÀNG VIỆT ANH	18/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	25.14
298	NGÔ NGỌC HÀ	09/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	10	25.12
299	TRẦN ĐẶNG BẢO HOÀNG	15/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	5	25.12
300	VŨ TIẾN DUY	23/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.12
301	HOÀNG HỮU TÚ	28/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.12
302	NGUYỄN BẢO MINH	04/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	2	25.11
303	ÂU HOÀNG ĐẠT	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	25.11

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
304	NGUYỄN VĂN TIẾN	24/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.11
305	LƯƠNG VĂN PHONG	26/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.11
306	PHẠM CÔNG MINH	04/12/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.11
307	LẠI MINH NGUYỄN	16/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	7	25.1
308	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	08/05/2007	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	V-SAT	C01	8	25.09
309	NGUYỄN ĐỨC HẢI	19/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.06
310	NGÔ TIẾN QUÂN	02/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	14	25.06
311	LONG VĂN NAM	08/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.06
312	HỨA HẢI ĐĂNG	06/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.05
313	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	24/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	25.02
314	NGUYỄN ĐẮC THÀNH ĐẠT	08/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	25.02
315	HỒ TRỌNG TÀI	24/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	2	25
316	NGUYỄN BẮC NGUYỄN	07/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.97
317	NÔNG VĂN CẢNH	31/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.96
318	DƯƠNG ĐỨC KIẾN	12/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	24.95
319	NGUYỄN THANH TUẤN	23/12/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.95
320	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	11/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.93

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
321	TRƯƠNG LÊ QUỐC KHÁNH	02/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	5	24.93
322	NGUYỄN VĂN TOÀN	13/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	3	24.93
323	TRẦN VIỆT ĐỨC	17/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.92
324	THÂN THẾ ANH	31/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.92
325	VŨ ĐỨC NAM	15/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.91
326	HOÀNG ĐỨC THANH	29/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.91
327	NGUYỄN DUY ĐẠO	20/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.89
328	NGUYỄN THỊ MÂY	12/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.89
329	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	12/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	24.89
330	ĐÀO ĐỨC QUANG	04/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	2	24.89
331	NGÔ VĂN TRỊNH	15/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.89
332	VŨ DUY KHÁNH	13/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.88
333	MAI QUÝ ĐẠT	06/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	5	24.87
334	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠT	10/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.87
335	NGUYỄN LÂN DŨNG	02/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	4	24.87
336	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	24.87
337	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	17/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	13	24.85

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
338	MA DOÃN HOÀNG	28/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.84
339	TỔNG MINH ĐẠT	14/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	24.84
340	ĐỖ BẢO NGỌC	06/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	4	24.84
341	ĐINH CÔNG HIỆP	16/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.83
342	NGUYỄN ĐỨC CẦN	01/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.83
343	NGÔ QUANG TRƯỜNG	11/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.83
344	LƯƠNG HOÀNG ANH	29/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.81
345	HOÀNG VĂN THÀNH	07/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	6	24.8
346	NGUYỄN TRẦN VIỆT ANH	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	24.8
347	HOÀNG BIÊN CƯỜNG	21/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.8
348	HOÀNG MINH ÁNH	27/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.79
349	PHẠM TUẤN HUY	03/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	24.77
350	ĐẶNG TUẤN HƯNG	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.77
351	NÔNG THANH BÌNH	05/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.77
352	ĐỖ VIỆT DŨNG	31/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.76
353	TRẦN TUẤN NAM	12/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	24.75
354	ĐẶNG ĐÌNH VŨ HUY	26/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.75

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
355	TRẦN HỮU THÁI DƯƠNG	13/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.75
356	NGUYỄN CẢNH PHÚC	14/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	1	24.73
357	HOÀNG NGỌC PHÚC	11/09/2006	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.73
358	NGUYỄN HOÀNG LONG	29/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.73
359	NGUYỄN THẾ QUANG	08/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	5	24.73
360	ĐỖ VĂN DUY	15/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.73
361	DƯƠNG CÔNG HIẾU	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	8	24.73
362	NÔNG VĂN CƯƠNG	11/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.73
363	LÒ THỊ THU HUYỀN	12/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.71
364	NGUYỄN QUANG TRÀ	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	24.71
365	VŨ MINH KHÔI	10/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.69
366	VŨ HẢI TÂM	05/03/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.69
367	NGUYỄN MINH PHONG	01/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.69
368	TRẦN NGỌC SƠN	19/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	2	24.68
369	CHU VIỆT HOÀNG	25/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.68
370	PHẠM PHƯƠNG ĐOÀN	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	1	24.68
371	ĐINH ĐỨC HẢI	04/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	24.67

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
372	LÊ MINH HIẾU	15/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.65
373	BÙI ANH TÚ	03/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.65
374	MAI THỤ	02/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	24.65
375	ĐỖ ĐỨC MẠNH	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.65
376	ĐỖ HẢI LÂM	04/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	24.64
377	NGUYỄN THẾ ĐẠT	21/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	24.63
378	VŨ XUÂN CÔNG	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	3	24.63
379	NGUYỄN VĂN BÌNH	05/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.63
380	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	28/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	4	24.63
381	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	29/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	24.63
382	PHẠM HOÀNG HẢI	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	4	24.61
383	BÙI TUẤN HƯNG	30/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	2	24.6
384	ĐỖ TRUNG ĐỨC	13/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	24.59
385	NGUYỄN MINH CHÍNH	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.57
386	NGUYỄN MINH TUẤN	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	24.57
387	NGUYỄN VĂN PHONG	10/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	24.56
388	NGUYỄN HỮU QUÂN	19/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.56

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
389	DƯƠNG ĐÌNH KIÊN	03/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.56
390	NGUYỄN NAM KHÁNH	11/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	24.56
391	NGUYỄN HẢI LONG	28/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	1	24.53
392	TRẦN VIỆT HOÀNG	22/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	9	24.53
393	HOÀNG ĐỨC KHÁNH	14/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	24.53
394	PHÙNG NGỌC LINH	21/06/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	2	24.53
395	ĐỖ KHẮC HÒA	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.53
396	PHẠM HOÀNG THÁI	10/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.52
397	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	07/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	4	24.52
398	LÊ THỊ HỒNG THÊM	26/05/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.51
399	NGUYỄN ANH QUÂN	05/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	5	24.49
400	NGUYỄN HỮU QUÂN	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.49
401	NGUYỄN ĐỨC TÂM	14/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	2	24.48
402	TÔ NGỌC PHÚ	28/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.48
403	ĐỖ VĂN VINH	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.48
404	NGUYỄN BÁ LONG	16/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	24.48
405	PHẠM QUỐC KHÁNH	06/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.48

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
406	TRỊNH QUANG VIỆT	14/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.48
407	NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	01/10/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.48
408	LƯƠNG CAO MINH	29/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	13	24.48
409	DƯƠNG HUY TRỌNG	16/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.47
410	LƯƠNG MINH TUYẾN	31/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	3	24.47
411	PHƯƠNG HOÀNG HẢI	09/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	7	24.47
412	CHU VŨ DUY	22/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	4	24.47
413	TRẦN GIA BẢO	23/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	24.45
414	NGUYỄN MINH HIẾU	10/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.45
415	LỤC VĂN ĐỊNH	25/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	1	24.45
416	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.44
417	PHẠM TRUNG HẢI	21/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	9	24.44
418	PHẠM KHƯƠNG DUY	05/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	24.44
419	VŨ QUANG SƠN	15/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	3	24.44
420	TRIỆU MẠNH DŨNG	22/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.43
421	DƯƠNG THẾ DUY	02/02/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	24.41
422	ĐINH XUÂN THÀNH	24/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	24.41

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
423	NGUYỄN TRỌNG THIÊN PHÚ	09/10/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	7	24.4
424	BÙI MINH HIỆP	14/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.4
425	TRẦN VĂN DƯƠNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.4
426	BÙI QUANG KHÁNH	11/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.4
427	THÂN VĂN HƯNG	26/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.4
428	LÊ NGỌC KHUÊ	30/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	1	24.4
429	TRẦN HẢI DƯƠNG	23/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	4	24.4
430	NGUYỄN VĂN DŨNG	02/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	24.4
431	NGUYỄN HẢI NAM	01/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	11	24.38
432	NGUYỄN LÊ DUY	18/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A01	6	24.38
433	NGUYỄN HỮU TRỌNG	07/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	24.37
434	PHẠM VĂN PHƯỚC	01/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.36
435	LÒ THỊ LAI	07/10/2007	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.36
436	TRỊNH VĂN HIẾU	22/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.36
437	HOÀNG MẠNH TUÂN	10/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.36
438	NGUYỄN TUẤN VINH	15/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	4	24.35
439	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.33

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
440	NGUYỄN QUANG ANH	13/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.32
441	VŨ NGỌC BẢO MINH	03/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	6	24.31
442	LŨU HUY HOÀNG	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.31
443	NGUYỄN HOÀNG HẢI	06/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.29
444	PHẠM CHÍ THIÊN	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	24.28
445	VŨ VĂN THÁI	07/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.28
446	ĐÀO VIỆT THÀNH LONG	26/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.27
447	PHÙ TRỌNG NGUYỄN	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.27
448	HÀ QUỐC HOÀNG	13/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	24.27
449	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	27/07/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	8	24.25
450	LÊ HOÀNG ĐẠT	18/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	24.25
451	ĐINH TRẦN NHẬT HUY	01/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	2	24.25
452	NGUYỄN TIẾN THÀNH ĐẠT	05/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.25
453	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	09/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	1	24.25
454	LŨU ĐÌNH NAM	01/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	5	24.25
455	HOÀNG CHÍ VỸ	07/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	1	24.25
456	TRƯƠNG MINH QUÂN	12/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.24

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
457	NGUYỄN XUÂN MẠNH	13/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.24
458	GIÁP HỮU NGHỊ	26/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.24
459	DIÊM ĐĂNG HUY	02/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	5	24.2
460	ĐINH TÙNG DƯƠNG	17/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C02	1	24.2
461	NGUYỄN MINH HIẾU	22/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A01	2	24.2
462	NGUYỄN VIỆT ANH	23/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	6	24.2
463	NGUYỄN ĐỖ THÀNH	16/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	3	24.2
464	TRẦN HẢI YẾN	13/04/2007	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.2
465	HOÀNG VĂN KHÔI	05/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	3	24.2
466	NGUYỄN ĐĂNG HUY	13/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.19
467	NGUYỄN QUỐC TUẤN	27/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	24.19
468	GIÁP NGUYỄN VŨ HOÀNG	11/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.19
469	NGUYỄN TIẾN DŨNG	24/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D01	2	24.17
470	LÊ NGUYỄN HOAN	18/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	4	24.17
471	TRẦN LÊ ANH TUẤN	03/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	6	24.17
472	HÀ MINH ĐỨC	01/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.17
473	NGUYỄN QUANG THẮNG	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C01	9	24.17

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
474	NGUYỄN ANH ĐỨC	30/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	8	24.17
475	HOÀNG TIẾN ĐỨC	06/03/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	7	24.17
476	HÀ HẢI ĐĂNG	16/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	2	24.17
477	LÊ ANH TUẤN	29/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	6	24.17
478	NGUYỄN QUANG MINH	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A00	10	24.17
479	NÔNG LỘC KIÊN	28/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	24.17
480	ĐINH TRẦN TIẾN	07/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.16
481	ĐOÀN ÁNH NGUYỆT	09/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	24.15
482	NGÔ TUẤN HƯNG	19/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	3	24.15
483	NGUYỄN ÁNH NGỌC	20/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	4	24.15
484	CAO HỒNG QUÂN	14/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.15
485	HOÀNG VĂN PHONG	13/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	24.15
486	HOÀNG HẢI ĐĂNG	27/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	24.15
487	TRẦN QUANG DŨNG	22/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.15
488	NGUYỄN ĐỨC SANG	24/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	D01	1	24.15
489	NGUYỄN TIẾN MẠNH	17/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	A01	1	24.15
490	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	02/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	2	24.13

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
491	CHU VĂN CHIẾN	24/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	10	24.13
492	LÊ THÁI TUẤN	14/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	5	24.13
493	PHẠM VĂN THÀNH	01/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	6	24.12
494	NGUYỄN NHƯ' NAM	26/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.11
495	NGUYỄN HÙNG LÂM	23/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.11
496	PHẠM TRUNG THÁI	22/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	2	24.11
497	VY THỊ KIỀU	01/05/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.11
498	TRẦN XUÂN NHẬT	08/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	2	24.11
499	VI HOÀNG XUÂN PHÚ	01/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.11
500	LÂM ANH TUẤN	24/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.11
501	PHAN TRUNG KIÊN	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	2	24.1
502	VÕ MẠNH HÙNG	13/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.09
503	NGUYỄN THẾ ANH	26/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	6	24.08
504	PHẠM VĂN TUẤN	02/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.08
505	PHẠM MINH TUẤN	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	1	24.07
506	KHÔNG MINH ĐẠT	21/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.05
507	NGUYỄN THÀNH LÂM	10/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	9	24.05

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
508	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.05
509	TRƯƠNG PHÚC LÂM	30/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	3	24.05
510	NGUYỄN LÂM HOÀNG	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	9	24.04
511	LƯƠNG VĂN VIỆT PHÚC	25/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	6	24.04
512	BÙI VIỆT HOÀNG	21/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	1	24.03
513	TRẦN NHẬT KHÔI	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.03
514	HOÀNG THÀNH LONG	20/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	10	24.03
515	NGUYỄN THIÊN PHÁT	04/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.03
516	NGUYỄN NHẬT HUY	22/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	3	24.03
517	ĐÀO MINH LONG	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.01
518	ĐỖ QUANG THƯỜNG	26/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24.01
519	NGHIÊM VĂN CHÍ HUY	11/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	D07	13	24.01
520	CHU THẾ ĐĂNG DUY	11/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24.01
521	HOÀNG TRỌNG TIẾN	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	5	24.01
522	TRẦN MINH NGHĨA	30/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.01
523	NGUYỄN TUẤN PHONG	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24.01
524	HÀ TẤN MINH	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A01	2	24.01

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
525	THÂN GIA LUẬT	06/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	1	24
526	NGUYỄN DUY HƯNG	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	C01	1	24
527	LÊ NGUYỄN NAM PHONG	29/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Học bạ	A00	4	24
528	HOÀNG TUẤN ANH	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi THPT	C02	1	24
529	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	16/03/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Tuyển thẳng	XTT	1	
530	LY MÍ ĐẾ	30/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	27.25
531	LÝ THIÊN TRƯỜNG	11/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	27.1
532	NGUYỄN QUANG CẢNH	16/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	27.1
533	DƯƠNG HOÀI NAM	03/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	27.05
534	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	01/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	26.98
535	NGUYỄN MAI ANH	17/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	26.92
536	LÊ THỊ YẾN	08/04/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	26.63
537	HOÀNG HẢI DŨNG	20/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	26.28
538	LÂM VĂN CÔNG	07/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	26.28
539	ĐẶNG TRUNG NGHĨA	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	26.22
540	ĐÀO DUY KHÁNH	19/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	26.1
541	NGUYỄN ĐỨC HẢI	16/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	26.02
542	ĐẶNG QUỐC TRIỆU	27/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.99
543	LƯU QUANG HƯNG	17/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.99
544	NGUYỄN CÔNG VINH	05/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	25.96
545	PHẠM MINH HIẾU	08/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.72
546	HOÀNG PHÚ VĂN THIỆU	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	25.68
547	LÝ NHẬT KHANG	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	25.65
548	HOÀNG VĂN NHIỆM	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	25.62
549	HÀ MINH QUÂN	12/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.6
550	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	13/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.5
551	BẾ TRẦN PHƯƠNG THẢO	03/08/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	25.45

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
552	TRẦN TRUNG KIÊN	29/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	25.41
553	TRẦN NHẬT MINH	09/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.32
554	LỘC TRƯỜNG VŨ	26/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	25.24
555	TÔ TRUNG THÀNH	27/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	6	25.21
556	VƯƠNG HUY LONG	18/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	25.11
557	BÙI THỊ ÚT THƯƠNG	06/06/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.08
558	NGUYỄN VĂN NGHĨA	13/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.02
559	LÊ VĂN TÀI	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.02
560	NÔNG GIA KIẾT	18/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	25.02
561	LÝ ANH VIỆT	11/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.91
562	NGUYỄN VIỆT BÌNH	06/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	24.87
563	NGUYỄN MINH ĐỨC	17/04/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.85
564	NGÔ BÁ THẮNG	12/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.83
565	LONG QUANG THỰC	06/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	24.68
566	NGUYỄN VĂN VIỆT	27/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.65
567	NGUYỄN VĂN TÂM	21/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	24.65
568	NÔNG VĂN HIẾU	29/01/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.65
569	NGUYỄN HOÀN VŨ	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	24.6
570	DƯƠNG VIỆT TOÀN	01/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.52
571	SÂM MẠNH TUẤN	05/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.52
572	TÔ MINH THÔNG	15/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	24.51
573	TOÀN QUỐC MẠNH	13/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.51
574	HOÀNG THẾ HIẾU	17/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	24.51
575	SÂM QUANG DŨNG	04/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	24.5
576	LƯƠNG THIÊN VĨ	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.48
577	ĐỖ QUÝ HỢI	30/04/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.45
578	HÀ HẢI HOÀNG	02/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	5	24.44
579	PHAN VĂN VIỆT	14/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	11	24.4
580	NGUYỄN VĂN HẢO	24/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	24.36
581	NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	24/07/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	4	24.36

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
582	HOÀNG VĂN MINH	30/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	1	24.36
583	HOÀNG VĂN QUYẾT	11/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	24.33
584	CAO CỰ TUÂN	28/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	5	24.31
585	HOÀNG THANH TRAI	21/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	24.31
586	VY ĐÌNH LONG	25/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	24.28
587	NGUYỄN TÀI TUỆ	29/08/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	24.28
588	ĐOÀN THỊ QUỲNH CHI	26/07/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	5	24.23
589	MÃ VĂN LINH	11/02/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	2	24.2
590	NGUYỄN VĂN HUY	08/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	24.2
591	LỤC KHÁNH LUÂN	19/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.2
592	NGUYỄN DUY KHOA	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	1	24.19
593	HỨA VĂN TUÂN	25/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.17
594	NGUYỄN TÀI TÂM	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	24.16
595	NGUYỄN ĐỨC MINH	10/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	24.15
596	HOÀNG TRUNG HẢO	07/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.15
597	NGUYỄN VIỆT ANH	08/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	24.15
598	BÙI VIỆT QUANG	24/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	24.13
599	VŨ ĐÌNH PHÚC	25/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	7	24.09
600	NGÔ TIẾN ĐẠT	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.09
601	ĐỖ ĐÌNH LỘC	22/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	24.07
602	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	29/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	5	24.05
603	NGUYỄN ANH KHIẾT	18/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	24.05
604	NGUYỄN CHÍ HÙNG	20/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	24.05
605	PHẠM HỒNG PHONG	20/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	1	24.01
606	PHẠM KHÁNH HƯNG	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.99
607	TRỊNH TUÂN NAM	16/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	23.97
608	NGUYỄN VĂN HIẾU	04/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.96
609	LÊ HOÀNG PHONG	03/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.96
610	TẠ VIẾT TÍNH	11/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	12	23.95
611	VŨ HOÀNG HẢI	06/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	6	23.95

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
612	NGUYỄN KIỀU ĐỨC	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.95
613	MÃN XUÂN KHÁNH	20/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.95
614	VI QUỐC TÂN	17/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.95
615	HÀ VĂN ĐẠT	09/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	23.93
616	LÙNGỌC THÀNH	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.92
617	NGUYỄN THANH BÌNH	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.89
618	NGUYỄN VĂN ĐỨC PHÚC	22/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.89
619	VŨ XUÂN AN	07/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.87
620	ĐÀO ĐỨC LƯƠNG	04/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.87
621	LƯƠNG ĐỨC TÚ	05/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	23.85
622	NGUYỄN TUÂN KIẾT	31/07/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.84
623	ĐINH CÔNG PHÚC	11/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.83
624	ĐỖ TRỌNG KIÊN	27/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.81
625	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	29/02/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.81
626	NGUYỄN QUANG MẠNH	28/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.79
627	LỖ SÁNG TẮC	26/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	1	23.77
628	NGUYỄN VĂN TOẢN	12/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.77
629	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	09/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.77
630	VŨ ĐỨC TRUNG HIẾU	28/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	V-SAT	A00	6	23.76
631	HÒA NGỌC DŨNG	13/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	6	23.73
632	LƯU ANH TUẤN	05/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.73
633	SÀM VĂN NGHIỆP	11/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.73
634	TRẦN DUY HIẾU	14/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	23.73
635	CAO THANH SƠN	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	23.72
636	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.72
637	NGUYỄN HOÀNG MINH	14/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	7	23.71
638	ĐINH NGỌC MẠNH	28/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	23.71
639	HOÀNG THUYẾT QUỲNH	15/12/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	3	23.71
640	PHẠM NGUYỄN BÌNH	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.71
641	ĐÀO VIỆT HOÀNG	06/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	2	23.7

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
642	BÙI THẾ HƯNG	22/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	23.69
643	LƯƠNG DUY MINH	30/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.69
644	HÀ THẾ HẢI	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	23.69
645	NGUYỄN LONG KHÁNH	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.68
646	ĐINH HOÀNG KHÁNH	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.68
647	NGUYỄN THẾ BẢO SƠN	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	23.67
648	ĐINH QUỐC BẢO	06/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.67
649	HOÀNG TRIỆU PHONG	01/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.64
650	PHẠM VĂN LONG	25/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	5	23.63
651	PHẠM HỒNG QUYỀN	05/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	7	23.63
652	NGUYỄN MINH PHÁT	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.61
653	LƯU ĐỨC HÀ	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.61
654	NGUYỄN ĐOÀN DUY PHƯƠNG	05/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.59
655	BÙI HUY HOÀNG	08/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	23.59
656	DƯƠNG VĂN BỀN	26/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	8	23.59
657	TRẦN THANH TÙNG	14/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.59
658	ĐÀO TRỌNG TÂM	05/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.59
659	NGUYỄN NGỌC LINH	16/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	5	23.59
660	NGUYỄN DUY THỨC	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.57
661	PHẠM CÔNG TÂM EM	06/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.57
662	DƯƠNG QUỐC KHÁNH	02/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.57
663	NGUYỄN TUẤN TÚ	30/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	5	23.56
664	PHẠM GIA CƯỜNG	27/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.56
665	NGUYỄN ĐỨC HUY	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	6	23.56
666	VŨ PHƯƠNG NHẬT ANH	21/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.52
667	NGUYỄN KHẮC KHÁNH	15/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	12	23.51
668	LUYỆN LÊ KHÁNH LINH	11/09/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	23.51
669	NGUYỄN MINH QUÂN	05/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	23.49
670	ĐỖ NGỌC ANH	28/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	23.49
671	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	23.49

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
672	HOÀNG VŨ NHẬT MINH	12/11/2006	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.49
673	VŨ ĐỨC HẢI	22/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	23.48
674	PHÙNG KHÁNH LINH	15/03/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	5	23.48
675	LỤC TUẤN VŨ	01/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	3	23.47
676	LÊ GIANG NAM	25/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	23.45
677	VŨ QUANG TRUNG	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.45
678	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	29/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	5	23.44
679	CHU TUẤN KHANH	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	23.44
680	LÊ XUÂN DŨNG	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.41
681	ĐÀM LÊ QUYẾT	07/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.41
682	ĐINH NGỌC KHÁNH	16/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.41
683	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	14/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.41
684	TRẦN MINH TRÍ	17/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	23.4
685	BẾ ANH ĐỨC	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	23.39
686	NGUYỄN ĐỨC BẢO	30/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.37
687	DƯƠNG MẠNH ĐỨC	07/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.37
688	ĐẶNG MINH HIẾU	14/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.36
689	ĐẶNG VĂN QUÂN	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.33
690	DƯƠNG THANH TÙNG	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.33
691	NGUYỄN HOÀNG ANH	29/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.32
692	LÊ VĂN THÀNH	16/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.32
693	NGUYỄN LÊ MINH	03/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.32
694	NGUYỄN VĂN TRUỜNG	26/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.29
695	NGUYỄN NGỌC HẢI	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	15	23.29
696	LÒ MINH THẮNG	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.29
697	TRẦN ĐỨC KIÊN	18/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.28
698	DƯƠNG KHÁNH LINH	21/05/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	23.28
699	NGUYỄN NGỌC HIẾU	21/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	23.28
700	NGUYỄN HÙNG VỸ	22/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.28
701	ĐỖ XUÂN CHÍNH	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.28

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
702	TRẦN NGUYỄN TUẤN ANH	30/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.28
703	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.25
704	LÊ HÙNG ANH	13/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.25
705	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	08/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.24
706	VŨ ĐỨC CẢNH	04/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.24
707	ĐÀO QUANG VIỆT	16/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.24
708	ĐOÀN BÁ TRUNG DŨNG	24/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.24
709	NGUYỄN HOÀNG HUỖNH	02/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.24
710	NGUYỄN VĂN DŨNG	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.23
711	LŨU TIẾN LỢI	04/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.23
712	LÊ CÔNG HIỆU	16/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	11	23.23
713	TRẦN QUỐC THẮNG	16/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	6	23.23
714	ĐOÀN TRUNG KIẾN	22/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.23
715	TRẦN TRỌNG LONG TRƯỜNG	05/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.23
716	DƯƠNG HOÀNG ANH BẢO	21/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.23
717	TRẦN BẢO LONG	20/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.23
718	TRẦN BẢO MINH	12/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	23.23
719	CÙ VIỆT HOÀNG	26/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	4	23.21
720	ĐÀO CHÍ KIẾN	17/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	23.21
721	NGUYỄN GIA PHÁT	11/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.2
722	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.2
723	TRẦN GIA THÁI	27/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	13	23.2
724	LẠI ĐỨC HƯỞNG	15/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.2
725	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	20/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.2
726	LÒ MINH CHIẾN	05/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.2
727	TRỊNH NHƯ QUỲNH	21/04/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.2
728	LƯƠNG BẢO QUỐC	14/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	23.19
729	HOÀNG ĐÌNH SÂM	04/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	23.19
730	VŨ TÀI LINH	28/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	7	23.17
731	ĐỖ ĐÌNH ĐÔNG	19/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.17

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
732	VŨ HẢI PHONG	31/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.17
733	VŨ GIA KHANG	20/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	3	23.16
734	NGUYỄN ĐĂNG MINH	20/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	11	23.16
735	HÀ VĂN ĐẠT	05/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.16
736	NGUYỄN VĂN DŨNG	23/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	23.15
737	NGUYỄN VĂN QUYẾT	17/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	V-SAT	A00	5	23.14
738	LẠI HÀ ANH	19/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.13
739	NGÔ ĐẮC NGHĨA	25/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	23.13
740	GIÁP VIỆT TIẾN	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	23.12
741	VŨ NHẬT KHÁNH	30/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.12
742	NGUYỄN TIẾN DŨNG	27/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	6	23.12
743	CHU THÁI TOÀN	03/07/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.12
744	TẠ KHẢI HÀ	01/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	23.11
745	ĐỖ ĐĂNG DƯƠNG	18/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.1
746	LƯƠNG KHÁNH LY	11/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.09
747	NGUYỄN HỮU DŨNG	29/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	8	23.09
748	NGUYỄN THỊ TUYẾT	29/06/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.09
749	HOÀNG TIẾN AN	18/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	23.08
750	ĐÀO MINH ĐỨC	28/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.08
751	NGUYỄN VIỆT ANH	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.08
752	NGUYỄN TUẤN ANH	23/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.07
753	NGUYỄN BẢO HÀ	10/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	23.07
754	PHẠM PHƯƠNG NAM	20/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.07
755	LÊ HUY KHÁNH	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.07
756	TRẦN ĐỨC NHẬT	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	23.04
757	NGUYỄN TUẤN ANH	14/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	23.04
758	NGUYỄN QUANG HƯNG	29/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	10	23.03
759	NGUYỄN ANH TÚ	28/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	14	23.03
760	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	26/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.03
761	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT THANH	21/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	23.03

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
762	LÊ THANH BÌNH	16/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	7	23.03
763	NGUYỄN CHÍ THẮNG	11/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.03
764	VŨ THANH TÙNG	13/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.03
765	NGUYỄN THẾ VINH	24/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	23.03
766	NGUYỄN NHƯ KHÁNH	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	V-SAT	A00	5	23.02
767	PHAN QUANG ANH	04/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	23.01
768	PHẠM MINH THIÊN	28/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	8	23
769	ĐẶNG VĂN DUY	20/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23
770	NGÔ NHẬT HOÀNG	16/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23
771	TRẦN QUANG PHÚC	11/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	12	23
772	NGUYỄN LÂM CHÍ	19/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	23
773	PHẠM TUẤN HIỆP	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23
774	PHẠM QUÝ THIÊN	17/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	6	23
775	BÙI MINH ĐỨC	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	9	23
776	NGUYỄN MINH HIẾU	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	5	23
777	CHU VĂN THANH	10/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	D01	4	23
778	ĐÀO DUY MẠNH	28/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	23
779	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	29/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	5	23
780	THÂN MẠNH SÁNG	16/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	5	23
781	DƯƠNG QUỐC KHÁNH	30/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23
782	PHẠM QUỐC TUẤN	09/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	4	23
783	MAI ĐỨC PHÚ	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	7	23
784	LÝ HOÀNG QUỐC THẮNG	07/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23
785	LÊ LỆNH HƯNG	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	12	22.99
786	ĐẶNG DUY KHẢI	01/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	22.99
787	TRẦN BÌNH MINH	28/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	22.99
788	BÙI TRUNG ĐỨC	02/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	22.99
789	TRẦN ĐÌNH MINH	27/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	22.99
790	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	15/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.99
791	PHẠM HOÀNG LONG	04/07/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	7	22.99

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
792	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	01/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	22.99
793	GIÁP DUY ĐẠT	14/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	3	22.99
794	TRẦN HOÀNG ANH	09/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	22.99
795	TRẦN VĂN AN	03/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.97
796	NGUYỄN VĂN HOÀNG	09/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	22.97
797	LÝ THÀNH YÊN	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	22.97
798	TẠ QUANG THẾ	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.96
799	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	24/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	22.96
800	TRẦN VĂN THẮNG	04/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	22.96
801	ĐỖ NGỌC MẠNH	02/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.96
802	LÊ ĐỨC HẢI	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	22.95
803	NGUYỄN MẠNH TÙNG	16/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	6	22.95
804	LÊ ĐẠI DƯƠNG	20/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	22.95
805	PHAN KHÁNH HUY	23/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	22.95
806	NGUYỄN HẢI NAM	19/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	22.93
807	LÝ TIẾN MẠNH	27/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	22.93
808	BÙI VĂN VŨ	29/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	22.93
809	LƯƠNG VIỆT HOÀNG	09/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	22.93
810	NGÔ MINH TUẤN	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	22.92
811	PHAN ĐỨC DUY	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	6	22.92
812	LƯU VIỆT ĐỊNH	09/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	6	22.91
813	ĐỖ VĂN HUY	27/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	5	22.91
814	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	15/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	22.89
815	NGUYỄN ĐỨC SƠN	31/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.89
816	NÔNG HOÀNG KHƯƠNG	29/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	2	22.89
817	TRỊNH XUÂN TÚ	01/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	22.89
818	PHẠM MẠNH CƯỜNG	16/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.88
819	HOÀNG ANH TUẤN	24/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.88
820	NGUYỄN GIA BÁCH	04/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	4	22.88
821	NGÔ MINH HIẾU	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	22.88

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
822	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	9	22.87
823	NGUYỄN TRỌNG MINH	27/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	10	22.87
824	DƯƠNG ĐÌNH NHẤT	22/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	22.87
825	VŨ TRÍ DƯƠNG	19/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.87
826	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	03/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	22.87
827	PHẠM ĐỨC TRƯỜNG	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	22.85
828	NGUYỄN VĂN ĐẠI	19/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	8	22.85
829	CHU KHÁNH ĐÔNG	27/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	22.85
830	VŨ SƠN ĐÔNG	12/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	22.85
831	NHỮ MINH HOÀNG	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	6	22.85
832	TRẦN ANH DUY	13/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	22.85
833	DƯƠNG THẾ THÁI	11/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	22.85
834	ĐINH HỒNG PHÚC	11/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	V-SAT	A00	4	22.83
835	TẠ QUANG SANG	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	5	22.81
836	NGUYỄN THỊ KIM ANH	03/08/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.81
837	NGUYỄN DUY TUẤN	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	22.81
838	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	29/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	8	22.81
839	DƯƠNG VIỆT HOÀNG	28/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	22.81
840	HÀ THỊ HOÀI NAM	14/04/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.81
841	ĐINH NGỌC HUY	01/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	22.81
842	LÊ VĂN HUY	13/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	5	22.81
843	HOÀNG ĐẮC QUANG	14/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.81
844	NGÔ VĂN QUÂN	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	6	22.81
845	VŨ ĐỨC CƯỜNG	07/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	22.81
846	ĐỖ HUY CƯỜNG	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	22.81
847	TRĂNG LONG VŨ	12/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.81
848	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	15/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	22.8
849	HOÀNG MẠNH KIẾN	24/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	1	22.8
850	NGUYỄN MINH TIẾN	02/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	22.79
851	NGUYỄN TRÍ DŨNG	26/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	22.79

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
852	NGUYỄN THANH DŨNG	10/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.79
853	NGUYỄN TÔ HỒNG SƠN	31/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	22.79
854	LAI ĐỨC BẢO	03/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	22.77
855	TĂNG MINH ĐỨC	31/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	7	22.77
856	NGUYỄN MINH HIẾU	28/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	22.77
857	NGUYỄN TRÍ DŨNG	21/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	10	22.77
858	ĐOÀN VŨ QUANG MINH	27/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.77
859	ĐOÀN TOÀN THẮNG	09/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	22.77
860	QUẦN TRỌNG TÀI	29/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	22.77
861	CÁT VĂN THÀNH ĐẠT	26/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.77
862	NGUYỄN VĂN DUY	01/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	9	22.77
863	TRẦN TUẤN KIẾT	19/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.77
864	NGUYỄN VĂN MẠNH	28/06/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	22.77
865	LÊ THÀNH NAM	29/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.76
866	HOÀNG HOÀI NAM	20/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.75
867	ĐOÀN LÊ MẠNH HÙNG	26/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	7	22.75
868	THÂN MINH HẢI	04/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	7	22.75
869	BÙI ĐỨC MẠNH	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	8	22.75
870	DƯƠNG ĐÌNH TUẤN	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	13	22.75
871	PHẠM THÀNH DŨNG	12/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	22.75
872	NGUYỄN TIẾN KHƯƠNG	19/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	22.75
873	NGÔ ĐÌNH TRỌNG	02/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	22.75
874	LÃ MINH QUÂN	21/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	12	22.75
875	LƯƠNG VĂN THỊNH	04/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	3	22.75
876	NGUYỄN HỮU QUÂN	09/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	7	22.75
877	PHẠM ANH HÀO	24/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	22.75
878	PHẠM MINH QUÂN	08/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	22.75
879	HOÀNG VĂN SƠN	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	22.75
880	LƯƠNG THÀNH NHẬT LONG	02/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	22.75
881	NGUYỄN CÔNG MINH	11/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	7	22.75

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
882	PHẠM ANH KHÔI	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	22.75
883	MAC ĐỨC HƯNG	14/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	22.75
884	TRẦN ĐỨC MẠNH	06/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	22.75
885	HÒA TIẾN DŨNG	23/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	22.73
886	TRẦN TUẤN ANH	10/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	22.73
887	HOÀNG MINH THÀNH	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	10	22.73
888	NGUYỄN VĂN HẢI	06/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	6	22.73
889	NGUYỄN VĂN LONG	08/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	22.73
890	NGUYỄN TUẤN PHÚ	03/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	4	22.73
891	NGUYỄN MẠNH HƯNG	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	8	22.72
892	ĐỒNG MẠNH HIẾU	06/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	22.72
893	MÙA A CHÁ	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	1	22.72
894	LÊ TRẦN ĐỨC MẠNH	20/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	22.72
895	HOÀNG ĐỨC THÀNH	11/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	6	22.71
896	VŨ THANH TRÚC	14/11/2008	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	8	22.71
897	TRẦN ANH ĐỨC	26/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	22.71
898	NGUYỄN ĐÌNH THI	20/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.71
899	GIÁP TRUNG KIẾN	17/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	22.71
900	NGUYỄN VĂN BẮC	07/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	22.71
901	NGUYỄN TÙNG LÂM	23/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	5	22.69
902	VŨ ĐỨC TOÀN	16/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	22.69
903	LẶNG TUẤN ĐỨC	24/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	22.69
904	NGUYỄN THẾ MẠNH DŨNG	05/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	22.68
905	VŨ ANH TUẤN	07/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	15	22.67
906	TRẦN HOÀI THƯƠNG	29/09/2007	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	22.67
907	TRẦN VIỆT KHOA	22/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	5	22.67
908	NGÔ DUY HOÀNG	04/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	3	22.67
909	TRẦN HOÀNG HẢI	23/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	5	22.65
910	HÀ ĐỨC VÂN	29/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	2	22.65
911	TRẦN HOÀNG MINH	13/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	9	22.65

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
912	TRẦN TUẤN KIẾT	28/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	22.65
913	ĐẶNG BÁ TÙNG	21/03/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	1	27.12
914	NGUYỄN TRUNG KIẾN	07/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	2	22.97
915	ĐÀO ANH CƯỜNG	25/12/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	3	21.96
916	ĐỖ THÀNH DUY	10/05/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	3	21.61
917	PHẠM TUẤN MINH	29/01/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	6	21.27
918	NGUYỄN ĐÌNH HUY	02/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C01	8	21.1
919	HOA VĂN ANH DŨNG	26/03/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C02	2	21.1
920	HOÀNG VŨ BẢO	22/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	4	21.05
921	LÊ TIỀN HOÀN	19/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	5	21.01
922	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	17/04/2008	Nữ	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C02	2	21
923	NGUYỄN TÙNG LÂM	01/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C01	2	21
924	NGUYỄN TUẤN HIỆP	02/03/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	3	20.8
925	ĐẶNG THÀNH SƠN	09/07/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	3	20.79
926	NGÔ QUANG MINH	23/08/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	6	20.76
927	VŨ QUỐC VƯƠNG	25/03/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D07	3	20.67
928	DƯƠNG VĂN QUÝ	30/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	6	20.64
929	CAO BÁ THUẬN	14/12/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	11	20.6
930	NGUYỄN MẠNH HÙNG	08/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	6	20.48
931	LÊ VĂN HƯỞNG	14/04/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	6	20.44
932	NGUYỄN MẠNH PHÚ	23/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	5	20.4
933	NGUYỄN KHẮC MINH HOÀNG	23/08/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	8	20.27
934	TRIỆU PHÚC ĐÔNG	25/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	4	20.23
935	LÊ QUANG MINH	05/07/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	8	20.21
936	NGUYỄN MINH KHÁNH	01/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	4	20.2
937	NGUYỄN CÔNG HƯỞNG	25/02/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	5	20.16
938	TRẦN TRÍ CÔNG	21/09/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	4	20.13
939	NGUYỄN VIỆT ANH	16/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	7	20.12
940	ĐÀM VĂN BẢN	25/04/2005	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	2	20.11
941	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	20/03/2006	Nữ	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	2	20.03

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
942	NGUYỄN THANH GIANG	14/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	4	20.01
943	HOÀNG QUỐC CƯỜNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C02	11	20
944	HOÀNG QUỐC VIỆT	27/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	D01	3	20
945	NGUYỄN NGỌC MINH	21/02/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	11	19.88
946	DƯƠNG ĐẶNG NGUYỄN HẠNH	19/03/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	5	19.81
947	DƯƠNG QUỐC KHÁNH	09/02/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	2	19.79
948	TRẦN VĂN TRƯỜNG	29/07/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	5	19.79
949	NGUYỄN TIẾN MINH	30/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	4	19.72
950	NGUYỄN NGỌC GIA HƯNG	11/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	2	19.68
951	NGUYỄN DUY HỌC	31/01/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	6	19.64
952	THÂN ÁNH MINH	04/11/2008	Nữ	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	2	19.61
953	PHẠM HÙNG NAM	16/04/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	10	19.6
954	LƯƠNG NGỌC MINH	23/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	5	19.56
955	QUÁCH MẠNH HOÀNG	01/11/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C01	8	19.5
956	TRẦN MINH LỢI	07/01/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	8	19.44
957	NGUYỄN QUỐC BẢO	11/04/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	7	19.43
958	NGUYỄN TRUNG KIẾN	11/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	9	19.43
959	NGUYỄN MINH HIẾU	17/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	9	19.41
960	LÊ BẢO VIỆT	06/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	8	19.37
961	HOÀNG VĂN THANH	23/03/2007	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A01	5	19.25
962	PHAN HOÀNG ANH	17/02/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C01	12	19.25
963	ĐỖ VĂN THÁI	14/06/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	2	19.21
964	NGUYỄN TRỌNG TUỆ	04/08/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D07	3	19.16
965	LƯU QUANG MINH	24/09/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	5	19.16
966	VŨ LAI HIẾU	08/08/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	4	19.11
967	NGUYỄN VIỆT DŨNG	24/09/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	4	19.01
968	VŨ DUY HƯNG	15/04/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	A00	5	18.79
969	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	30/12/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	9	18.71
970	TRẦN DUY NAM	25/09/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	D01	5	18.48
971	ĐÀO VIỆT CƯỜNG	21/10/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C01	2	18.28

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
972	ĐINH VĂN THẾ	25/09/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Học bạ	C02	8	18.28
973	HÀ VIỆT ANH	07/02/2008	Nam	Công nghệ khuôn mẫu	Điểm thi THPT	C01	4	18.25
974	NGÔ ĐỨC ANH	23/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	2	26.32
975	NGUYỄN BẢO CHÂM	20/09/2008	Nữ	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C02	4	25.17
976	NGUYỄN DUY HẢI	02/08/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	3	23.67
977	HÀ HUY DUY MẠNH	31/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	2	23.55
978	TRẦN VĂN DIỆU	07/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	3	23.4
979	VŨ HOÀNG TÚ	03/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D07	2	23.25
980	ĐỖ QUANG ĐỨC	22/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	1	23.12
981	GIÁP ÁI QUỐC	10/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	3	23.12
982	DƯƠNG XUÂN TÙNG	21/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	2	22.99
983	PHAN NHÂN DUY	17/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	5	22.93
984	PHẠM THÁI VIỆT	12/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	6	22.83
985	NGUYỄN ĐỨC PHI LONG	29/08/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C02	6	22.73
986	VÕ DUY HIẾU	02/03/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	A00	3	22.6
987	NGUYỄN NHỮ TRUNG	28/11/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	1	22.51
988	NGUYỄN TUẤN MINH	14/05/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C02	6	22.5
989	TẠ ĐÌNH THÀNH	17/04/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D07	7	22.47
990	NGUYỄN DUY ANH	03/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	11	22.43
991	VŨ DUY ĐẠT	03/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	6	22.4
992	PHẠM THẾ HÀ	05/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	1	22.39
993	NGÔ TUẤN DŨNG	19/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	2	22.37
994	HOÀNG HẢI	06/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	8	22.37
995	TRƯƠNG THẾ BẢO	05/02/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	8	22.37
996	DƯƠNG THÁI BÌNH	12/02/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	5	22.33
997	NGUYỄN ĐẮC THÀNH LONG	13/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	10	22.25
998	ĐOÀN VĂN DU	14/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	A00	9	22.25
999	NGÔ VIỆT HOÀNG VŨ	25/02/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	5	22.24
1000	ĐINH VĂN MẠNH	21/04/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	4	22.17
1001	ĐỖ MINH SÁNG	26/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	4	22.13

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1002	NGUYỄN QUANG MINH	29/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	11	22.1
1003	CÙ NGỌC MINH QUÂN	11/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	4	22.04
1004	PHẠM VĂN PHÚC	20/03/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	5	22.03
1005	ĐẶNG THÀNH LUÂN	05/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	11	22
1006	VŨ THẾ DŨNG	19/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	5	22
1007	PHÙNG QUANG THANH	02/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	9	22
1008	TRẦN TUẤN ANH	12/02/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	4	21.96
1009	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	27/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	1	21.88
1010	NGÔ ĐÌNH CHIẾN	29/08/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	1	21.83
1011	ĐẶNG VIỆT ANH	21/04/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	2	21.75
1012	NGUYỄN TRẦN HẢI ĐĂNG	23/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	4	21.73
1013	THÂN XUÂN BÁCH	15/08/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	3	21.73
1014	NGUYỄN ĐÌNH NAM	24/06/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	5	21.71
1015	NGUYỄN PHƯƠNG THẮNG	08/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	4	21.69
1016	DƯƠNG VĂN THÀNH	07/01/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	2	21.65
1017	NÔNG NGỌC VĨNH	03/04/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	1	21.56
1018	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	19/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	3	21.5
1019	TRƯƠNG CÔNG THẮNG	06/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C02	1	21.5
1020	NGUYỄN ANH VŨ	05/06/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	1	21.49
1021	BÙI TRUNG ANH	28/11/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A00	4	21.48
1022	NGUYỄN PHÚC HƯNG	17/05/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	1	21.41
1023	HÀ VĂN DƯƠNG	05/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	2	21.4
1024	ĐỖ TRUNG HIẾU	27/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C01	1	21.35
1025	ĐẶNG VĂN SÁNG	02/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	3	21.33
1026	TRẦN MINH QUANG	29/09/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	3	21.28
1027	NGUYỄN TIẾN MẠNH	30/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C02	8	21.25
1028	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	23/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	A01	5	21.13
1029	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	23/11/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D07	8	21.13
1030	NGUYỄN ĐỨC ĐÔNG	17/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D07	4	21.12
1031	NGÔ TRUNG NGUYỄN	07/04/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	9	21.12

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1032	NGUYỄN QUANG THỊNH	06/06/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	C02	2	21.1
1033	LƯƠNG QUANG HUY	16/10/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	D01	3	21.07
1034	HOÀNG VĂN KIÊN	20/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C02	7	21.01
1035	NGUYỄN MẠNH TUẤN	08/07/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Học bạ	C01	9	21
1036	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	02/12/2008	Nam	Công nghệ cơ khí số	Điểm thi THPT	A00	2	21
1037	NGUYỄN VĂN KHANG	10/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	26.9
1038	VŨ QUỐC CƯỜNG	14/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	1	26.77
1039	NGUYỄN VĂN AN	13/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	25.45
1040	NGÔ HẢI ĐĂNG	20/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	1	25
1041	HOÀNG VŨ DUY	21/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	6	24.88
1042	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	17/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	2	24.75
1043	CHU MINH ĐỨC	04/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	2	24.71
1044	NGUYỄN QUANG HOÀNG	14/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	1	24.6
1045	THÂN ĐỨC SỸ	28/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	24.57
1046	LỤC THỊ THU TRANG	30/09/2008	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	1	24.15
1047	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	01/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	3	23.7
1048	LĂNG DƯỢC PHI	03/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	1	23.5
1049	ĐẶNG VĂN PHÚC	23/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	23.33
1050	NGUYỄN ANH TUẤN	16/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	23.32
1051	NGUYỄN THANH TUẤN	01/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	23.28
1052	NGHIÊM XUÂN KHÁNH	02/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	23.28
1053	PHAN LƯƠNG QUỲNH CHI	05/04/2008	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	3	23.24
1054	TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	25/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	3	23.2
1055	ĐÀO TRUNG HIẾU	23/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	23.2
1056	NGUYỄN HỮU MINH ĐỨC	13/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	V-SAT	A00	13	23.18
1057	TRẦN TÙNG DƯƠNG	23/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	23.12
1058	MA LÔ NAM KHÁNH	10/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	3	23.12
1059	NGUYỄN TUẤN ANH	26/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	3	23.08
1060	LĂNG TRÍ PHONG	28/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	23.07
1061	NGUYỄN THANH TÙNG	04/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	5	23

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1062	ĐỖ BÌNH NGUYỄN	29/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	1	23
1063	NGUYỄN ĐĂNG THÙY TRÂM	18/08/2008	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	4	22.87
1064	NGUYỄN VŨ TRỌNG	09/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	7	22.84
1065	NGUYỄN VĂN THỦY	24/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	22.83
1066	NGUYỄN QUANG DŨNG	01/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	22.77
1067	KIỀU VIỆT CƯỜNG	26/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	1	22.64
1068	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	22.59
1069	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	13/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	1	22.57
1070	TRẦN VĂN THẾ	21/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	22.56
1071	GIÁP MINH QUÂN	13/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	1	22.55
1072	NGUYỄN VIỆT LÂM	09/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	1	22.55
1073	LÊ HỒNG PHONG	01/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	22.55
1074	NGUYỄN MINH ĐỨC	15/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	1	22.53
1075	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	12/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	12	22.53
1076	NGUYỄN VĂN NGỌC KHẢI	01/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	3	22.51
1077	NGUYỄN ĐÌNH PHI	10/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	14	22.5
1078	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	24/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	12	22.49
1079	MA ĐỨC ANH	18/07/2003	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	5	22.49
1080	LÊ ĐỨC VINH QUANG	29/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	22.45
1081	PHẠM TIẾN ĐẠT	21/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	2	22.4
1082	PHẠM VĂN TIẾN	12/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	7	22.37
1083	BÙI QUỐC AN	10/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	3	22.37
1084	NGUYỄN HỒNG QUÂN	08/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	5	22.35
1085	PHẠM XUÂN NAM	21/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	6	22.33
1086	TRẦN VĂN SƠN	11/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	22.32
1087	LÂM TUẤN THÀNH	02/02/2007	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	3	22.31
1088	MA GIA MINH	22/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	5	22.29
1089	DƯƠNG MẠNH HÙNG	07/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	6	22.28
1090	NGUYỄN DUY KHOA	21/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	22.28
1091	HOÀNG ĐỨC MINH TÂM	04/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	8	22.25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1092	PHẠM HOÀNG QUANG HUY	20/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	22.25
1093	LÊ HOÀNG NAM	05/05/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	8	22.25
1094	NGÔ TRƯỜNG GIANG	13/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	6	22.25
1095	NHỮ ĐĂNG MINH	20/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	1	22.25
1096	NGUYỄN MAI AN HUY	10/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	3	22.25
1097	TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	12/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	3	22.25
1098	PHẠM QUANG VINH	02/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	3	22.25
1099	ĐÀO ĐÌNH KHẢI	31/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	5	22.21
1100	LỤC VĂN VIỆT	19/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	4	22.21
1101	LA QUỐC TOÀN	20/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	4	22.19
1102	TRƯƠNG HẢI NAM	07/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	1	22.17
1103	THẢO THỊ DĨA	07/02/2007	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	2	22.17
1104	TẠ VĂN ĐẠT	14/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	2	22.16
1105	NGUYỄN BÁ THỰC	25/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	12	22.16
1106	ĐÌNH VĂN GIA LUẬT	29/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	4	22.13
1107	VŨ NGỌC QUANG	19/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	8	22.1
1108	NGUYỄN TIẾN HƯNG	30/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	8	22.09
1109	PHÙNG ANH KHOA	07/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	2	22.09
1110	HOÀNG ĐẠT THIÊN AN	01/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	6	22.04
1111	ÂU CÔNG VINH	11/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	7	22.04
1112	ĐÀO XUÂN CHUYỀN	11/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	11	22
1113	VŨ NGUYỄN THANH BÌNH	02/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	11	22
1114	BÙI VĂN THẮNG	12/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	7	22
1115	VŨ HUY ĐẠI	24/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	10	22
1116	NGÔ QUANG HUÂN	21/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	21.96
1117	VŨ HỮU CƯƠNG	19/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	4	21.96
1118	DƯƠNG VĂN THẮNG	03/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	12	21.96
1119	TRẦN TUẤN VŨ	09/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	8	21.96
1120	NGUYỄN DUY HOÀNG	06/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	V-SAT	C01	7	21.96
1121	NGUYỄN VĂN PHÚC	23/05/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	1	21.92

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1122	NGUYỄN ĐÌNH BẮC	29/05/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	4	21.91
1123	LÊ ĐỨC MANH	24/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	3	21.88
1124	KHUẤT HÀ VINH	23/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	6	21.87
1125	NGUYỄN DANH HIỆU	11/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	1	21.87
1126	LÊ QUANG NAM	16/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	8	21.85
1127	ĐỖ TIẾN TRUNG	27/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	4	21.83
1128	GIÁP THỊ THANH TÂM	24/10/2008	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	2	21.83
1129	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	28/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	3	21.83
1130	HOÀNG QUỐC BẢO	21/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	4	21.83
1131	NGUYỄN HUY HÙNG	15/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	21.8
1132	NGUYỄN ĐỨC TÀI	29/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	21.79
1133	NGUYỄN DUY MẠNH	01/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	D01	6	21.75
1134	TRẦN BẢO NGỌC	03/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	5	21.75
1135	TRẦN ĐỨC MINH	19/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	14	21.73
1136	TRƯƠNG VĨNH KHOA	20/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	2	21.73
1137	PHẠM HỒNG TUYẾN	30/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	3	21.71
1138	DƯƠNG TIẾN ĐẠT	06/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	21.71
1139	NGUYỄN VIỆT HÙNG	08/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	2	21.71
1140	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	05/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	6	21.69
1141	PHAN TRỌNG KHÔI	08/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	11	21.67
1142	HOÀNG THANH LÂM	19/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	7	21.65
1143	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	02/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	21.64
1144	VŨ ĐÌNH KIẾN	11/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	21.63
1145	NGUYỄN MINH TÂM	14/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	3	21.63
1146	NGUYỄN QUỐC HUY	04/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	6	21.61
1147	NGUYỄN THANH SƠN	21/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	5	21.61
1148	NGUYỄN NGỌC HUYẾN	04/07/2008	Nữ	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	3	21.59
1149	BÙI MẠNH KIẾN	18/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	9	21.59
1150	PHẠM CÔNG TÂM ANH	06/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	5	21.57
1151	LÊ PHAN VIỆT CHỨC	10/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	11	21.57

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1152	NGUYỄN TRUNG DŨNG	02/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	3	21.57
1153	TRẦN VĂN TUẤN	08/02/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	11	21.5
1154	TRƯƠNG NGỌC THUẬN	18/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	13	21.5
1155	LÊ ANH QUÂN	04/11/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	1	21.5
1156	LÊ THIỀU THÁI BẢO	19/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C02	2	21.5
1157	NGUYỄN MINH DUY	11/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	4	21.5
1158	VÕ QUANG DUY ĐẠT	03/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	4	21.5
1159	NGUYỄN PHI HÙNG	13/07/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	A00	11	21.5
1160	LÊ THÀNH MẠNH	06/09/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Điểm thi THPT	C01	4	21.5
1161	MÃN ĐỨC TRÍ	02/12/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	6	21.49
1162	NGÔ TUẤN HÀO	25/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A01	4	21.48
1163	NGUYỄN CÔNG VINH	14/05/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	7	21.48
1164	BÙI QUANG TỐ	03/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	2	21.45
1165	VŨ DUY ĐẠT	02/04/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	6	21.44
1166	CHU NGỌC HIỆP	01/06/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	1	21.43
1167	HOÀNG TRỌNG SÁNG	24/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	5	21.41
1168	TRẦN VĂN MẠNH	26/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C01	4	21.4
1169	CAO TRUNG HIẾU	15/10/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	A00	4	21.4
1170	LÝ ĐỨC TRUNG	20/03/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	C02	3	21.39
1171	NGUYỄN HUY HỢI	20/01/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D01	6	21.37
1172	LÊ MINH VŨ	04/08/2008	Nam	Công nghệ sản xuất tự động	Học bạ	D07	3	21.37
1173	NGUYỄN HOÀNG ANH	17/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	5	24.88
1174	NGUYỄN THÁI THIỆN	23/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	6	24.6
1175	PHẠM THẾ CƯỜNG	20/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	1	24.36
1176	QUÁCH TRỌNG ĐẠO	08/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	14	24.11
1177	MAI ĐỨC THIỆN	24/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.67
1178	ĐỖ TÁ GIA HUY	22/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D07	2	23.67
1179	HỨA TIẾN ĐẠT	31/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.29
1180	NGUYỄN NGỌC ĐẠI	23/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23.28
1181	PHẠM NAM PHONG	07/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	8	23.16

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1182	NGUYỄN HỮU TOÀN	09/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	11	23.03
1183	HỨA THỊ THÙY DƯƠNG	30/09/2008	Nữ	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	22.92
1184	NGUYỄN MINH ĐỨC	20/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	9	22.89
1185	ĐỖ THÀNH TRUNG	12/09/2007	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	7	22.73
1186	NGUYỄN TRẦN THÁI QUẢNG	28/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D07	4	22.6
1187	NGUYỄN ĐỨC VỸ	29/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	1	22.5
1188	NGUYỄN MINH NGHĨA	29/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	7	22.47
1189	PHẠM VĂN THANH HẢI	12/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	6	22.41
1190	TRẦN MẠNH HÙNG	26/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	12	22.4
1191	LÊ HUY DU	02/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	4	22.25
1192	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	02/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	6	22.23
1193	TÔ VĂN HÒA	15/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.08
1194	NGUYỄN XUÂN MẠNH	04/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	3	22
1195	ĐÀO ĐÌNH HẢI	18/11/2007	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	10	22
1196	PHẠM TRUNG HIẾU	02/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	1	21.97
1197	LÊ QUANG LINH	13/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	2	21.92
1198	NGUYỄN QUANG HUY	22/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	2	21.92
1199	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	19/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	1	21.91
1200	ĐÀO BẢO TRUNG	11/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	3	21.89
1201	PHAN HOÀNG TÀI	28/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	3	21.87
1202	NGUYỄN DUY HƯỞNG	15/03/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	4	21.85
1203	HOÀNG HỮU SÁNG	07/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	1	21.83
1204	TRỊNH THẾ ANH	30/06/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	21.79
1205	PHẠM TRUNG HIẾU	11/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	3	21.79
1206	NGUYỄN TIẾN LONG	03/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	21.76
1207	LIÊU ĐỨC HÒA	03/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	2	21.73
1208	NGUYỄN MINH TUẤN	03/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	4	21.69
1209	LƯƠNG TRẦN TUẤN	31/03/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	3	21.68
1210	LƯU HOÀNG NAM	29/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	21.56
1211	LÊ VĂN TUẤN	26/06/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	6	21.53

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1212	ĐỖ TRUNG HIẾU	30/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	3	21.52
1213	TRẦN HỮU KHÔI NGUYỄN	24/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	10	21.5
1214	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	4	21.5
1215	NGUYỄN HOÀNG TUỆ	16/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	3	21.49
1216	QUẦN ANH TUẤN	05/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	1	21.45
1217	TRẦN TRỌNG PHÚ	25/03/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	5	21.41
1218	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	21/03/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	5	21.37
1219	BÙI QUỐC HƯNG	22/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	1	21.36
1220	LƯU ĐỨC QUỐC	11/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	8	21.35
1221	DIỆM CÔNG CHIẾN	28/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	8	21.35
1222	CHU TRỌNG HOÀNG	12/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D07	5	21.35
1223	VŨ HỒNG THÁI	05/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	5	21.29
1224	NGUYỄN ĐÌNH LỢI	28/10/2007	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	5	21.28
1225	LÒ HẢI ĐĂNG	15/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	7	21.24
1226	NGUYỄN VĂN ĐỨC	04/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	5	21.23
1227	KIỀU THANH HẢI	01/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	4	21.21
1228	TRẦN GIA HUY	19/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	4	21.19
1229	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	14/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	2	21.16
1230	TRẦN HUY HOÀNG	01/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	8	21.16
1231	NGUYỄN VĂN DŨNG	19/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	6	21.15
1232	NGUYỄN VĂN ĐỨC	12/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	21.15
1233	NGUYỄN ĐỨC ANH	25/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	7	21.12
1234	NGUYỄN ANH VŨ	26/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	8	21.11
1235	TRƯƠNG TIẾN DŨNG	01/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	7	21.1
1236	LÊ HỒNG DƯƠNG	19/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	21.09
1237	NGUYỄN QUANG NAM	02/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	5	21.09
1238	ĐẶNG QUANG SÁNG	19/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	5	21.09
1239	TRIỆU HUY HOÀNG	23/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	6	21.08
1240	NGUYỄN ĐỨC ANH	17/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	11	21.04
1241	THÂN VĂN MẠNH HÙNG	18/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	3	21

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1242	TRẦN MINH PHƯƠNG	21/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	9	21
1243	LÊ MINH TRÍ	15/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	21
1244	TRẦN NGỌC THÀNH	31/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	5	21
1245	CHU BÁ HIỆP	14/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	13	21
1246	DƯƠNG TUẤN LONG	13/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	2	21
1247	DƯƠNG ĐÌNH AN	23/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	5	21
1248	NGUYỄN NÔNG TIẾN DŨNG	09/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	2	20.99
1249	PHẠM VIỆT ANH	07/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	9	20.97
1250	NGUYỄN DUY ĐẠT	04/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	4	20.97
1251	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	18/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	8	20.96
1252	TRẦN HÒA TRUNG	28/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	5	20.93
1253	NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	4	20.92
1254	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	06/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	7	20.92
1255	ĐẶNG ĐÌNH HỢP	29/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	12	20.92
1256	NGUYỄN MINH VŨ	21/03/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	10	20.92
1257	PHẠM QUỐC HOÀN	23/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	2	20.91
1258	NGUYỄN ĐÌNH ANH TUẤN	16/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D07	3	20.91
1259	TRẦN TRUNG HIẾU	03/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	6	20.89
1260	PHẠM TUẤN SƠN	10/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	2	20.87
1261	TRẦN QUANG MINH	13/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	10	20.87
1262	TRẦN QUANG HUY	10/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	20.87
1263	HÀ VĂN CHIẾN	10/08/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	20.87
1264	TRẦN LONG NHẬT	27/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	7	20.85
1265	NGUYỄN MINH TUẤN	21/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	6	20.85
1266	NGUYỄN MINH QUÂN	31/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	4	20.85
1267	NGUYỄN VIỆT LONG	17/11/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	6	20.85
1268	NGUYỄN HỮU VIỆT DŨNG	08/07/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	20.84
1269	NGUYỄN VĂN PHÚ	22/09/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	10	20.83
1270	NGUYỄN MINH HẢI	06/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	3	20.8
1271	NGUYỄN MINH ĐỨC	23/06/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	20.8

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1272	PHẠM NGỌC VỸ	26/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	4	20.8
1273	ĐẶNG XUÂN NGUYỄN	11/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	10	20.8
1274	THIỀU XUÂN QUÂN	14/02/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A01	6	20.77
1275	KIỀU VĂN QUYẾT	23/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	A00	1	20.76
1276	CAM VIỆT HÀ	29/12/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	9	20.76
1277	NGUYỄN VĂN HÙNG	16/06/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C02	5	20.75
1278	PHẠM MINH ĐỨC	08/10/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D07	8	20.75
1279	CAO MINH ĐỨC	07/01/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	4	20.71
1280	PHÙNG TÍN NGHĨA	13/04/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	D01	2	20.69
1281	NGUYỄN VĂN PHÚC	13/05/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	8	20.67
1282	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	30/06/2008	Nam	Công nghệ chế tạo máy	Học bạ	C01	3	20.65
1283	TRẦN ĐỨC ĐẶNG	19/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	26.68
1284	NGUYỄN THẾ HOÀN	29/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	26.66
1285	VŨ MINH TÚ	13/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	25.71
1286	NGUYỄN THẾ TIẾN HƯNG	24/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	7	25.6
1287	ĐOÀN QUANG BÁCH	06/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	7	25.08
1288	ĐINH TUẤN KIẾT	18/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	24.92
1289	CẨM DUY HƯNG	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	24.68
1290	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	24.52
1291	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	04/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	24.33
1292	ĐỖ ANH TUẤN	11/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	24.32
1293	TRIỆU ĐÌNH TUYẾN	30/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	24.27
1294	HOÀNG THANH TÙNG	05/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	24.2
1295	HÀ NAM KHÁNH	06/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	24.15
1296	HOÀNG THÀNH LỘC	28/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	24.07
1297	HÀ CÔNG DƯƠNG	28/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	2	24.03
1298	VUI VĂN THỨC	03/12/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	3	24
1299	ĐỖ ĐÌNH THỎA	30/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	23.99
1300	HOÀNG VĂN ĐOÀN	17/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	23.96
1301	PHẠM HOÀNG ĐẠT	21/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	23.93

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1302	CHU NHẬT HOÀNG	18/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	23.87
1303	PHẠM MINH TUẤN	22/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	23.84
1304	TRẦN ĐÌNH HIẾU	22/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	23.71
1305	TRẦN CÔNG MINH	05/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	23.67
1306	DƯƠNG TUẤN KIẾT	13/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	23.45
1307	NGUYỄN TẤN DŨNG	14/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	23.45
1308	MA VŨ HOÀNG LONG	30/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	23.44
1309	NGUYỄN MINH NGỌC	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	23.43
1310	TRẦN QUANG BĂNG	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	9	23.28
1311	BÙI HỮU TIẾN	22/11/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	23.28
1312	NGUYỄN HỒNG QUANG	14/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	23.28
1313	VŨ THANH BÌNH	06/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	1	23.24
1314	HOÀNG DUY HƯNG	27/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	3	23.2
1315	NGUYỄN HẢI LONG	28/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	1	23.17
1316	TRẦN VĂN ANH	19/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	23.16
1317	DƯƠNG CÔNG HIẾU	14/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	23.12
1318	TEO VĂN THẾ	10/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	23.07
1319	NINH SĨ LUÂN	02/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	8	23.04
1320	ĐỖ THANH TÙNG	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	23.01
1321	TRƯƠNG DANH HOÀNG	27/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	D01	1	23
1322	NGUYỄN PHƯƠNG MINH	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	22.99
1323	PHẠM GIA KHIÊM	09/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	22.95
1324	VŨ MINH QUÂN	25/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	8	22.93
1325	LÊ HỮU THẮNG	14/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	4	22.89
1326	CAO ĐỨC ANH	15/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.89
1327	NGUYỄN VĂN ĐẠI	05/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.84
1328	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	05/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	22.83
1329	PHẠM QUỐC HIẾU	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	22.83
1330	NGÔ SỸ TUẤN HÙNG	26/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.83
1331	NGUYỄN ANH QUÂN	17/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	7	22.81

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1332	ĐỖ ĐÌNH THÁI	24/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.77
1333	ĐỖ VĂN VIỆT	25/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	22.77
1334	LƯƠNG THẾ VINH	22/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	22.77
1335	TỔNG ĐỨC NHẬT MINH	05/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	13	22.77
1336	ĐỒNG MINH TUẤN	17/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	3	22.75
1337	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	23/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	11	22.73
1338	ĐỖ ĐÌNH TRẦN KIẾN	26/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	22.73
1339	LƯU TIẾN ĐỨC	13/03/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	4	22.72
1340	MA DOÃN HUY	21/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	4	22.71
1341	NGUYỄN HỮU THẾ ANH	05/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	22.69
1342	TRẦN TRÍ ĐẠT	03/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.67
1343	HÀU BẾ ĐỨC MẠNH	14/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	2	22.67
1344	BÙI ĐỒNG ĐĂNG	26/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.65
1345	NGUYỄN ANH TIẾN	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	14	22.63
1346	TRẦN MINH LỘC	08/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	22.63
1347	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	06/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	6	22.61
1348	VI ANH TUẤN	01/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	9	22.61
1349	HÀ NGỌC ĐỨC	02/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	2	22.6
1350	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN	18/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	22.59
1351	LÒ THẾ HÀ	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.59
1352	TRỊNH GIA BẢO	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	12	22.56
1353	LẠI HÀ AN	19/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	4	22.55
1354	ĐỖ GIANG NAM	31/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.53
1355	HOÀNG ANH	01/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.53
1356	NGUYỄN ANH TÚ	26/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.52
1357	HỒ QUANG HƯNG	28/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	9	22.51
1358	NGUYỄN PHƯƠNG TÚ	14/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	10	22.5
1359	NGUYỄN BÙI ANH ĐỨC	19/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	22.49
1360	TRẦN VIỆT KHÔI	30/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	2	22.49
1361	NGUYỄN DUY MINH	28/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	1	22.48

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1362	NGUYỄN ANH VŨ	16/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	22.48
1363	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	08/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	8	22.47
1364	PHẠM VĂN NAM	06/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.45
1365	NGÔ DUY HÙNG	27/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	5	22.45
1366	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.45
1367	PHẠM KHÁNH DUY	14/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	22.45
1368	LÊ TUỆ ANH	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	22.45
1369	DƯƠNG VĂN ĐẠI	20/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.45
1370	BÙI TIỀN PHONG	03/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	5	22.44
1371	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	30/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.41
1372	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	6	22.39
1373	TRẦN TRUNG DŨNG	29/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	22.39
1374	NGUYỄN HỮU MINH	12/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	22.37
1375	NGUYỄN VĂN DUY	06/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.33
1376	HOÀNG GIA BẢO	26/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	22.31
1377	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	11/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.31
1378	BÙI ĐỨC HUY	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	5	22.29
1379	TRẦN ĐỨC HUY	20/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	8	22.29
1380	ĐỒNG MINH HUÂN	17/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.28
1381	NGUYỄN ĐỨC ANH	17/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.27
1382	NGUYỄN THIÊN ANH	08/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	14	22.25
1383	NGÔ XUÂN CƯỜNG	25/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	5	22.25
1384	NGUYỄN QUANG HIẾU	24/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	8	22.25
1385	TRẦN BẢO HUÂN	11/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	4	22.25
1386	BÙI VŨ HÀ THI	10/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	5	22.25
1387	NGUYỄN ĐỨC DUY	12/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	5	22.25
1388	NGUYỄN ĐỨC TÀI	17/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	7	22.25
1389	HOÀNG QUỐC KHÁNH	02/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	3	22.25
1390	TẠ ANH KHOA	30/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	5	22.25
1391	LÊ DUY BẢO	12/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	22.25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1392	PHẠM ĐỨC MẠNH	16/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	7	22.25
1393	TRẦN ĐÌNH DUY	07/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	9	22.24
1394	PHẠM BẢO LONG	20/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.24
1395	DƯƠNG XUÂN KẾT	08/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	22.24
1396	NGUYỄN VĂN HƯNG	21/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	4	22.23
1397	NGUYỄN MINH HIẾU	01/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	11	22.21
1398	ĐÀO VĂN DŨNG	24/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	22.21
1399	CÀ ĐỨC DIỆN	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	22.19
1400	NGÔ ANH QUÂN	15/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	3	22.17
1401	MA TIẾN ĐẠT	12/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	22.17
1402	HOÀNG SEO GIÁO	11/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.17
1403	NGUYỄN TIẾN THANH	07/08/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.16
1404	NGUYỄN HỮU HOÀNG TÙNG	01/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	8	22.16
1405	NGÔ VI HÙNG	07/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	7	22.15
1406	NGUYỄN VIỆT TUẤN ANH	01/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	22.12
1407	CAO THÀNH LONG	30/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	22.12
1408	VŨ VĂN BẮC	09/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22.12
1409	TRƯƠNG VĂN LONG NHẬT	13/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	22.11
1410	HOÀNG ĐẠI NGHĨA	11/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	3	22.1
1411	HOÀNG TRUNG ĐẠT	13/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	2	22.09
1412	NGUYỄN MINH KHÔI	25/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	22.08
1413	VŨ XUÂN TÙNG ANH	04/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	5	22.08
1414	NGUYỄN QUANG HÙNG	31/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	4	22.08
1415	DƯƠNG TRUNG HIẾU	04/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	1	22.08
1416	THẨM MINH HIẾU	02/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	22.07
1417	VI ĐỨC HẢI	29/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	1	22.04
1418	PHẠM TRỌNG THẮNG	19/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	22.03
1419	NGUYỄN TRUNG HIẾU	22/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	22.01
1420	DƯƠNG VĂN THÀNH	18/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	22
1421	LÊ QUANG MINH	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	7	22

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1422	NGUYỄN HỮU ĐỨC	25/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	4	22
1423	NGUYỄN MINH HIẾU	02/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	8	22
1424	NGUYỄN DUY NAM	30/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	4	22
1425	TRƯƠNG QUANG HUY	04/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	3	22
1426	ĐOÀN NHẬT HOÀNG	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	22
1427	NGUYỄN XUÂN MINH	19/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	3	22
1428	TRẦN NGỌC HOÀN	05/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	8	22
1429	NGUYỄN KIM BẢO NAM	26/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	22
1430	HOÀNG HẢI ĐĂNG	21/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	12	22
1431	HOÀNG XUÂN TÙNG	03/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	22
1432	TRƯƠNG NGỌC HOAN	13/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	5	22
1433	LÊ ĐỨC LUẬT	07/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.99
1434	HÀ NHẬT LONG	31/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	8	21.97
1435	PHẠM GIA HIẾU	27/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.96
1436	NGUYỄN ANH QUÂN	31/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.96
1437	NGUYỄN HỮU ĐỨC	16/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	21.96
1438	HOÀNG HOÀNG HẢI	31/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	6	21.96
1439	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	28/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	6	21.96
1440	NGUYỄN MẬU HIẾU	16/08/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	14	21.91
1441	NGUYỄN ANH TUẤN	29/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	9	21.91
1442	PHẠM THẾ ANH	27/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.88
1443	NGUYỄN VĂN HÂN	30/10/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.88
1444	NGÔ TUẤN DŨNG	09/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.87
1445	TRẦN LONG HẢI	28/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	21.87
1446	TRẦN THÀNH ĐẠT	15/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	6	21.87
1447	NGUYỄN NGHĨA DŨNG	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	10	21.87
1448	TRẦN TUẤN ANH	30/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	3	21.85
1449	VI VĂN MẠNH	06/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	3	21.83
1450	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	01/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.81
1451	HOÀNG LONG VŨ	06/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	21.81

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1452	LÊ VĂN THIỆN	25/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	4	21.8
1453	KIỀU HOÀNG TUẤN	06/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.8
1454	ĐỖ VIỆT KIÊN	18/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	15	21.79
1455	ĐỖ BÁ HẢI	14/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	9	21.79
1456	TÂN GIA KHÁNH	08/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	7	21.79
1457	QUÁCH VIỆT CƯỜNG	10/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	12	21.79
1458	NÔNG TUẤN TÀI	10/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	2	21.77
1459	LÊ VĂN ĐẠT	17/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.75
1460	VŨ ĐÌNH CHUYỀN	07/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	8	21.75
1461	NGUYỄN BẢO HƯNG	04/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	8	21.75
1462	NGUYỄN VIỆT TRUNG	24/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	6	21.75
1463	LÊ XUÂN TRƯỜNG	21/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	21.75
1464	THẠCH ĐÔ THÀNH	12/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	12	21.75
1465	NGUYỄN PHÚ HƯNG	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	9	21.75
1466	NGUYỄN DUY NAM	23/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.73
1467	HOÀNG VĂN TRUỞNG	11/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	4	21.69
1468	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	01/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	4	21.67
1469	NGÔ HẢI ĐĂNG	18/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.67
1470	HÀ NGỌC LIÊM	09/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	21.65
1471	TRẦN ĐÌNH TRUỞNG	13/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	5	21.65
1472	CAO MINH ĐỨC	10/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	8	21.64
1473	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	04/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.64
1474	VŨ MINH ĐẠT	18/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	21.63
1475	ĐÌNH HOÀNG LONG	22/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	21.61
1476	NGUYỄN MẠNH HÀ	07/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.61
1477	NGUYỄN THẾ BA	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	3	21.6
1478	ĐÔNG KỶ PHƯƠNG	10/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	1	21.6
1479	LÊ ĐỨC DŨNG	20/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	21.57
1480	NGUYỄN THÁI BẢO	08/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	21.57
1481	NGUYỄN THẾ KIẾT	16/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	2	21.57

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1482	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	7	21.57
1483	LÊ HOÀNG SÂM	21/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	2	21.56
1484	DƯƠNG CAO THỊNH	17/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	2	21.55
1485	LÊ VIỆT ANH	04/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	2	21.53
1486	ĐỖ ĐỨC MINH QUÂN	04/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	7	21.53
1487	LỤC ANH THẮNG	17/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	4	21.52
1488	ĐÀO HUY HOÀNG	05/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	21.52
1489	TRẦN ANH TÚ	10/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	21.51
1490	NGUYỄN VIỆT ANH	04/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	4	21.5
1491	NGUYỄN VĂN HIỆP	29/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	7	21.5
1492	PHẠM ĐỨC TÍN	01/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	21.5
1493	VŨ NGỌC LINH	02/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	21.5
1494	HÀ DUY KHÁNH	20/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	8	21.5
1495	ĐỖ VĂN HIẾU	15/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	10	21.5
1496	CAO ĐỨC KHANG	12/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	4	21.5
1497	KIỀU TRUNG HIẾU	02/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	2	21.49
1498	TRẦN VIỆT CƯỜNG	25/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	10	21.48
1499	NGUYỄN NAM HẢI HOÀNG	07/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.48
1500	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	19/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	2	21.45
1501	PHẠM QUỐC HÙNG	30/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.45
1502	LÝ ĐÌNH HẢI	06/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	8	21.45
1503	DƯƠNG QUANG ĐỊNH	24/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	21.44
1504	PHẠM VĂN AN	13/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	21.44
1505	TRẦN ĐỨC SANG	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	21.43
1506	ĐOÀN ANH TIẾN	01/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	7	21.41
1507	NGUYỄN THẾ NHẬT	21/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	6	21.41
1508	TRIỆU ĐỨC MẠNH	06/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	21.41
1509	DƯƠNG ĐỨC VIỆT	14/09/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	21.4
1510	PHẠM NGUYỄN CHẤN BÌNH	22/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	3	21.39
1511	NGUYỄN MINH HOÀNG	18/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	21.37

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1512	VŨ MẠNH QUYẾT	30/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	21.37
1513	NGUYỄN CHÍ THỂ	18/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	5	21.37
1514	NGUYỄN LÂM KHÁNH	01/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	1	21.37
1515	NGUYỄN TRUNG THÀNH	29/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	10	21.35
1516	DƯƠNG MINH VŨ	28/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	2	21.35
1517	DƯƠNG MINH CHIẾN	03/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	6	21.35
1518	NGUYỄN HẢI NAM	09/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	21.32
1519	NGUYỄN THANH HÀ	21/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	21.31
1520	ĐẶNG HỮU TRUNG HIẾU	02/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.31
1521	NGUYỄN ĐỨC QUANG	23/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	7	21.31
1522	NGUYỄN BÁ HÙNG	08/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	9	21.31
1523	NGUYỄN ĐÌNH DUY	11/05/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.31
1524	NGUYỄN ĐỨC BẢO	14/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	4	21.29
1525	NGUYỄN ĐÌNH BẢO NINH	23/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	3	21.29
1526	NGUYỄN THANH LÂM	16/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	21.29
1527	ĐỖ MINH HIẾU	12/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.29
1528	VŨ MINH HIẾU	29/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	2	21.29
1529	ĐÀO XUÂN HÙNG	21/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	7	21.29
1530	GIÁP TRUNG KIẾN	05/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	21.28
1531	CHU VĂN HUY	13/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	8	21.25
1532	HÀ MINH ĐỨC	10/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	5	21.25
1533	ĐỖ KHẮC PHÁT	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	1	21.25
1534	NGUYỄN ĐỨC ANH	16/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	5	21.25
1535	ĐOÀN VĂN AN	13/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	5	21.25
1536	NGUYỄN THÁI LÂM	28/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	3	21.25
1537	CAO VĂN HUYNH	01/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	21.25
1538	ĐOÀN MINH QUÂN	12/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	4	21.25
1539	NGUYỄN BÁ VINH	03/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	1	21.25
1540	HOÀNG TRUNG KIẾN	21/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	3	21.24
1541	BÙI CÔNG HUY	06/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	7	21.24

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1542	LƯU THẾ VĂN	26/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	8	21.24
1543	PHẠM ANH ĐỨC	27/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.24
1544	NGUYỄN MINH NHẬT	25/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	1	21.23
1545	NGUYỄN QUỐC BẢO LONG	26/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	15	21.21
1546	NGUYỄN QUANG MINH	17/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.2
1547	TÔ GIA QUÂN	06/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	8	21.2
1548	LÊ HOÀNG VIỆT	30/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	3	21.2
1549	ĐÀO DUY NHẬT MINH	07/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	2	21.19
1550	NGUYỄN HỮU THÀNH	13/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	4	21.19
1551	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	01/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	21.19
1552	TÔ MINH SANG	24/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.19
1553	TRÌNH QUỐC HƯNG	28/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.16
1554	HOÀNG HẢI LONG	20/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	12	21.16
1555	LÊ CÔNG ĐẠI	23/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	3	21.16
1556	NGUYỄN MINH TIẾP	07/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	7	21.15
1557	MAI VIỆT ANH	16/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	12	21.15
1558	LƯU HOÀNG LINH	14/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	2	21.15
1559	VI TÂN BẢO MINH	05/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.15
1560	HOÀNG VĂN TUÂN	28/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	4	21.12
1561	ĐƯƠNG QUANG TÚ	29/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.12
1562	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	11/03/2007	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	1	21.12
1563	TRẦN HUY HOÀNG	15/04/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	21.11
1564	NGUYỄN GIA BẢO	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	11	21.1
1565	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	20/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	2	21.1
1566	NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG TRINH	26/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	A00	7	21.1
1567	LÊ PHƯƠNG ĐÔNG	22/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	21.09
1568	TRẦN VĂN BẢO	13/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	3	21.09
1569	TRẦN TIẾN DŨNG	22/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	9	21.09
1570	NGUYỄN DUY TRÂM	17/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.09

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1571	VŨ MINH THANH	10/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	2	21.09
1572	HOÀNG ANH TÚ	17/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	8	21.08
1573	NGUYỄN MINH CHIẾN	14/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	6	21.08
1574	NGUYỄN HOÀNG KHẢ	20/06/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	5	21.07
1575	LŨU TIẾN ĐẠT	14/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	21.05
1576	PHÙNG QUANG HIẾU	05/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.05
1577	LÊ TRỌNG DƯƠNG	30/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A01	5	21.05
1578	NGUYỄN BÁ KHÁNH	25/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	2	21.05
1579	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	24/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	5	21.05
1580	NGUYỄN THANH QUỐC ANH	21/10/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21.05
1581	ÔN TRIỀU HUY	23/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	2	21.05
1582	VŨ THẾ PHONG	19/05/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	3	21.05
1583	TRẦN VĂN ĐỨC	06/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	4	21.01
1584	NGUYỄN TUẤN MINH	15/08/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	2	21.01
1585	ĐÀO VĂN THÁI	12/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D01	1	21
1586	VŨ ĐỨC CHIẾN	08/07/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	1	21
1587	MÔNG ĐỨC ANH	14/10/2006	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C01	4	21
1588	LÃ TUẤN TÀI	23/11/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	D07	8	21
1589	MAI TRUNG HIẾU	24/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	5	21
1590	LÊ ĐĂNG TÚ ANH	14/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	A00	4	21
1591	ĐỖ QUANG NHẤT	23/01/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Học bạ	C02	10	21
1592	TRƯƠNG THÁI SƠN	07/02/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	3	21
1593	HOÀNG ĐÌNH ĐẠO	01/12/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	1	21
1594	NGUYỄN THIÊN QUÂN	22/03/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C02	1	21
1595	NÔNG NGỌC QUANG	16/09/2008	Nam	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi THPT	C01	4	21
1596	PHẠM VIỆT ANH	09/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	25.08
1597	LƯƠNG THẾ KHOA	27/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	5	24.71
1598	NGUYỄN ĐẮC TUẤN ANH	03/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	23.89
1599	HOÀNG GIA BẢO	09/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	23.85
1600	VŨ TIẾN ĐẠT	26/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	23.77

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1601	LÊ DUY HIẾU	10/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	6	23.55
1602	LÂM ĐỖ BẢO	10/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	2	23.45
1603	HOÀNG CHÍ PHONG	08/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	3	23.39
1604	NGUYỄN XUÂN PHÚC ANH	19/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	23.24
1605	ĐINH TRUNG ĐỨC	03/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	5	23.11
1606	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	06/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	4	23.05
1607	LƯU TUẤN ĐIẾP	08/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	2	23.04
1608	NGUYỄN HỒNG QUÂN	01/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	4	22.99
1609	NGUYỄN GIA LƯƠNG	25/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	A00	5	22.99
1610	NGUYỄN TIẾN THẠCH	08/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	22.71
1611	NGUYỄN MẠNH THẮNG	19/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	4	22.69
1612	NGUYỄN ĐỨC SƠN	10/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	22.67
1613	NGUYỄN VĂN TUYẾN	11/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	4	22.65
1614	BÙI MẠNH HÀ	10/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	5	22.61
1615	TRIỆU MINH VĨNH	26/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	3	22.57
1616	VŨ ĐỨC KHÔI	12/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	1	22.5
1617	ĐINH THẾ ANH	27/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	6	22.49
1618	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	07/04/2007	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	7	22.45
1619	QUÁCH VĂN TOÀN	20/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	3	22.44
1620	BÙI QUANG MINH	04/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	4	22.41
1621	NGÔ TRUNG TÂM	13/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	22.37
1622	TRẦN NGUYỄN CÔNG MINH	06/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	1	22.35
1623	LÊ THANH TÙNG	19/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	22.31
1624	ĐÀO DUY THÁI	04/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	2	22.29
1625	NGUYỄN VIỆT HÙNG	22/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	4	22.28
1626	NGUYỄN VĂN BẮC	02/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	22.27
1627	NGUYỄN TRỌNG QUANG MINH	01/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	9	22.25
1628	VŨ THUẬN THÀNH	17/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	A00	1	22.25
1629	PHẠM ANH TUẤN TÚ	10/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	7	22.12
1630	PHAN VĂN THANH BÌNH	13/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	5	22.1

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1631	ĐINH HOÀI NAM	16/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	1	22.08
1632	CÙ ANH TUẤN	22/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	6	22.05
1633	PHẠM VĂN BÌNH	24/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	2	22
1634	NÔNG ANH VŨ	09/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	2	22
1635	THÁI GIA BẢO	29/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	6	22
1636	NGUYỄN MINH NGUYỄN	08/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	1	21.87
1637	HOÀNG SƠN DƯƠNG	22/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	21.79
1638	NGUYỄN VĂN HẢO	14/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	2	21.77
1639	TRỊNH VIỆT HOÀNG	20/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	2	21.75
1640	VƯƠNG QUỐC HUY HOÀNG	09/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	2	21.75
1641	LÝ HOÀNG NAM	07/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	3	21.75
1642	HOÀNG ĐÌNH QUẢN	27/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	3	21.75
1643	LÊ HẢI NAM	04/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	21.73
1644	NGUYỄN THANH LÂM	23/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	10	21.71
1645	LÝ VĂN CHIẾN	23/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	3	21.68
1646	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	27/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	6	21.6
1647	DƯƠNG ĐỨC ANH	03/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	7	21.57
1648	HOÀNG QUỐC DƯƠNG	09/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	7	21.53
1649	PHẠM NHƯ THÀNH	05/10/2007	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	9	21.52
1650	ĐOÀN NGUYỄN DŨNG	12/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	2	21.49
1651	MÃN BÁ VIỆT	22/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	4	21.47
1652	PHẠM XUÂN HÀ	21/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	1	21.47
1653	NGUYỄN THANH HÙNG	10/09/2007	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	5	21.43
1654	NGUYỄN CHÍ ĐẠO	22/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	4	21.41
1655	NGUYỄN HOÀNG NAM	26/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	3	21.35
1656	NGUYỄN XUÂN LÂM	17/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	21.32
1657	NGUYỄN DUY LONG	28/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	2	21.24
1658	HOÀNG ĐỨC TOÀN	26/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	21.13
1659	TRẦN ĐỨC THỊNH	27/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	4	21.11
1660	VŨ TIẾN CƯỜNG	27/09/2007	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	4	21.03

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1661	PHẠM NGỌC ĐỨC	17/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	2	21
1662	NGUYỄN VĂN HIẾU	10/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	20.97
1663	NGUYỄN TRUNG KIẾN	22/09/2007	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	2	20.97
1664	NGUYỄN BẢO NAM	03/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	1	20.97
1665	LA GIA HUY	08/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	1	20.97
1666	NGUYỄN HÀ TRƯỜNG GIANG	07/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	12	20.95
1667	NGUYỄN ĐỨC GIA HƯNG	15/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	4	20.95
1668	NGUYỄN TUẤN TÚ	24/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	V-SAT	C01	8	20.89
1669	VŨ MINH NHẬT	20/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	5	20.88
1670	VŨ HỒNG KHANH	27/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	2	20.87
1671	ĐỖ NGỌC ANH	24/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	6	20.84
1672	NGUY PHAN MINH DŨNG	24/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	20.84
1673	TRẦN ĐỨC KIẾN	22/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	6	20.81
1674	NGUYỄN ĐỒNG MẠNH	01/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	4	20.81
1675	NGUYỄN VĂN HOÀNG	28/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	3	20.79
1676	LÊ QUANG ANH	30/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	2	20.76
1677	VĂN TIẾN NGỌC HÀ	07/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	20.76
1678	HOÀNG XUÂN HUY	16/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	4	20.75
1679	NGÔ QUỐC TÍNH	20/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	D01	2	20.75
1680	PHẠM BÁ GIA LỘC	17/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	20.72
1681	NGUYỄN KIM TRỌNG	05/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	5	20.71
1682	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	06/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	7	20.67
1683	TRẦN NGỌC THÔNG	29/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	4	20.67
1684	NGUYỄN TRỌNG MINH	24/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	2	20.65
1685	NGUYỄN THANH PHONG	15/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	6	20.63
1686	ĐÀM LÊ LÂM	27/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	20.63
1687	NGUYỄN XUÂN PHONG	29/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	2	20.6
1688	CHU THÀNH CÔNG	19/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	2	20.6
1689	MAI THẾ ANH	28/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	5	20.57
1690	HOÀNG VĂN BÁCH	29/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	3	20.56

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1691	TRẦN ĐẠI ÁNH DƯƠNG	04/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	20.55
1692	NGUYỄN VĂN ĐẠT	21/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	2	20.53
1693	SÔNG A BỐ	03/06/2006	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	5	20.52
1694	ĐỖ QUANG HIẾU	12/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	20.51
1695	ĐẶNG NGỌC NAM	30/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	5	20.5
1696	NGUYỄN DUY KHÁNH	06/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	3	20.5
1697	NGUYỄN TRẦN THÁI BẢO	03/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	2	20.5
1698	TRẦN TRUNG HIẾU	01/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	8	20.49
1699	ĐINH BẢ TÚ	25/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	4	20.47
1700	DƯƠNG QUANG THỊNH	09/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	20.44
1701	BÙI QUANG MINH	26/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	12	20.44
1702	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	19/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	10	20.44
1703	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	13/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	7	20.41
1704	TRẦN MẠNH CƯỜNG	04/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	2	20.4
1705	LÊ TIẾN DƯƠNG	11/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	1	20.39
1706	NGÔ DUY KHÁNH	11/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D01	5	20.39
1707	CAO VŨ HẢI	18/01/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	20.39
1708	LÂM QUANG DƯƠNG	17/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	8	20.37
1709	HOÀNG NHƯ LUÂN	05/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	D07	5	20.36
1710	NGUYỄN NGỌC BÌNH	15/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	12	20.35
1711	ĐỖ PHƯƠNG TRƯỜNG	17/12/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	4	20.35
1712	NGUYỄN HUÂN HUY	30/04/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	4	20.35
1713	NGUYỄN QUỐC THỊNH	17/08/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	1	20.32
1714	ĐINH NAM KHÁNH	13/05/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	6	20.31
1715	NGUYỄN LÊ CÔNG ĐỨC	30/09/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	3	20.31
1716	CHU CÔNG TUẤN ANH	12/07/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C01	1	20.29
1717	ĐẶNG QUANG CƯỜNG	27/03/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A01	4	20.28
1718	NGUYỄN THIÊN HƯỞNG	29/11/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	C02	4	20.27
1719	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	02/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Học bạ	A00	8	20.25
1720	HÀ HOÀNG VƯỢNG	27/02/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	3	20.25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1721	BÙI THÀNH NAM	27/10/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C01	6	20.25
1722	ĐOÀN HUY VŨ	17/06/2008	Nam	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	Điểm thi THPT	C02	5	20.25
1723	LÝ MẠNH CƯỜNG	25/06/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	1	26.22
1724	PHẠM NGỌC ÁNH	02/03/2008	Nữ	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	6	25.42
1725	NGUYỄN QUANG HIỀN	26/06/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	2	24.71
1726	NGUYỄN HẢI YẾN	03/07/2008	Nữ	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	2	24.61
1727	PHẠM ĐÌNH THÁI TUẤN	27/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	3	24.36
1728	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	02/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	24.32
1729	NGUYỄN CÔNG KHÔI	25/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	24.28
1730	VŨ VĂN HƯỞNG	18/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	24.28
1731	VĂN BÙI YẾN NHI	19/02/2008	Nữ	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	5	24.03
1732	ĐỖ VĂN SÓM	16/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	1	23.96
1733	GIẢNG TRUNG HÒA	09/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	1	23.92
1734	LÊ TRUNG NGUYỄN	18/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	3	23.85
1735	LÊ THẾ QUÂN	09/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	1	23.85
1736	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	27/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	3	23.68
1737	TRẦN TRUNG HIẾU	08/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	4	23.63
1738	NGUYỄN MINH PHÚC	07/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	2	23.59
1739	VŨ LONG NHẬT	10/12/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	10	23.56
1740	BÙI THANH BÌNH	14/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	1	23.56
1741	ĐOÀN VĂN NAM	06/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	6	23.55
1742	NGUYỄN VĂN MẠNH	24/12/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	9	23.52
1743	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	23/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	1	23.43
1744	NGUYỄN MẠNH QUÂN	06/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	23.43
1745	NGHIÊM KHÁNH HƯNG	27/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	23.37
1746	HOÀNG THIÊN BÁCH	06/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	23.37
1747	HOÀNG VĂN THUẬN	26/12/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	8	23.25
1748	THÂN VIỆT HOÀNG	04/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	23.24
1749	NINH ĐỨC HÀ	16/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	3	23.24
1750	HOÀNG HẢI ANH	25/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	23.2

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1751	NGÔ THẾ THÔNG	17/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	1	23.16
1752	HỨA ĐỨC KHÁNH	11/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	1	23.12
1753	ĐÀO VĂN NAM	09/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	4	23.01
1754	PHẠM GIA BẢO	23/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C02	3	22.99
1755	DƯƠNG VĂN LÂM	06/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	5	22.95
1756	NGUYỄN BẢO QUANG	15/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	5	22.95
1757	NGUYỄN MINH TÂN	21/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	9	22.77
1758	LÊ DUY QUÂN	25/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	4	22.75
1759	NGUYỄN THANH NHÂN	14/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C01	5	22.75
1760	LÊ QUỐC CƯỜNG	25/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	11	22.72
1761	HOÀNG HẢI LONG	07/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C01	6	22.6
1762	HOÀNG ĐỨC BÌNH	30/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	2	22.55
1763	NGUYỄN VĂN TRIẾT	24/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	22.53
1764	PHẠM ĐỨC MẠNH	10/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	A00	1	22.5
1765	TRẦN TIẾN THÀNH	30/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C01	1	22.5
1766	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	12/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	A00	8	22.5
1767	NGUYỄN HỒNG LONG	13/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	6	22.49
1768	NGUYỄN HIẾU ANH	02/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	4	22.47
1769	LÊ VŨ MINH	19/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	6	22.45
1770	BÙI HUY HÙNG	22/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	3	22.44
1771	HÀN THÙY LINH	27/06/2008	Nữ	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	1	22.43
1772	LÊ MINH ĐỨC	16/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	6	22.43
1773	ĐOÀN PHI LONG	25/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	5	22.39
1774	TẠ HUY HOÀNG	21/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	3	22.36
1775	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	30/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	1	22.36
1776	VŨ TIẾN ĐẠI	20/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	2	22.36
1777	TRƯƠNG THANH HIẾU	22/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	2	22.36
1778	BÙI HUY HOÀNG	16/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	22.28
1779	PHẠM THANH ĐỨC	25/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C02	3	22.25
1780	NGUYỄN ĐỨC KHANG	05/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	5	22.24

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1781	NGUYỄN GIA HUY	16/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	22.23
1782	BÙI LÊ TUẤN HÙNG	26/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	2	22.23
1783	NGÔ TRUNG HIẾU	24/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	5	22.21
1784	DƯƠNG QUỐC HƯNG	27/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	5	22.17
1785	TRƯƠNG THANH LÂM	22/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	8	22.17
1786	THÂN TIẾN ĐẠT	13/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	4	22.16
1787	VŨ HOÀNG ANH	12/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	7	22.12
1788	CHU QUỐC QUÂN	21/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	4	22.12
1789	PHẠM TRẦN HIỆP	12/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	2	22.09
1790	HOÀNG TUẤN HƯNG	12/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	5	22.04
1791	BÙI NGỌC MINH	18/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	4	22.04
1792	VŨ HẢI AN	11/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	3	22
1793	NGUYỄN TRUNG KIẾN	13/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	22
1794	ĐẶNG MINH KHÁNH	02/12/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	A00	5	22
1795	TRẦN NGỌC THANH	25/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	21.95
1796	HOÀNG MẠNH PHÚ	01/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	12	21.87
1797	NGUYỄN CÔNG TẤN	19/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	13	21.85
1798	NGUYỄN TIẾN PHÁT	29/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	3	21.85
1799	ĐÀM KHẮC PHÚ	09/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	4	21.85
1800	ĐẶNG CÔNG ĐỨC	26/12/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	A00	13	21.85
1801	TRẦN ĐÌNH DUY	29/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C01	11	21.85
1802	TRẦN NGỌC KHUƠNG DUY	29/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	21.79
1803	HÀ VIỆT ANH	14/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	3	21.77
1804	TRỊNH ĐÌNH HƯNG	21/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	9	21.77
1805	TRẦN ĐỨC NAM	17/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	8	21.75
1806	NGUYỄN GIA BẢO	06/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	D01	4	21.75
1807	TẠ MẠNH CƯỜNG	17/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C02	4	21.75
1808	NGUYỄN VĂN QUANG	27/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	2	21.73
1809	PHẠM THANH TÙNG	04/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	2	21.73
1810	NGUYỄN VĂN TRUNG	13/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	4	21.71

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1811	MAI ĐỨC TÀI	25/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	1	21.71
1812	HOÀNG TRỌNG TẤN	11/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	2	21.69
1813	NGUYỄN ĐỨC MINH TÀI	10/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	2	21.69
1814	LÊ XUÂN THÁI	26/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	2	21.69
1815	NGUYỄN VĂN TÙNG	24/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	10	21.67
1816	TRẦN MINH KHÁNH	10/06/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	9	21.65
1817	BÙI NGUYỄN TÙNG ANH	05/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	2	21.64
1818	HOÀNG ANH HOÀNG	21/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	1	21.64
1819	CHU VĂN LUÂN	09/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	5	21.63
1820	NGHIÊM XUÂN QUANG	26/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	1	21.63
1821	DƯƠNG TRUNG HIẾU	11/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	1	21.61
1822	ĐỖ XUÂN QUYẾT	02/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	6	21.61
1823	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C02	4	21.6
1824	VŨ QUANG THẾ	24/01/2007	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	2	21.59
1825	NGUYỄN VĂN HOÀNG	18/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	2	21.53
1826	TRIỆU TIẾN THỊNH	19/05/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	21.53
1827	CAO XUÂN MẠNH	29/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	13	21.52
1828	PHẠM DUY VĂN	01/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	6	21.51
1829	NGUYỄN THÀNH TRUNG	01/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	1	21.49
1830	TRƯƠNG CÔNG DƯƠNG	01/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	3	21.49
1831	PHẠM MINH ĐĂNG	01/09/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	8	21.49
1832	PHẠM DUY KIÊN	18/06/2007	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	9	21.49
1833	NGUYỄN PHÚC TIẾN	29/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	21.48
1834	PHẠM TUẤN TÚ	03/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	9	21.45
1835	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	25/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	3	21.44
1836	LÊ THANH TÙNG	26/04/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	5	21.44
1837	TRIỆU HUY HIẾU	23/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C01	2	21.43
1838	NGÔ XUÂN HƯNG	28/02/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	C02	9	21.41
1839	NGÔ VĂN DŨNG	31/08/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D07	3	21.39
1840	NGUYỄN NGỌC PHÁT	16/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	3	21.37

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1841	TRẦN NGỌC MINH	11/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	2	21.35
1842	THÂN VŨ NAM	02/06/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	D01	3	21.33
1843	ĐÀO THANH BẢO	03/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	A01	6	21.25
1844	TRẦN ANH TƯỜNG	07/11/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C02	3	21.25
1845	DƯƠNG VĂN KIẾN	31/01/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Điểm thi THPT	C01	3	21.25
1846	ĐỖ PHÚ TRỌNG	05/07/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A00	4	21.25
1847	LÀNH GIA HIỀN	05/03/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	3	21.24
1848	ĐOÀN THANH HẢI	11/10/2008	Nam	Tự động hóa cơ khí	Học bạ	A01	1	21.21
1849	NGUYỄN KHÁNH MINH	22/01/2008	Nữ	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	1	25.54
1850	LẠI HỮU HOAN	28/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A01	2	25.3
1851	TRẦN MINH TIẾN	17/05/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	4	24.93
1852	VŨ VĂN LƯƠNG	11/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	2	24.35
1853	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	31/05/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	3	23.49
1854	NÔNG TRUNG HIẾU	16/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	3	23.11
1855	CAO MẠNH QUÂN	06/01/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	1	22.89
1856	TRÁNG VĂN TÙNG	29/11/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	5	22.81
1857	ĐỖ VĂN GIA MINH	11/11/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.73
1858	PHAN HUY AN LƯƠNG	04/03/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	1	22.25
1859	NGUYỄN QUỲNH CHI	23/01/2008	Nữ	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	2	22.21
1860	HOÀNG ĐỨC MẠNH	09/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A01	1	22.16
1861	TRỊNH PHÚ TRỌNG	06/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	2	22.13
1862	HÀN MINH AN	30/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	15	22.12
1863	NGÔ HOÀNG LONG	09/07/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Điểm thi THPT	D01	5	22
1864	HOÀNG MINH VŨ	14/01/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	3	21.65
1865	VŨ HUY HOÀNG	16/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	4	21.63
1866	NGUYỄN MINH ĐẠT	28/12/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Điểm thi THPT	C02	2	21.6
1867	LƯƠNG GIA HUY	16/12/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	3	21.53
1868	NGUYỄN VIỆT ANH	10/05/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	2	21.43
1869	NGUYỄN DUY ANH	27/01/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	1	21.35
1870	LÊ MINH HIẾU	24/07/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	5	21.31

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1871	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	8	21.27
1872	TRẦN HUY HOÀNG	05/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	9	21.27
1873	DƯƠNG NAM KHÁNH	02/11/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	1	21.19
1874	DƯƠNG HOÀNG VŨ	09/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	5	21.15
1875	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	24/04/2006	Nữ	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	1	21.01
1876	NÔNG TUẤN ANH	09/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	3	20.97
1877	TRẦN QUANG THANH	28/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	7	20.88
1878	NGUYỄN THỊ TRANG	20/09/2008	Nữ	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	2	20.85
1879	NGUYỄN THÁI SƠN	22/09/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	V-SAT	A01	4	20.83
1880	NGUYỄN PHÚC AN	28/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	7	20.75
1881	DƯƠNG TUẤN QUẢNG	31/07/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	1	20.65
1882	NGUYỄN QUỐC THẮNG	18/11/2007	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A01	5	20.63
1883	NGỌC HỮU KHÔI	30/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	6	20.63
1884	THÂN TRẦN NGUYỄN DƯƠNG	25/03/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	2	20.55
1885	NGUYỄN ĐẠI NAM	09/08/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Điểm thi THPT	C01	5	20.5
1886	NGUYỄN TÁT BÌNH	03/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D07	6	20.48
1887	NGUYỄN QUANG CHUNG	25/11/2007	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	7	20.45
1888	BÙI TUẤN HẢI	08/08/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A01	15	20.27
1889	GIÁP PHƯƠNG TRÍ	22/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	5	20.25
1890	ĐÀO ĐẠI PHÚ	27/03/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	1	20.2
1891	DƯƠNG ĐĂNG MINH	26/10/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Điểm thi THPT	C01	5	20.1
1892	NGUYỄN HOÀNG HẢI	03/12/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A01	4	20.09
1893	THÂN VĂN DUY	02/12/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	6	20.04
1894	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	29/11/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	5	20.03
1895	LÊ ĐỨC ANH	08/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	A00	7	20
1896	MÔNG CHÍ VỸ	16/07/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	6	19.96
1897	TRƯƠNG VĂN HÙNG	20/06/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	6	19.95
1898	GIÁP VĂN HỒNG	01/02/2007	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	5	19.89
1899	CHU VĂN XUÂN	10/01/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	3	19.84
1900	PHẠM NGỌC VIỆT	11/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	6	19.79

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1901	PHẠM TIỀN THÀNH	07/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	3	19.77
1902	LÊ MINH TUẤN	21/07/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	7	19.77
1903	NGUYỄN ĐÌNH SANG	08/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Điểm thi THPT	C02	11	19.75
1904	TẠ MINH KHÔI	16/03/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	3	19.71
1905	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	10/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	D01	2	19.69
1906	DƯƠNG VĂN MẠNH	15/02/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C01	3	19.65
1907	VƯƠNG MẠNH ĐẠT	03/04/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	7	19.61
1908	NGUYỄN CHÍ CÔNG	31/12/2008	Nam	Hệ thống điều khiển công nghiệp	Học bạ	C02	6	19.52
1909	LƯƠNG THÚY NGÀ	01/02/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	27.83
1910	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	10/02/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	3	25.35
1911	ÂU THỊ TOÁN	11/05/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A01	2	24.53
1912	TRỊNH QUANG TÚ	04/06/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	24.32
1913	NGUYỄN KHẮC VINH	15/09/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	23.47
1914	ĐINH HOÀNG PHƯƠNG LINH	19/06/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	3	23.41
1915	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	30/06/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.29
1916	DƯƠNG THỊ HỒNG DIỆP	11/07/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	5	23.01
1917	PHẠM THỊ MAI TRANG	07/06/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	22.93
1918	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	20/12/2007	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	2	22.85
1919	ĐỖ THỊ THU THỦY	06/03/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D07	2	22.77
1920	NGUYỄN THẾ NINH	08/08/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	1	22.77
1921	PHƯƠNG THỊ HẢI YẾN	14/09/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	1	22.75
1922	TRẦN THỊ NGỌC LY	28/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	4	22.57
1923	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	12/08/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	22.47
1924	NGUYỄN THỊ BẢO GIANG	23/01/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	22.39
1925	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	18/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	5	22.37
1926	DƯƠNG THỊ THƯƠNG	19/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	1	22.35
1927	LÊ THỊ THÙY LINH	22/07/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	2	21.91
1928	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	13/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	1	21.87
1929	TRẦN THỊ TÂM	19/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	1	21.83
1930	ĐINH THỊ KHÁNH NHI	29/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	2	21.79

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1931	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12/10/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	2	21.63
1932	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	25/02/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	9	21.55
1933	VŨ KHÁNH LINH	04/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	3	21.49
1934	NGHIÊM THỊ HẬU	05/01/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	4	21.41
1935	NGUYỄN VŨ HOÀNG	08/03/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D07	3	21.37
1936	ĐỖ ĐỨC MẠNH	27/03/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	6	21.35
1937	BÙI THỊ LAN ANH	22/10/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	7	21.33
1938	TRẦN THỊ KIM HUỆ	09/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	3	21.31
1939	ĐỖ THỊ THÚY NGÀ	02/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	21.29
1940	VŨ NGỌC ÁNH	04/03/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	4	21.23
1941	HOÀNG ÁI VÂN	25/04/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	3	21.2
1942	BÙI THANH TÚ	09/07/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	3	21.16
1943	NGÔ THỊ HỒNG ÁNH	07/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	3	21.12
1944	LÃ QUỲNH CHI	13/07/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	4	21
1945	NGUYỄN THỊ NGỌC CHI	07/01/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Điểm thi THPT	D01	2	21
1946	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	30/10/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	4	20.97
1947	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	03/01/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	4	20.96
1948	NGUYỄN TIẾN MINH	25/09/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	5	20.93
1949	VƯƠNG NGUYỄN VĂN	17/06/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	9	20.84
1950	TRẦN THỊ KIM DUNG	20/01/2007	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	5	20.8
1951	NGUYỄN THỊ HỒNG TÂM	19/01/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	7	20.75
1952	NGUYỄN THỊ LỘC	12/02/2004	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	20.69
1953	NÔNG THỊ THÚY DƯƠNG	27/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	20.67
1954	NGUYỄN PHÚC CƯỜNG	03/09/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	10	20.65
1955	LÊ THÙY TRANG	11/08/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	5	20.59
1956	MAI MINH QUÂN	26/01/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	5	20.59
1957	TẠ ANH QUÂN	22/11/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	5	20.57
1958	TẠ NHƯ DŨNG	16/10/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	11	20.53
1959	LÊ VIỆT ANH	28/12/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	20.4
1960	NGUYỄN NGỌC ÁNH	03/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	1	20.37

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1961	NGUYỄN THỊ HỒNG	15/10/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	6	20.37
1962	VI THU MINH	26/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	2	20.31
1963	PHẠM DƯƠNG AN NGUYỄN	15/04/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	3	20.23
1964	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	07/05/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	6	20.2
1965	NGUYỄN NGỌC AN	11/05/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	3	20.16
1966	NGHIÊM THỊ THANH NGÂN	08/02/2007	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	3	20.16
1967	ĐINH VI DUY	02/03/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	5	20.09
1968	ĐÀO QUANG TRƯỜNG	12/05/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	5	20.08
1969	BÙI THẾ ĐAN	09/11/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	6	20.05
1970	HOÀNG THỊ HẠ VY	25/06/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	3	20.05
1971	ĐẶNG HOÀI MẾN	10/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	6	20.04
1972	LÊ NGỌC HÂN	22/02/2007	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	4	19.97
1973	TRẦN LÊ VINH	05/09/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	3	19.96
1974	ĐÀO NGỌC BÍCH	06/09/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	19.95
1975	HOÀNG THANH TÙNG LÂM	26/02/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D07	3	19.91
1976	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	16/12/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	19.88
1977	ĐỖ THANH BÌNH	20/10/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	D01	3	19.85
1978	LÃ NGUYỆT ÁNH	25/05/2007	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	19.81
1979	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	29/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	1	19.77
1980	PHẠM NGỌC ÁNH	06/07/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	19.77
1981	HOÀNG MINH HÙNG	09/11/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	1	19.77
1982	TẠ QUANG MẠNH HÙNG	18/01/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X05	12	19.65
1983	NGUYỄN THỊ LIÊN	17/09/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	2	19.6
1984	NGUYỄN HẢI NHẬT QUANG	09/10/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	X25	9	19.53
1985	BÙI CÔNG LỰC	27/02/2008	Nam	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	3	19.52
1986	BÙI MINH THẢO	04/11/2008	Nữ	Kinh tế công nghiệp	Học bạ	A00	2	19.51
1987	NGUYỄN QUANG MINH	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	29.55
1988	VŨ ĐĂNG QUANG	25/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	28.99
1989	LÊ GIA KHÁNH	28/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	28.04
1990	TRẦN VĂN TRUNG	22/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	27.6

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
1991	NGUYỄN MINH HIẾU	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	27.59
1992	LÝ QUANG MINH	11/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	27.41
1993	ĐÀO THANH NGUYỄN	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	27.4
1994	HỨA THẾ KHOA	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	27.39
1995	LÃNG THỊ GIA NHƯ	21/10/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	27.21
1996	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	27.21
1997	TRẦN XUÂN LỘC	03/07/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	27.17
1998	TÔN VĂN MẠNH	04/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	1	26.99
1999	TRẦN MẠNH ĐÔNG	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	26.92
2000	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	23/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	26.91
2001	NGUYỄN TUẤN ANH	08/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	26.89
2002	NGUYỄN VĂN LONG	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	26.84
2003	NGUYỄN QUỐC TỊNH THIÊN	08/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	26.79
2004	VŨ ĐỨC KIẾN	14/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	26.61
2005	ĐỖ GIA KIẾN	13/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	26.59
2006	NGÔ DUY ĐỨC	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	26.52
2007	HOÀNG THỊ HUYỀN ANH	28/05/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	26.51
2008	PHẠM MINH NHẬT	03/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	26.5
2009	HOÀNG NHƯ QUỲNH	22/01/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	26.44
2010	ĐỖ VĂN LONG	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	26.37
2011	PHẠM MINH LONG	13/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	26.34
2012	LẠI GIA HUY	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	26.32
2013	TRẦN MINH VŨ	11/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	1	26.32
2014	TRẦN THỊ CẨM LY	08/09/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	26.2
2015	NGUYỄN THẾ LONG	01/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	26.19
2016	PHẠM MINH TRIẾT	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	26.17
2017	HÀ MAI HƯƠNG	09/06/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	5	26.16
2018	NGUYỄN THỊ THÚY HƯƠNG	20/05/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	8	26.08
2019	BÙI QUANG VINH	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	26.01
2020	NGUYỄN MINH HẰNG	23/11/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	25.98

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2021	TRẦN TUẤN MINH	05/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	25.96
2022	ĐẶNG LÊ ĐỨC BẢO	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	25.89
2023	HÀ MINH TUẤN	09/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	25.87
2024	NGUYỄN DUY BẢO	22/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.81
2025	HOÀNG TẤN DŨNG	02/06/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	25.8
2026	VŨ TRỌNG BÌNH	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.78
2027	ĐINH TRÍ ĐỨC	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.74
2028	LÊ HÀ TUẤN KIẾT	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.72
2029	ĐẶNG QUỐC ANH	24/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	25.71
2030	TRẦN HOÀNG HẢI	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	25.63
2031	TRIỆU VĂN KHIÊM	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	25.59
2032	LÊ MINH HUY	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	2	25.57
2033	VŨ HOÀNG AN	02/10/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	12	25.56
2034	VŨ MINH HIẾU	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	25.56
2035	ĐINH TIẾN DŨNG	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	2	25.54
2036	VI QUANG VINH	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.54
2037	NGUYỄN GIA LƯƠNG	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	1	25.5
2038	TRẦN HỮU ĐỨC DŨNG	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	25.39
2039	HÀ BẢO NAM	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	25.38
2040	HÀ HUY TOÀN	16/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	5	25.33
2041	NGUYỄN MINH NGHĨA	20/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	3	25.2
2042	PHẠM QUỐC HUY	26/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	1	25.17
2043	PHAN HOÀNG DƯƠNG	31/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	25.14
2044	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	15/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	25.08
2045	BẾ ĐÌNH HOÀNG	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	4	25.08
2046	PHẠM TIẾN ĐẠT	22/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	6	24.97
2047	PHẠM NHẬT LINH	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	24.97
2048	NGUYỄN THÀNH HƯNG	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.96
2049	LÌU VĂN HOÀNG	07/10/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.96
2050	TẠ VĂN CẢNH	05/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	24.96

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2051	TRỊNH ĐỨC HUY	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.93
2052	NGUYỄN HỮU MINH QUÂN	03/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	5	24.93
2053	NGUYỄN ANH NHẬT	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	24.89
2054	PHẦN VĂN SAN	11/12/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.89
2055	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT	30/07/2007	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	24.84
2056	NGUYỄN ĐÌNH HUY	15/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.79
2057	MAI XUÂN DƯƠNG	06/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	24.79
2058	TRƯƠNG TẤN DŨNG	28/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	24.75
2059	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	24.71
2060	VŨ TIẾN TÂN	17/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	24.71
2061	ĐẶNG NGỌC PHÁT	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.69
2062	VŨ VĂN SƠN	12/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	4	24.65
2063	LÃNG QUỐC CƯỜNG	18/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	24.65
2064	VŨ ANH TÚ	18/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	1	24.63
2065	NGUYỄN HOÀNG LONG	15/09/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	24.63
2066	PHẠM XUÂN HÙNG	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	24.61
2067	NGUYỄN HẢI NAM	08/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.61
2068	HOÀNG THANH SƠN	02/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	5	24.61
2069	MÔNG ĐÌNH TÚ	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.61
2070	ĐẶNG QUANG KỲ	13/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	3	24.57
2071	PHAN VIỆT AN VƯƠNG	08/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	11	24.57
2072	NGUYỄN THANH CHÚC	28/10/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.57
2073	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	24.57
2074	MÔNG THANH THIẾU	11/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.56
2075	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	2	24.52
2076	NGUYỄN TIẾN PHÁT	09/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	1	24.52
2077	HOÀNG VĂN PHÚ	16/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.52
2078	LÊ NGỌC THIÊN	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	24.49
2079	BÙI ANH TUẤN	05/11/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	24.48
2080	ĐÌNH VĂN THÀNH	21/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	4	24.44

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2081	DƯƠNG VĂN LUẬT	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	24.44
2082	LÊ QUÝ MINH	25/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	24.44
2083	HOÀNG THÁI BÌNH NGUYỄN	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.44
2084	VŨ QUỐC DUY	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	4	24.4
2085	HOÀNG ĐỨC HẢI	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	14	24.36
2086	NGUYỄN VIỆT DŨNG	04/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	3	24.32
2087	NGUYỄN QUANG HÙNG	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.31
2088	NGUYỄN HIẾU KIÊN	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.29
2089	ĐINH TRUNG DŨNG	24/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24.29
2090	PHAN ĐỨC HUY	15/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	9	24.25
2091	NGUYỄN TRUNG THƯỢNG	04/02/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	1	24.25
2092	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	28/07/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	2	24.24
2093	TRẦN SỸ TUẤN	16/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	3	24.24
2094	PHẠM CÔNG SƠN	22/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	6	24.24
2095	DƯƠNG AN ĐÔNG	23/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	24.24
2096	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	25/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	6	24.17
2097	TRẦN TIẾN ĐẠT	09/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	24.17
2098	HOÀNG VĂN HƯNG	27/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	24.11
2099	NGUYỄN TIẾN LONG	21/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.11
2100	ĐỖ MINH HIẾU	01/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	24.11
2101	TRẦN MINH VƯỢNG	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	3	24.09
2102	HOÀNG CÔNG LONG	10/05/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.08
2103	ĐỖ DUY VŨ	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	24.04
2104	HOÀNG TRẦN ĐỨC THỊNH	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	24.03
2105	NGUYỄN TUẤN ANH	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.03
2106	ĐINH VĂN QUANG NAM	20/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	24.03
2107	THÂN TRỌNG HIẾU	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	24.01
2108	NGUYỄN ĐỨC TIẾN DŨNG	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	24
2109	LÝ TRƯỜNG NĂNG	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	6	24
2110	HOÀNG KỲ ANH	12/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	24

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2111	PHẠM BẢO NGỌC	16/10/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.97
2112	PHẠM GIA BẢO	21/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	23.97
2113	VŨ TRỌNG QUANG	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	23.97
2114	NGUYỄN VĂN BÌNH	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	7	23.96
2115	ĐỖ XUÂN HUY	22/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	2	23.96
2116	TRƯƠNG CÔNG TRƯỜNG GIANG	22/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	5	23.95
2117	TRƯƠNG PHÚC AN	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	7	23.95
2118	NGUYỄN VĂN KHOA	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	23.93
2119	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.93
2120	GIÁP MẠNH KHẢI	29/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.93
2121	NGUYỄN HOÀI NAM	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A01	7	23.93
2122	TRẦN VŨ QUANG PHÚC	30/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	11	23.93
2123	BÙI QUANG HOẠT	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	6	23.93
2124	NGUYỄN VĂN HOAN	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	7	23.93
2125	NGUYỄN ĐĂNG BẢO	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	3	23.93
2126	NGUYỄN BÁ KHOA	20/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.93
2127	TRẦN NGUYỄN THÁI AN	02/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.93
2128	NGUYỄN ĐÌNH GIÁP	30/06/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.93
2129	NGUYỄN VĂN SỸ	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.93
2130	TRẦN QUANG HUY	03/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.93
2131	TRẦN BÌNH MINH	29/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.89
2132	TRẦN TRUNG ĐỨC	29/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.89
2133	NHŨ MAI TUẤN MINH	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.89
2134	LÊ THANH TÙNG	14/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.89
2135	PHẠM ANH THÁI	21/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	6	23.88
2136	NGUYỄN XUÂN LÂM	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	23.85
2137	BÙI THANH VINH	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	23.85
2138	HOÀNG ĐỨC HÒA	08/04/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.85
2139	NGUYỄN VĂN NGHỊ	05/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	9	23.85

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2140	ĐẶNG THÀNH MINH	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	1	23.85
2141	CAO ĐỨC TOÀN	28/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	15	23.84
2142	HÀ HẢI YẾN	21/01/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	6	23.83
2143	LÊ VĂN HƯNG	18/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	5	23.83
2144	LÃNG MẠNH DƯƠNG	25/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	23.83
2145	NGUYỄN MINH VŨ	05/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	23.81
2146	ĐỖ KHẮC BÁCH	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	23.81
2147	TRỊNH TUẤN HƯNG	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	23.8
2148	NGUYỄN ĐỨC HUY	09/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	23.8
2149	VI ĐỨC DUY	13/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.79
2150	PHẠM QUỐC KHÁNH	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.79
2151	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	26/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	6	23.79
2152	TRẦN THẾ CƯỜNG	02/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	23.79
2153	TRẦN ĐỨC HÙNG	06/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	13	23.77
2154	HOÀNG ĐỨC NGHĨA	17/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.77
2155	NGUYỄN CÔNG HÙNG	08/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	5	23.75
2156	VŨ TRẦN KIẾN	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	5	23.75
2157	NGUYỄN TỰ LONG	14/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	23.75
2158	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	V-SAT	A00	2	23.75
2159	NGUYỄN HUY VIỆT	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	1	23.73
2160	NGUYỄN HOÀNG HẢI	14/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.73
2161	TRẦN KHẮC BẢO KHƯƠNG	03/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	2	23.73
2162	VÀNG VĂN DUY	21/10/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	23.73
2163	TRẦN MINH ĐĂNG	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	6	23.73
2164	DƯƠNG VĂN TÚ	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.72
2165	NGUYỄN MINH TÂM	25/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	23.72
2166	ĐỖ BÁ ANH TUẤN	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	10	23.72
2167	VŨ MINH HIẾU	26/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.72
2168	TÔ KIM LONG	09/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	11	23.72
2169	NGUYỄN XUÂN HUÂN	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.72

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2170	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	31/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.72
2171	AN HỒNG QUANG	03/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	12	23.72
2172	BÙI ĐỨC DUY	12/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	5	23.72
2173	NGUYỄN MINH NGHĨA	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	8	23.72
2174	GIÁP THANH HOÀ	09/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	3	23.72
2175	TÓNG NGỌC HẢI	08/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	5	23.72
2176	NGÔ GIA BẢO	03/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	23.72
2177	NGUYỄN THANH TÙNG	05/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	23.72
2178	BÙI ĐỨC DŨNG	25/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.71
2179	NGÔ XUÂN VINH	28/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.71
2180	NGUYỄN VĂN DŨNG	31/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	12	23.71
2181	THÂN NGỌC VŨ ĐẠI	16/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	23.71
2182	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.71
2183	LƯƠNG GIA HUY	11/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.71
2184	HOÀNG DUY MINH	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.71
2185	NGÔ VĂN ĐẠT	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	5	23.7
2186	VŨ ANH HUÂN	12/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.7
2187	VI HOÀNG SƠN	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	6	23.7
2188	NGÔ MẠNH HÙNG	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.7
2189	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	29/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.7
2190	ĐỖ VĂN KHÁNH	13/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	8	23.7
2191	NGUYỄN NHƯ THÀNH ĐỨC	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	7	23.7
2192	ĐÀO TIẾN MẠNH	03/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	6	23.7
2193	TRẦN ANH THƯ	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	V-SAT	A00	4	23.69
2194	TRẦN MINH BẢO	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.68
2195	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	23.68
2196	ĐÌNH VĂN LỊCH	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.68
2197	TRẦN CHÍ ĐỒNG	12/02/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	3	23.68
2198	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.67
2199	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	18/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	23.67

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2200	NGUYỄN GIA KIẾT	28/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.67
2201	ĐINH TUẤN LONG	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.67
2202	LÊ THANH DƯƠNG	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	9	23.67
2203	LÊ QUANG VINH	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	13	23.65
2204	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	5	23.65
2205	PHẠM MẠNH HÙNG	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	V-SAT	C01	5	23.65
2206	MÃN VIỆT HOÀNG	16/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	2	23.63
2207	HÀ QUÝ TRỌNG	31/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	5	23.63
2208	NGUYỄN THẾ NAM	23/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.63
2209	BÙI NGỌC HỒNG	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	10	23.63
2210	ĐẶNG NHẬT MINH	19/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	5	23.61
2211	NGÔ ANH DUY	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.61
2212	TÔNG VĂN HUY	25/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.6
2213	NGUYỄN QUANG DŨNG	08/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.59
2214	ĐOÀN NGỌC ĐỨC	12/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.59
2215	ĐỖ TRỌNG PHÚC	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	23.59
2216	ĐỖ QUANG BẢO	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.59
2217	VŨ VIỆT ANH	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.59
2218	DƯƠNG MINH QUANG	03/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.59
2219	NGUYỄN VĂN TÂN	16/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	2	23.57
2220	PHẠM ĐÌNH HIỆP	23/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	5	23.57
2221	TRIỆU TIẾN AN	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.57
2222	NGUYỄN VIỆT ANH	28/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	6	23.57
2223	ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.57
2224	NGUYỄN QUANG VŨ ANH	08/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	4	23.57
2225	HOÀNG DUY DŨNG	26/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.56
2226	LÊ MẠNH DŨNG	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	23.56
2227	HÀ MINH PHƯƠNG	30/07/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.53
2228	ĐÀO ĐỨC PHÚ	28/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.53
2229	PHẠM TIẾN ĐẠT	04/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.52

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2230	TRẦN QUỐC TUẤN	27/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	2	23.52
2231	NGUYỄN TUẤN ANH	10/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	6	23.51
2232	LÊ DUY HƯNG	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	6	23.51
2233	LỤC VĂN DƯƠNG	14/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.51
2234	NGUYỄN TIẾN DŨNG	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	5	23.51
2235	NGÔ NGỌC HÒA	19/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.51
2236	TRỊNH ANH KHOA	13/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.51
2237	NINH QUANG NHẬT	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	D01	2	23.5
2238	LÊ PHẠM TUẤN LINH	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	23.49
2239	LƯƠNG THỊ HIỀN	15/04/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.49
2240	TRẦN ĐÌNH SINH	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	5	23.49
2241	NGUYỄN NHẬT HÙNG	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	23.49
2242	BÙI NGỌC QUANG KHẢI	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.48
2243	DƯƠNG MINH TÚ	01/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	11	23.48
2244	NGUYỄN DƯƠNG HỒNG NAM	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.48
2245	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	20/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A01	6	23.48
2246	NGUYỄN MẠNH BẢO NAM	26/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	23.48
2247	LÊ HỮU THẮNG	30/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	10	23.48
2248	NGUYỄN THANH TÙNG	27/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	6	23.48
2249	PHẠM ĐỨC DUY	23/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	8	23.47
2250	HƯƠNG HÀ THÀNH	25/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	23.47
2251	TẠ VĂN BÓN	28/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	23.47
2252	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	24/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.47
2253	LÊ MINH HIẾU	21/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	4	23.47
2254	NGUYỄN THỊ THU	10/10/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.47
2255	KHÔNG MINH ĐỨC	25/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	9	23.47
2256	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	02/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	9	23.47
2257	VŨ MINH KHÔI	05/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	11	23.45
2258	NGUYỄN HÀ DƯƠNG	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	4	23.45
2259	PHẠM TIẾN MẠNH	26/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	6	23.45

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2260	TRẦN MINH KHÁNH	04/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	1	23.45
2261	TRẦN THỊ TRÂM	21/06/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	4	23.45
2262	NGUYỄN DUY HƯNG	25/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.45
2263	DƯƠNG VŨ HOÀNG ĐỨC	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	1	23.44
2264	NGUYỄN HỮU VIỆT HÂN	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	2	23.43
2265	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	9	23.43
2266	VŨ VĂN TRƯỜNG	01/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	4	23.41
2267	TRẦN TIẾN VINH	12/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	1	23.41
2268	TẠ XUÂN QUANG	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.41
2269	NGUYỄN HÀ TUẤN ANH	28/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	10	23.41
2270	NGUYỄN KIM HÙNG	14/01/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	23.41
2271	TÔ VĂN TÀI	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	23.41
2272	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.41
2273	HOÀNG VĂN HOÀN	31/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.4
2274	BÙI GIA PHƯƠNG	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	23.4
2275	KIỀU ĐÌNH DŨNG	05/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	5	23.39
2276	NHŨ HOÀNG BÁCH	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	4	23.39
2277	ĐỖ TUẤN ANH	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	7	23.37
2278	ĐẶNG ANH DŨNG	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	3	23.37
2279	PHẠM XUÂN THỊNH	12/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.37
2280	TRẦN THANH HƯNG	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	5	23.37
2281	PHẠM HUY HOÀNG	28/02/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	23.36
2282	HỒ BÁ SƠN	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.36
2283	TRIỆU ĐÌNH HỢI	19/02/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.35
2284	VŨ VĂN TƯỜNG	20/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.34
2285	PHẠM VĂN CHIẾN	13/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	6	23.33
2286	PHÙNG BÁ DUY THÁI	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	7	23.33
2287	NGUYỄN VĂN DUY	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	10	23.33
2288	NGUYỄN XUÂN DŨNG	21/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.33
2289	NGUYỄN ĐẶNG QUANG HUY	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	7	23.33

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2290	NGUYỄN THÙY VÂN	02/11/2007	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.33
2291	CHU ĐỨC MẠNH	10/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	14	23.33
2292	LÊ ĐẮC DŨNG	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	1	23.33
2293	NGỌC DOANH DOANH	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	3	23.33
2294	VƯƠNG VĂN KHIÊM	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	23.33
2295	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	9	23.33
2296	NGUYỄN MINH KHÁNH	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	2	23.33
2297	NGUYỄN QUANG MINH	12/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D07	3	23.32
2298	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	4	23.32
2299	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	14/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	V-SAT	C01	3	23.32
2300	QUẢN NGUYỄN PHÚC TIẾN	28/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.31
2301	LÊ ANH TÚ	27/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	1	23.29
2302	NGUYỄN QUỐC HUY	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.29
2303	LÂM TRÍ KIẾN	22/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	4	23.29
2304	GIÁP VĂN QUÂN	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	8	23.29
2305	GIANG ĐỨC NAM	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.29
2306	TRƯƠNG VINH HIỂN	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	7	23.29
2307	HOÀNG TIẾN ĐẠT	01/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	3	23.29
2308	BÀN THIÊN VỸ	10/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C02	1	23.29
2309	NGUYỄN MINH TRÍ	28/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.29
2310	HOÀNG VĂN THƯỢNG	06/06/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.28
2311	HOÀNG ĐỨC MINH	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	1	23.28
2312	NGUYỄN ANH TUẤN	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.28
2313	PHẠM VĂN CƯƠNG	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	4	23.28
2314	LÊ NHẬT NAM	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	2	23.28
2315	NGUYỄN THÀNH ĐOÀN	10/09/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.28
2316	ĐÀO XUÂN ĐỨC	18/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.28
2317	CHU TRẦN VIỆT HOÀNG	22/10/2007	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.28
2318	PHẠM XUÂN BIỂN	29/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	9	23.28
2319	BÙI TÙNG LÂM	27/11/2005	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	2	23.27

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2320	HÀ CẨM HÙNG	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	C01	3	23.25
2321	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	08/03/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A01	3	23.25
2322	PHẠM DUY TIẾN	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	D01	3	23.25
2323	GIÁP VĂN TẤN	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Học bạ	A00	3	23.25
2324	PHẠM THỊ ANH THƠ	20/06/2008	Nữ	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	D01	7	23.25
2325	THÂN ĐỨC DU	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	1	23.25
2326	HOÀNG PHI TRƯỜNG	31/10/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	6	23.25
2327	NGUYỄN VIỆT ANH	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	2	23.25
2328	ĐÀO DUY HOÀNG	28/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	A00	1	23.25
2329	LƯU NAM KHÁNH	02/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.25
2330	PHẠM QUANG HƯNG	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	2	23.25
2331	THĂNG ĐỨC MẠNH	22/04/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	6	23.25
2332	NGUYỄN ĐỨC ĐÔNG	19/01/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C01	3	23.25
2333	TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	08/12/2008	Nam	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.25
2334	NGUYỄN QUỐC VINH	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	1	24.67
2335	BÙI TRỌNG DŨNG	10/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	5	23.69
2336	BÙI ĐỨC LONG	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	3	23.67
2337	NGUYỄN TRUNG KIẾN	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	4	23.45
2338	THÂN THẾ ANH	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	2	23.28
2339	NGUYỄN QUANG HUY	18/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	3	22.91
2340	NGUYỄN TRUNG QUYẾT	08/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D07	2	22.87
2341	HOÀNG QUỐC VIỆT	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C02	3	22.44
2342	ĐẶNG NGỌC HUY	11/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	3	22.36
2343	NGUYỄN THANH TÙNG	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	2	22.17
2344	NGÔ TRUNG KIÊN	05/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	6	22.08
2345	TRẦN ANH ĐỨC	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D01	1	22
2346	NGUYỄN ĐỨC ANH	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D07	4	21.96
2347	PHẠM NGUYỄN DUY TÙNG	25/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A01	13	21.83
2348	TRẦN MINH QUANG	02/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C02	5	21.75
2349	NGUYỄN BẢO LÂM	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	7	21.69

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2350	VŨ XUÂN VIỆN	28/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C02	6	21.65
2351	TRẦN MINH PHÚ	31/03/2007	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D01	7	21.51
2352	NGÔ QUỐC KHÁNH	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C02	5	21.5
2353	NGUYỄN MẠNH DŨNG	29/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	6	21.47
2354	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A01	3	21.39
2355	ĐÀO TUẤN KIÊN	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	1	21.25
2356	DƯƠNG THỊ XUÂN PHƯƠNG	05/12/2008	Nữ	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D01	3	21.25
2357	HOÀNG THẾ DŨNG	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C02	10	21.25
2358	NGUYỄN ĐỨC THÁI	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	1	21.01
2359	NGÔ GIA LỘC	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C02	7	21
2360	HOÀNG ANH KIÊN	17/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	8	21
2361	LÊ QUANG TRUNG	18/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	6	20.96
2362	HOÀNG GIA PHÚ	05/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D07	10	20.77
2363	VŨ ĐỨC ĐOÀN	18/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	6	20.75
2364	NGUYỄN THÀNH HƯNG	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	7	20.75
2365	NGUYỄN TIẾN NHẤT	24/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	7	20.69
2366	TRẦN XUÂN ĐOÀN	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	5	20.68
2367	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	D01	4	20.55
2368	NGUYỄN GIA BẢO	10/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	1	20.53
2369	HÀ ĐỨC TRUNG	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	5	20.5
2370	NGUYỄN THANH BÌNH	27/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	6	20.5
2371	DƯƠNG ĐỨC DUY	12/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	3	20.49
2372	NGUYỄN HOÀI NAM	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	3	20.4
2373	PHẠM KHẢ HUY	05/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	3	20.37
2374	NGUYỄN THÀNH NAM	21/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C02	5	20.32
2375	NGUYỄN TUẤN ANH	09/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	A00	7	20.29
2376	GIÁP ĐỨC DUY	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Học bạ	C01	1	20.27
2377	CAO VĨNH TƯỜNG	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	Điểm thi THPT	C01	6	20.25
2378	HOÀNG THẾ BÌNH	05/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A01	2	23.29
2379	PHẠM QUỐC ANH	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	21.44

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2380	BÙI ĐÌNH DUY KHÁNH	05/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A01	2	21.41
2381	NGUYỄN THẾ THẮNG	13/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	21
2382	DƯƠNG TRUNG QUỐC	01/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	20.76
2383	VI GIA THUẬN	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	8	20.5
2384	PHÍ ANH TUẤN	09/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	1	20.17
2385	HOÀNG TRỌNG DŨNG	31/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D07	3	20.17
2386	VI ĐỨC MẠNH	05/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	8	20.16
2387	NÔNG HUY HOÀNG	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	5	20.13
2388	PHẠM ANH TUẤN	10/04/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	20.08
2389	LÊ QUANG HƯNG	17/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D07	4	20.05
2390	HOÀNG GIA KIẾN	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	6	20
2391	LÊ QUANG MINH	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C02	3	20
2392	TRẦN VŨ ĐĂNG KHOA	21/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	19.91
2393	VŨ VIỆT DŨNG	28/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	2	19.75
2394	NGÔ LÊ HẢI NAM	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	5	19.75
2395	ĐÀO DUY TÙNG	02/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	4	19.71
2396	NGUYỄN BẢO THANH	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	14	19.69
2397	PHẠM NGỌC NAM	22/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C01	5	19.68
2398	NGUYỄN VĂN THỨC	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	5	19.67
2399	TRẦN HOÀNG LUY	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A01	4	19.63
2400	TẠ TRUNG HIẾU	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	4	19.5
2401	NGUYỄN QUỐC HUY	15/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C02	4	19.45
2402	TRẦN ĐỨC ANH	10/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C01	8	19.37
2403	TẠ ĐỨC HIẾU	23/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D07	6	19.33
2404	TRỊNH HÙNG CƯỜNG	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	2	19.32
2405	VŨ THÁI NGỌC	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	10	19.25
2406	NGUYỄN VIỆT DŨNG	17/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	6	19.24
2407	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	01/06/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	8	19
2408	ĐỖ MINH NGHĨA	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C01	8	18.99
2409	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	9	18.76

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2410	LÊ HỮU QUANG	25/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	5	18.75
2411	NGUYỄN NGÔ VIỆT ANH	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C02	4	18.75
2412	PHẠM NGỌC NAM	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	5	18.71
2413	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	10/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	3	18.57
2414	VŨ QUỐC VIỆT	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	13	18.41
2415	VŨ TRƯỜNG MINH	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A01	1	18.36
2416	NGUYỄN THÀNH LONG	05/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	7	18.35
2417	LÊ VĂN LONG	04/04/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C01	10	18.31
2418	PHẠM TRƯỜNG GIANG	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	D01	4	18.25
2419	HOÀNG VĂN ĐẠI	15/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C01	9	18.21
2420	NGUYỄN TUẤN ANH	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	7	18.13
2421	NGUYỄN QUANG DŨNG	19/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	9	18.09
2422	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	8	18.08
2423	NGUYỄN VĂN VIỆT AN	29/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	5	18.05
2424	TỔNG PHƯƠNG NAM	11/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	4	18.04
2425	ĐẶNG DUY MẠNH	07/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	2	17.95
2426	NGUYỄN TIẾN MẠNH	28/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D07	2	17.92
2427	NGUYỄN TUẤN VŨ	06/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	4	17.87
2428	ĐÌNH QUANG NAM	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	4	17.87
2429	NGUYỄN TUẤN ANH	11/08/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	D01	8	17.85
2430	NGUYỄN VŨ LINH	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A01	4	17.75
2431	ĐẶNG KHÁNH TÙNG	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C02	2	17.75
2432	ĐỖ MINH HIẾU	01/07/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	2	17.69
2433	HOÀNG HUY HOÀNG	26/06/2007	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	A00	9	17.69
2434	VŨ VĂN ĐIỆP	27/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	1	17.64
2435	TRỊNH QUANG HUY	03/11/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	C02	4	17.64
2436	HOÀNG VĂN PHONG	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Học bạ	D01	2	17.53
2437	PHẠM THẾ DUYỆT	16/09/2008	Nam	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT	C01	6	17.5
2438	CHU THỊ THÙY CHI	04/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	28.01
2439	BÙI ĐỨC KIÊN	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	27.25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2440	LINH THỊ THANH HẢI	27/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	26.97
2441	ĐỖ MẠNH CUỜNG	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	3	26.77
2442	NGUYỄN ĐÌNH THẢO	24/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	1	26.26
2443	TRẦN THỊ SEN	23/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	26.07
2444	NGUYỄN VIỆT QUANG HUY	11/01/2007	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.92
2445	NÔNG NGUYỄN HOÀNG VŨ	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.81
2446	CHU HOÀNG HÀ ANH	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	25.74
2447	BÙI VĂN CHIẾN	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	25.26
2448	VŨ TRUNG HIẾU	22/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	25.18
2449	NGUYỄN THẢO MY	31/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	24.93
2450	NGUYỄN NHƯ THÁI DƯƠNG	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.91
2451	TRẦN ANH HẢI	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.87
2452	ĐỀO VĂN NHƯ	28/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.81
2453	NGUYỄN HOÀNG HẢI	06/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.75
2454	NGUYỄN TIẾN NHẬT	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.73
2455	LƯƠNG ĐỨC HUY	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.73
2456	NGUYỄN TIẾN TUÂN	14/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	24.61
2457	KIỀU VĂN NHẬT ANH	17/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	5	24.61
2458	THÂN VĂN SƠN	28/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	24.57
2459	NGUYỄN TÙNG ANH	23/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	24.56
2460	TRẦN HUY LONG	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	5	24.45
2461	ĐẶNG VĂN VINH	28/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	24.45
2462	ĐOÀN CÔNG HUY	27/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	24.31
2463	TRƯƠNG QUANG HẢI	26/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	24.12
2464	TÔN VIỆT TUẤN ANH	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	1	24
2465	VŨ HUY HIẾU	04/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	7	23.97
2466	ĐINH THỊ QUỲNH NGA	12/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.97
2467	NGUYỄN THU HÀ	15/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	3	23.96
2468	NGUYỄN MINH HIẾU	16/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.95
2469	TRƯƠNG THÁI HƯNG	14/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.92

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2470	NGUYỄN QUANG LỢI	10/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	1	23.92
2471	BÙI TUẤN VỸ	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	4	23.89
2472	ĐINH HOÀNG VŨ	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	7	23.87
2473	HOÀNG SỸ TRƯỜNG	15/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	7	23.73
2474	ĐÀO DUY TRUNG HIẾU	05/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.73
2475	TÔN QUANG ĐỨC	24/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	2	23.71
2476	VŨ MẠNH BẢO AN	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	4	23.7
2477	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	27/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.65
2478	TRẦN NGUYỄN TRUNG KIẾN	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	23.57
2479	NGUYỄN TẤN PHÁT	13/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	8	23.55
2480	ĐINH THẾ VŨ	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	1	23.5
2481	NGUYỄN VĂN TÙNG	13/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	1	23.48
2482	DƯƠNG VĂN HÙNG	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	A00	2	23.48
2483	NGUYỄN MINH HỮU	28/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	4	23.45
2484	NGUYỄN TUẤN ANH	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.45
2485	DƯƠNG LẠI HIẾU MINH	28/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.45
2486	HÀ TRẦN TRỌNG KHẢI	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	8	23.37
2487	VI ĐÌNH VŨ	20/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	23.37
2488	VŨ MINH TÚ	05/03/2007	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	15	23.36
2489	LÝ MINH THƯƠNG	07/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	2	23.29
2490	NGUYỄN TIẾN MINH	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.28
2491	TRẦN NGỌC TÙNG	26/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	11	23.25
2492	HOÀNG MINH GIANG	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	1	23.25
2493	NGUYỄN THỊ TRANG	10/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	3	23.24
2494	NGUYỄN TRẦN QUANG LÂM	05/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	4	23.24
2495	HÀ TIẾN TÚ	29/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	6	23.23
2496	NÔNG DƯƠNG THANH PHONG	14/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	23.23
2497	HOÀNG HỒNG HÀ	14/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	6	23.2
2498	NGUYỄN AN NHÂN	07/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	2	23.2
2499	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	26/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	23.2

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2500	QUÁCH MINH TÂM	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	2	23.17
2501	PHẠM NGỌC CHÂU	23/12/2007	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	6	23.16
2502	LÊ VĂN BẮC	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	4	23.16
2503	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC NAM	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D07	9	23.16
2504	VÌ QUANG VINH	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	2	23.15
2505	ĐÀO VIỄN TRINH	14/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	23.13
2506	TRẦN THỊ NGỌC LINH	02/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	10	23.13
2507	DƯƠNG TUẤN TÚ	23/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	4	23.12
2508	PHẠM TÙNG LÂM	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	3	23.12
2509	ĐỖ THỊ BÌNH YÊN	18/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	D01	4	23.12
2510	LƯỜNG ĐÌNH TOÀN	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C02	4	23.11
2511	LÝ VĨ QUANG	02/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	23.11
2512	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT	C02	3	23.09
2513	NGÔ QUANG MINH	16/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.08
2514	NGUYỄN ANH TUẤN	21/05/2007	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.08
2515	NGUYỄN QUANG NGHĨA	23/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A00	3	23.08
2516	NGUYỄN ANH TUẤN	11/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	23.07
2517	VŨ ĐỨC VIỆT	28/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	9	23.04
2518	TRẦN THANH TÙNG	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	7	23.03
2519	HOÀNG QUỐC NGHĨA	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	1	23.03
2520	PHẠM ANH HOÀNG	17/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	C01	2	23.01
2521	PHẠM XUÂN HƯỞNG	01/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Học bạ	A01	2	23.01
2522	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	05/01/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	6	27.42
2523	GIÁP VĂN PHƯƠNG	04/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	27
2524	DƯƠNG THỊ THANH THẢO	02/02/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	26.65
2525	HÀ THỊ HÂN	26/08/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	26.61
2526	NGUYỄN CHÍ THANH	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	25.47
2527	NÔNG THANH LÂM	19/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	9	25.42
2528	NGUYỄN TRỌNG QUY	10/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	25.02
2529	VÌ XUÂN TRƯỜNG	21/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	4	25

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2530	HOÀNG VĂN KIẾN	07/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	4	24.84
2531	NGUYỄN QUANG ĐỨC	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	24.65
2532	HOÀNG THẾ PHONG	03/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	3	24.31
2533	VI THỊ BÍCH NGỌC	04/12/2007	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	1	24.23
2534	VŨ ĐỨC AN	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	24.09
2535	HOÀNG GIA HUY	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	2	24.03
2536	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	7	24.03
2537	HÀ HOÀNG NHÂN	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	23.99
2538	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	23.83
2539	BÙI NGỌC HƯNG	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	23.79
2540	HÀ MINH CHÂU	17/04/2007	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	8	23.71
2541	NGUYỄN MINH HÒA	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	4	23.71
2542	HOÀNG ANH TUẤN	04/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	23.69
2543	VŨ ĐĂNG THÀNH	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	23.52
2544	VŨ VIỆT PHƯỚC	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	4	23.51
2545	VŨ THÀNH HƯNG	24/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	1	23.47
2546	NGUYỄN THIÊN THÁI	11/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	23.44
2547	PHẠM THỊ DUYỀN	20/10/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	2	23.43
2548	NGUYỄN THẾ VINH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	23.41
2549	HOÀNG THỊ THÀNH	05/11/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	1	23.39
2550	BÙI ANH TUẤN	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	6	23.35
2551	NGUYỄN NGỌC SƠN	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	2	23.33
2552	HOÀNG MINH DƯƠNG	25/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	4	23.29
2553	PHẠM XUÂN HẢI ĐĂNG	04/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	23.24
2554	NGUYỄN MINH THUẬN	05/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	4	23.2
2555	NGUYỄN KHÁNH MINH	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	V-SAT	D01	2	23.19
2556	NGUYỄN ĐĂNG PHÁT	08/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	23.16
2557	NGÔ TRẦN HUY HOÀNG	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	5	23.15
2558	NGUYỄN TUẤN ANH	12/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	3	23.15
2559	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	23.12

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2560	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	24/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	12	23.08
2561	TRƯƠNG QUANG VINH	04/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	4	23.07
2562	VŨ NGỌC HẢI	16/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	23.03
2563	LƯƠNG NGỌC THIÊN	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	2	23.01
2564	LÊ VĂN HOÀNG	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	4	23.01
2565	TRẦN HỮU KHANG	09/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	22.95
2566	NGUYỄN HẢI ĐUỜNG	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	22.93
2567	NGUYỄN HÀ GIANG	19/01/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	2	22.91
2568	CHU HOÀI NAM	11/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	11	22.87
2569	VŨ TẤN MINH	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	4	22.85
2570	NGUYỄN VĂN HUY	27/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	22.79
2571	TRẦN CHÍ LÂM	14/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	10	22.75
2572	NGUYỄN TRUNG KIÊN	31/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	2	22.75
2573	LƯU ĐỨC TRỌNG	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	5	22.69
2574	PHẠM MINH ĐỨC	16/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	22.64
2575	NGUYỄN TUẤN PHONG	04/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	1	22.63
2576	TRẦN MẠNH ĐỨC	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	3	22.61
2577	ĐINH VIỆT KHOA	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	22.61
2578	NGUYỄN TIẾN TÀI	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	1	22.6
2579	LÂM QUỐC DOANH	20/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	4	22.57
2580	LƯU VĂN TRỌNG	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	4	22.55
2581	VŨ TRƯỜNG HUY	26/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	2	22.51
2582	TRẦN MẠNH HÙNG	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	5	22.5
2583	HÀ THỊ TƯƠI	10/08/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	2	22.5
2584	ĐỖ THỊ THẢO MY	15/08/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	D01	1	22.5
2585	TRẦN MINH VŨ	29/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	A00	3	22.5
2586	HOÀNG MINH CÔNG	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	5	22.5
2587	HOÀNG HỒNG HẠNH	27/01/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	7	22.47
2588	ĐẶNG THÁI SƠN	26/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	5	22.47
2589	TRẦN TUẤN VIỆT	19/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	1	22.43

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2590	NÔNG THỊ KIM CHI	22/08/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	2	22.4
2591	ĐẶNG TRẦN NHẬT HIẾU	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	1	22.39
2592	CAO BÁ ĐỨC TOÀN	15/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	5	22.37
2593	TRẦN CÔNG HẬU	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	4	22.35
2594	MAI VIẾT CHIẾN	23/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	1	22.35
2595	HOÀNG HÀ MY	29/01/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	1	22.29
2596	TRẦN VĂN ĐẠI	15/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	2	22.25
2597	NGUYỄN THANH TÚ	26/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	A00	3	22.25
2598	LƯƠNG ĐỨC SƠN	21/02/2007	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	4	22.25
2599	PHẠM VĂN NAM	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	2	22.25
2600	NGÔ HOÀNG TÂN	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	13	22.25
2601	HOÀNG DUY TUẤN	11/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	1	22.24
2602	NGÔ QUỐC ANH	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	12	22.16
2603	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	28/07/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	1	22.12
2604	NGUYỄN LÊ CƯỜNG NGUYỄN	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	22.12
2605	TẠ HUY ĐÔNG	23/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	2	22.12
2606	ĐỒNG MINH HÒA	15/02/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	1	22.1
2607	LƯU GIA BẢO	15/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	5	22.08
2608	ĐỖ THỊ TÂM NHƯ	07/02/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	2	22.07
2609	TRẦN NGỌC KHÁNH LONG	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	5	22.05
2610	CAO VĂN VŨ	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	2	22.04
2611	TẮT QUANG CHIẾN	17/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	22.04
2612	LÊ DUY MẠNH	28/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	7	22.04
2613	CHU QUANG TÙNG	13/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	22.03
2614	NGUYỄN TIẾN THÀNH	22/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	3	22.01
2615	THÂN QUANG DUY	10/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	6	22.01
2616	ĐÀO ANH TUẤN	08/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	1	22
2617	TRỊNH HOÀNG HẢI LUÂN	12/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	4	22
2618	ĐƯƠNG HOÀNG HẢI	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	4	22
2619	VŨ QUANG DŨNG	10/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	5	21.99

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2620	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	1	21.95
2621	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	6	21.92
2622	NGUYỄN HỮU MẠNH	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	3	21.91
2623	NGUYỄN ANH DƯƠNG	19/04/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	13	21.88
2624	VŨ MẠNH TƯỜNG	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	2	21.87
2625	NGÔ QUANG MINH	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	7	21.87
2626	TRẦN BẢO KHÁNH	27/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	21.87
2627	CAO THANH MINH	08/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	6	21.84
2628	NGUYỄN HOÀNG HẢI	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D07	2	21.83
2629	PHẠM VŨ HOÀNG TÂN	12/02/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	3	21.83
2630	NGUYỄN THẾ HIỂN	15/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	4	21.81
2631	PHẠM TRUNG CHIẾNG	30/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	2	21.8
2632	PHẠM MINH TUẤN	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	4	21.79
2633	KHƯƠNG ĐẠI LÂM	30/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	1	21.79
2634	LÊ MẠNH THẮNG	22/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	8	21.77
2635	NGUYỄN VĂN NAM	17/11/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	21.75
2636	HOÀNG VĂN HƯNG	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	6	21.75
2637	LÊ TRẦN GIA BẢO	31/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C01	4	21.75
2638	NGUYỄN XUÂN KHOA	24/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	6	21.73
2639	ĐỖ DƯƠNG TUẤN VŨ	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	8	21.73
2640	HOÀNG TIẾN HƯNG	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	5	21.69
2641	BÙI TUẤN ANH	22/01/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	D01	3	21.68
2642	TRƯƠNG THỊ THU HUYỀN	02/01/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	5	21.67
2643	NGUYỄN BẢO QUỐC	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	2	21.65
2644	TẠ TRƯỜNG GIANG	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	4	21.65
2645	ĐẶNG HOÀNG ANH	02/07/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	A00	6	21.6
2646	ĐINH THỊ HOÀ	27/04/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	7	21.59
2647	PHẠM XUÂN TÙNG	11/03/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	1	21.59
2648	TRẦN ĐẠI PHÚ	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A00	10	21.57
2649	ĐÀO NGUYỄN TUẤN MINH	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C01	4	21.53

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2650	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	19/08/2008	Nữ	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	C02	5	21.53
2651	ĐỒNG TUẤN ĐẠT	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Học bạ	A01	3	21.53
2652	TRỊNH LƯƠNG TUẤN HƯNG	10/10/2008	Nam	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi THPT	C02	9	21.5
2653	VÀNG DUY KHÁNH	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	6	24.53
2654	NÔNG VĂN HUY	14/03/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	5	23.64
2655	NGUYỄN TRUNG HIẾU	31/05/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	9	23.59
2656	NGUYỄN ĐỨC ANH	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	6	23.16
2657	BÙI TRUNG KIÊN	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	A00	5	23.09
2658	DƯƠNG QUỐC HUY	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	3	23
2659	PHẠM VĂN CHÍ	29/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	4	22.81
2660	VŨ HỒNG QUÂN	07/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	3	22.77
2661	ĐOÀN KHÁNH LINH	11/08/2008	Nữ	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	6	22.65
2662	NGUYỄN HOÀNG LONG	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	12	22.65
2663	NGUYỄN ĐỨC NAM	21/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	12	22.65
2664	PHẠM SỸ TRƯỜNG	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	2	22.6
2665	DƯƠNG MINH NAM	12/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	5	22.5
2666	LÊ ĐẠNG DŨNG	20/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	6	22.48
2667	ĐOÀN QUANG NGUYỄN	19/01/2007	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	9	22.33
2668	GIÁP MINH TRIẾT	16/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	8	22.25
2669	BẾ QUANG THÁI	09/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	V-SAT	C01	5	22.22
2670	HÀ VĂN QUYẾT	27/11/2005	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	4	22.08
2671	PHÙNG VĂN SƠN	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	2	22
2672	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	06/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	3	21.97
2673	TRẦN NGỌC SƠN	11/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	3	21.88
2674	ĐÀO QUANG DŨNG	12/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	4	21.88
2675	VŨ THÀNH LÂM	04/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	4	21.87
2676	ĐINH CÔNG THÀNH	04/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	A00	8	21.75
2677	MAI HẢI ANH	07/12/2007	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	A00	14	21.75
2678	TRIỆU TUẤN ANH	23/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	6	21.5
2679	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	3	21.5

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2680	PHẠM MINH KHANG	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	4	21.41
2681	TẠ HOÀNG HIỆP	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	8	21.41
2682	HOÀNG VĂN ĐỘ	03/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	6	21.37
2683	PHÙNG TUẤN THÀNH	27/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	8	21.33
2684	NGUYỄN THANH TÙNG	30/05/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	5	21.31
2685	VŨ MẠNH KIÊN	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	4	21.31
2686	NGUYỄN VĂN HÙNG	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	8	21.28
2687	ĐỖ THÀNH LONG	04/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	D01	1	21.25
2688	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	14/03/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	7	21.25
2689	TRỊNH TRẦN QUỐC TUẤN	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	6	21.25
2690	NGUYỄN LÊ HOÀNG	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	A01	7	21.25
2691	TRẦN VĂN HÙNG	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	1	21.13
2692	LÊ QUANG HUY	06/03/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	7	21.09
2693	ĐỖ DANH HIỆP	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	3	21.09
2694	NGUYỄN THỊ HUỆ	18/12/2007	Nữ	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	15	21.05
2695	ĐỖ TRUNG HIẾU	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	7	20.96
2696	PHẠM TRUNG TRƯỜNG	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	5	20.96
2697	ĐẶNG HOÀNG ANH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	5	20.96
2698	TẠ TIẾN HUY	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	6	20.93
2699	NGUYỄN THÀNH NAM	16/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	2	20.93
2700	NGUYỄN QUỐC VIỆT	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	6	20.91
2701	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	1	20.87
2702	TRẦN ĐỨC MINH	17/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	7	20.87
2703	ĐUỖNG NGỌC NGHĨA	12/02/2007	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	9	20.8
2704	ĐẶNG DUY MINH	03/03/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	8	20.77
2705	NGUYỄN HOÀNG MINH	26/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	5	20.75
2706	NGUYỄN MẠNH QUÂN	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	7	20.75
2707	LÊ ĐỨC DUY	17/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	9	20.75
2708	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	20/04/2008	Nữ	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	2	20.73
2709	ĐỖ MINH KHÁNH	24/09/2008	Nữ	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	7	20.63

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2710	NGUYỄN TÂN THÁI SƠN	29/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	11	20.63
2711	XIÊM HOÀNG HẢI	05/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	9	20.57
2712	NGÔ MẠNH TUẤN	25/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	7	20.57
2713	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C01	2	20.57
2714	HOÀNG TRUNG KIẾN	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A01	7	20.53
2715	ĐỖ DUY KHÁNH	17/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	4	20.53
2716	TRẦN TIẾN THỊNH	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	9	20.52
2717	TRẦN HOÀNG VIỆT ANH	24/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	4	20.5
2718	DƯƠNG HOÀI NAM	01/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	11	20.49
2719	ĐẶNG MINH NGHĨA	12/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	5	20.49
2720	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A01	2	20.49
2721	NGUYỄN HUY HOÀNG	11/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	9	20.48
2722	HOÀNG NGUYỄN HÂN	22/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	2	20.47
2723	PHẠM MINH HIẾU	07/04/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	7	20.44
2724	TRẦN CÔNG TRÍ	23/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	C02	1	20.36
2725	ĐẶNG AN BÌNH	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	8	20.36
2726	NGUYỄN CÔNG BÁCH	08/02/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	9	20.35
2727	NGUYỄN NGỌC NAM BÌNH	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C01	10	20.25
2728	NGUYỄN VIỆT HUY	01/05/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A01	3	20.23
2729	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D01	10	20.17
2730	NGUYỄN QUANG DUY	19/07/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	15	20.15
2731	ĐÀO VĂN THỊNH	29/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	C02	4	20.1
2732	PHẠM THÀNH LONG	28/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	12	20.04
2733	CÙ XUÂN NAM	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	A00	5	20.04
2734	NGUYỄN MINH NAM	17/10/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Học bạ	D07	11	20.01
2735	ĐÀO NHẬT QUANG	23/01/2008	Nam	Kỹ thuật Robot	Điểm thi THPT	D01	11	20
2736	NGUYỄN THẾ HƯỞNG	13/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	27.82
2737	TÔ HỒ DUY ĐỨC	29/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	27.73
2738	VŨ VĂN AN	14/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	1	27.28
2739	LÊ HÀ VŨ	06/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	27.22

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2740	NGUYỄN HOÀNG THÁI	18/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	27.03
2741	HOÀNG MINH ĐỨC	16/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	26.87
2742	PHÍ NGỌC MINH	07/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	11	26.8
2743	NGUYỄN MẠNH TUẤN	03/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	1	26.59
2744	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	26/04/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	26.49
2745	TRẦN XUÂN THỊNH	29/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	26.41
2746	LÂM THÀNH CHUNG	07/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	26.38
2747	PHẠM VIỆT DUY	15/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	26.07
2748	ĐINH KIM DŨNG	20/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	26.01
2749	NGÔ VIỆT ANH	20/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	25.92
2750	PHẠM QUỐC HÙNG	18/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	25.78
2751	NGUYỄN THÀNH AN	01/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	25.68
2752	NGUYỄN THANH NGHĨA	05/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	9	25.65
2753	ĐOÀN ĐẮC MINH TIẾN	08/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	25.59
2754	BÀN DUY NGHĨA	13/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	25.53
2755	NGUYỄN NHẬT ANH	20/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	7	25.47
2756	LÊ VIỆT ANH	16/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	25.44
2757	NGUYỄN VĂN THÀNH	05/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	25.44
2758	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	15/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	6	25.36
2759	LÊ PHÚ QUANG	19/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	25.33
2760	VÕ CÔNG ĐỒ	30/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	25.29
2761	HOÀNG HẢI NAM	03/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	25.24
2762	ĐỖ PHÚ BÌNH	09/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	25.21
2763	VŨ THÀNH TUYẾN	26/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	25.17
2764	HOÀNG ĐỨC LÂM	08/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	25.11
2765	LÊ MẠNH TOÀN	14/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	4	24.96
2766	NGUYỄN TRỌNG QUÝ TRỌNG	20/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	24.92
2767	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	25/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	24.88
2768	LÂM TIẾN ĐẠT	13/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	24.85
2769	ĐỒNG TRUNG HIẾU	21/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	24.83

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2770	NGUYỄN ANH THƯƠNG	15/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	24.79
2771	LÊ ANH VŨ	22/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	2	24.72
2772	HOÀNG ANH TUẤN	25/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	24.65
2773	NGUYỄN KHẮC TRỌNG	24/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	24.61
2774	NGUYỄN THIÊN TUẤN MINH	11/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	24.52
2775	PHAN THÀNH NGỌC	11/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	24.52
2776	HOÀNG VIỆT ĐỨC	28/10/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	7	24.36
2777	NÔNG YÊN NHI	16/01/2008	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	24.33
2778	LÊO ANH TÚ	02/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	24.33
2779	PHÙNG VĂN DƯƠNG	06/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	24.27
2780	TRẦN TUẤN MẠNH	06/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	2	24.16
2781	ĐỖ TUYẾT LINH	16/06/2008	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	24.09
2782	DƯƠNG TUẤN KHIÊM	02/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	2	23.96
2783	NGUYỄN QUANG MINH	22/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	3	23.95
2784	MÃN VĂN HẬU	24/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23.95
2785	LÊ NGUYỄN GIANG HUY	02/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.93
2786	NGUYỄN VĂN ĐỨC	08/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.89
2787	CAO THẠCH QUÂN	01/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.83
2788	HOÀNG MẠNH ĐỨC	23/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.77
2789	NGUYỄN XUÂN HẢO	17/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	10	23.77
2790	TRỊNH XUÂN QUYỀN	14/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	23.75
2791	LƯƠNG ĐÌNH MẠNH ĐỨC	07/05/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23.73
2792	TRẦN VŨ PHONG	16/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	23.72
2793	HÀ PHƯƠNG BẢO PHONG	02/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	6	23.72
2794	NGUYỄN HỮU NGHĨA HƯNG	27/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	7	23.7
2795	LÊ THANH TÙNG	18/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	1	23.69
2796	BÙI VĂN ĐẠT	17/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.68
2797	BÙI DUY KHÁNH	23/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	23.68
2798	NGUYỄN HUY HOÀNG	03/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	23.67
2799	NGUYỄN MẠNH QUÂN	27/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.65

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2800	PHẠM VĂN LÂM	01/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	1	23.65
2801	LÝ GIA HUY	14/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.61
2802	TRẦN VINH PHÁT	08/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	23.6
2803	NGUYỄN TÔNG NGUYỄN	08/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	4	23.59
2804	TẠ ĐỨC MINH	17/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	6	23.57
2805	HOÀNG MINH SƠN	26/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	7	23.57
2806	HOÀNG MINH KHÔI	07/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.56
2807	ĐỖ HUY HOÀNG	09/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	23.53
2808	PHẠM HỮU THÀNH	01/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.52
2809	TRẦN NGỌC DIỆP	10/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	1	23.51
2810	ĐOÀN TUẤN MINH	14/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	D01	2	23.5
2811	BÙI TUẤN AN	03/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.49
2812	TRẦN VĂN MINH	27/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	2	23.48
2813	NGÔ HUY CHÍNH	25/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	8	23.48
2814	NGUYỄN TẤN PHÁT	17/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	9	23.47
2815	HÀ ĐỨC ANH	16/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	23.47
2816	PHÙNG ĐỨC DUY	04/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	1	23.47
2817	VY ANH QUÂN	26/08/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	2	23.47
2818	NGUYỄN QUỐC HUY	20/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	8	23.45
2819	NGUYỄN MẠNH HÙNG	07/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23.41
2820	BÙI CÁT TẠO	22/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.37
2821	DƯƠNG MINH ĐỨC	23/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	10	23.33
2822	VŨ TÙY PHONG	12/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	23.33
2823	VƯƠNG XUÂN TRUNG HIỆU	23/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.28
2824	TRẦN HOÀNG HẢI	03/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	2	23.28
2825	THÂN MẠU HẢI	19/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	3	23.24
2826	NGUYỄN XUÂN MẠNH	08/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	23.24
2827	BÙI MẠNH DŨNG	19/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	1	23.23
2828	TRẦN TUẤN ANH	29/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	2	23.23
2829	DƯƠNG CẢNH HÙNG	12/06/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	4	23.21

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2830	ĐINH TUẤN KHẢI	01/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	3	23.2
2831	NGUYỄN VĂN KHÁNH	19/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	6	23.2
2832	TRẦN NGỌC VIỆT	27/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	10	23.19
2833	NGUYỄN HOÀNG ANH	25/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	8	23.19
2834	NGUYỄN VĂN SƠN	22/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	2	23.19
2835	HOÀNG MINH KHÔI	03/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.19
2836	VŨ MINH TUẤN	14/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23.19
2837	VƯƠNG XUÂN TIẾN	20/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	5	23.16
2838	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	08/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	23.16
2839	LÃ VĂN AN HUY	25/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	23.15
2840	DƯƠNG NGỌC NGUYỄN	21/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	V-SAT	A00	2	23.13
2841	NGUYỄN NHẬT LONG	15/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	11	23.13
2842	LÊ ĐỨC ANH	25/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	23.12
2843	LÊ KHẮC DUY	09/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	3	23.12
2844	VŨ DUY HOÀNG ANH	02/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	11	23.12
2845	PHẠM NGỌC KHÁNH	25/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	23.08
2846	NGUYỄN HỮU MINH	30/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.07
2847	TRẦN TIẾN VINH	17/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	2	23.07
2848	HOÀNG TRỌNG BÌNH	20/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	23.07
2849	PHÙNG QUANG ANH	07/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	10	23.03
2850	HOÀNG DUY CẦU	25/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	23
2851	NGUYỄN VIỆT TUẤN	09/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	6	23
2852	NGUYỄN VĂN MẠNH	04/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	3	23
2853	BÙI HOÀNG TUẤN HƯNG	09/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	4	23
2854	KIM TIẾN LÂM	05/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	5	23
2855	PHẠM TRƯỜNG GIANG	11/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	9	22.99
2856	ĐINH VĂN QUYỀN	11/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.99
2857	NGUYỄN TUẤN LÂM	18/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	22.99
2858	KIM HẢI NAM	19/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	3	22.99
2859	ĐỖ PHÚ NGHĨA	19/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A01	4	22.99

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2860	NGUYỄN VĂN THÁI	13/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	11	22.99
2861	LÝ XUÂN TÙNG	18/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	22.99
2862	PHẠM TRẦN GIA HUY	24/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.97
2863	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	30/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	22.97
2864	NGUYỄN VIỆT DŨNG	09/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	7	22.97
2865	NGUYỄN VĂN ĐẠT	19/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	5	22.96
2866	TRỊNH ĐỨC NHÂN	13/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	5	22.95
2867	VŨ HOÀNG ANH TUẤN	11/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	22.95
2868	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	18/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	22.93
2869	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	23/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	1	22.93
2870	HOÀNG HỮU GIANG	05/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C02	6	22.92
2871	VŨ HOÀNG VIỆT	28/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	22.92
2872	DƯƠNG NHƯ HẠNH	17/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.92
2873	ĐỖ HOÀNG PHÚC	18/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	7	22.91
2874	NGUYỄN VĂN LÂM	24/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.91
2875	TẶNG MẠNH DUY	19/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	2	22.91
2876	DƯƠNG HOÀNG LONG	11/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	6	22.89
2877	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	24/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	22.88
2878	MAI NGỌC KHÁNH	11/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.87
2879	NGHI QUANG KHẢI	23/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	8	22.87
2880	PHẠM TIẾN ĐẠT	14/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.87
2881	HOÀNG DUY TÙNG	30/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	3	22.85
2882	TÔNG VŨ HÙNG	29/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	7	22.85
2883	NGUYỄN TÙNG LÂM	16/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	V-SAT	C01	6	22.81
2884	TRỊNH TRUNG HIẾU	26/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	22.8
2885	PHẠM QUANG MINH	19/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	22.8
2886	LONG HẢI KIẾN	14/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	22.8
2887	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	10/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	3	22.79
2888	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	13/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	9	22.79
2889	HOÀNG NGUYỄN THÁI DƯƠNG	20/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.77

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2890	VŨ THỊ LY	03/09/2007	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	22.75
2891	PHẠM HOÀNG QUỐC HƯNG	15/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A01	5	22.75
2892	NGHIÊM VĂN HÒA	25/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	22.75
2893	NGÔ MINH QUÂN	15/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	5	22.75
2894	NGÔ VIỆT HƯNG	24/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	8	22.75
2895	PHẠM XUÂN THỦY	31/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	6	22.75
2896	NGUYỄN HUY HÙNG	08/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	2	22.75
2897	PHẠM HOÀNG HẢI	30/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	22.75
2898	NGUYỄN BÙI QUANG MINH	09/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	9	22.75
2899	NGUYỄN QUANG DŨNG	21/12/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	3	22.75
2900	NGÔ GIA BẢO	02/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	5	22.75
2901	NGUYỄN ĐĂNG KIẾN	07/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	3	22.75
2902	NGUYỄN HỮU THẾ SƠN	21/03/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	5	22.75
2903	ĐINH PHÚ THỊNH	07/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	9	22.73
2904	PHẠM NGỌC LONG HẢI	18/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.73
2905	NGUYỄN THỊ NGÀN	25/10/2008	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.71
2906	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	15/06/2008	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	5	22.71
2907	TRẦN ĐỨC TRÍ	06/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.71
2908	NGUYỄN GIA KHÁNH	02/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	22.69
2909	LÊ HOÀNG PHI	26/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	1	22.69
2910	NGUYỄN TẤN DŨNG	05/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	11	22.69
2911	TẠ KHÁNH DUY	25/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	3	22.69
2912	BÙI NAM ANH	23/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	2	22.69
2913	NGUYỄN XUÂN PHONG HẢI	21/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	22.67
2914	SÁI NGỌC LỰC	28/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	3	22.67
2915	NGUYỄN MINH ĐỨC	14/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	10	22.67
2916	TRẦN QUANG MINH	23/09/2007	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	12	22.65
2917	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.64
2918	HOÀNG MAI HƯƠNG	18/08/2007	Nữ	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	2	22.61
2919	HOÀNG MINH QUỐC	11/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	8	22.61

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2920	ĐOÀN VĂN NÚI	11/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D07	4	22.61
2921	NGUYỄN HOÀNG HẢI	13/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	7	22.6
2922	TỔNG MẠNH DŨNG	24/07/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	10	22.6
2923	ĐỖ DUY CHUYỀN	10/06/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.6
2924	NGUYỄN HỮU TÙNG	21/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.6
2925	NGUYỄN PHÚ LỘC	01/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	4	22.6
2926	TRƯƠNG TIẾN ĐỨC	20/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	22.6
2927	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	11/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	1	22.6
2928	NGUYỄN THẾ ANH	25/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.6
2929	HÀ VĂN DUY	26/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	2	22.6
2930	HOÀNG HẢI NAM	01/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	22.6
2931	LƯU VIỆT ANH	19/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	D01	1	22.59
2932	THÂN ĐỨC DUY	18/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	2	22.59
2933	NGUYỄN XUÂN NHẬT	04/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.59
2934	ĐỖ MINH LƯỢNG	17/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.59
2935	HOÀNG THÁI SƠN	02/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	12	22.57
2936	NGUYỄN HOÀNG LONG	18/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	2	22.57
2937	NGÔ GIA BẢO	12/09/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	5	22.57
2938	HOÀNG MINH HIẾU	24/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A01	1	22.57
2939	PHẠM HÙNG NAM	01/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	5	22.56
2940	NGUYỄN BẢO NAM	11/11/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	6	22.55
2941	NGUYỄN THANH HẢI	27/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	4	22.55
2942	TRIỆU ĐÌNH VŨ	02/12/2006	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	C01	1	22.55
2943	ĐỖ VĂN BÁCH	14/02/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	3	22.53
2944	TRẦN VĂN HOÀN	19/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.53
2945	PHẠM NGỌC DUY	11/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Học bạ	A00	4	22.51
2946	ĐÀM ĐỨC THAO	02/05/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	7	22.5
2947	PHAN NGUYỄN MẠNH TÂN	03/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	2	22.5
2948	NGUYỄN MINH TUẤN	24/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	D01	12	22.5
2949	LÊ QUANG MINH	05/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	5	22.5

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2950	NGUYỄN DUY ĐỨC	09/12/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	1	22.5
2951	PHẠM CÔNG ĐỨC	05/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	22.5
2952	NÔNG QUỐC TUẤN	19/10/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	4	22.5
2953	DƯƠNG MINH HIẾU	08/08/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C01	3	22.5
2954	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	09/01/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	4	22.5
2955	TẠ VĂN TÙNG	20/03/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	A00	13	22.5
2956	NGUYỄN ANH TÚ	11/04/2008	Nam	Cơ khí chế tạo máy	Điểm thi THPT	C02	9	22.5
2957	ĐOÀN TUẤN ANH	21/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	1	26.84
2958	NGUYỄN VŨ DUY	20/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	1	26.58
2959	NGUYỄN ANH KHÔI	19/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	26.52
2960	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	11/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	3	26.13
2961	CAO THANH NHẬT	01/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	25.92
2962	NGUYỄN MINH DUY	31/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	1	25.88
2963	LA QUANG HIỆP	14/05/2007	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	25.05
2964	CAO BẢO LONG	11/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D07	1	24.87
2965	VŨ MẠNH CƯỜNG	13/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D07	2	24.87
2966	DƯƠNG MINH ĐÔNG	21/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	24.61
2967	NGUYỄN MINH VŨ	31/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	1	24.47
2968	VŨ MINH TÚ	22/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	1	24.07
2969	NGUYỄN CƯỜNG TIẾN VƯƠNG	20/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	2	23.97
2970	NÔNG THỊ KHÁNH ÂN	15/05/2008	Nữ	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	3	23.95
2971	NGUYỄN VĂN CÔNG	23/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	1	23.93
2972	NGUYỄN PHÚC GIA HUY	30/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	3	23.85
2973	DƯƠNG VĂN QUANG	20/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	23.75
2974	NGUYỄN QUÝ ANH SÁNG	29/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	7	23.71
2975	PHẠM QUỐC TIẾN	18/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	3	23.7
2976	NGUYỄN VIỆT ANH	10/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	2	23.69
2977	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	23/09/2008	Nữ	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	3	23.69
2978	NÔNG TRƯỜNG ANH	21/01/2007	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	5	23.64
2979	NGUYỄN VĂN HOÀNG	28/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	2	23.6

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
2980	NGÔ ANH TUÂN	31/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	3	23.57
2981	LÊ MINH THUẬN	06/11/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	1	23.56
2982	PHAN ĐỖ THANH HOA	24/09/2007	Nữ	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	5	23.48
2983	NGUYỄN THÀNH TÂM	29/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	23.48
2984	PHẠM TRƯỜNG GIANG	15/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	4	23.47
2985	NGUYỄN SỸ TÚ ANH	23/05/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	1	23.47
2986	NGUYỄN NHẬT MINH	02/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	12	23.43
2987	TRỊNH MINH QUÂN	16/08/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	2	23.37
2988	MA THỊ PHƯƠNG TRINH	24/02/2008	Nữ	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	1	23.29
2989	LÊ HỒNG QUÂN	27/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	23.28
2990	NGUYỄN HỮU GIA BẢO	16/08/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	4	23.28
2991	NGUYỄN VĂN KIÊN	04/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	4	23.24
2992	TẠ ĐÌNH HÒA	05/10/2007	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	A00	3	23.23
2993	NGUYỄN TUÂN ANH	25/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	2	23.2
2994	NGUYỄN KHÁNH DUY	29/06/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	5	23.19
2995	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	18/05/2008	Nữ	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	4	23.15
2996	PHAN ĐÌNH ĐẠT	23/06/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	1	23.03
2997	LÒ MINH HIỆP	21/11/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	2	23.01
2998	TÔN VĂN NAM	15/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	A00	3	23
2999	MA HÙNG QUÂN	12/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	22.97
3000	MÃN BÁ GIANG	13/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	5	22.96
3001	NGUYỄN HÀ ANH TÍNH	20/03/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	11	22.93
3002	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	14/08/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D07	1	22.79
3003	NGUYỄN VĂN BẮC	18/08/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	4	22.77
3004	ĐÀO BÁ VIỆT	30/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	12	22.75
3005	DƯƠNG NGHĨA MẠNH CƯỜNG	03/03/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	4	22.75
3006	NGUYỄN NGUYỄN ĐỨC	24/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	A00	6	22.75
3007	LƯƠNG MINH NGUYỄN	17/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	9	22.75
3008	BÙI ĐOÀN NAM QUỐC	16/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D07	3	22.65
3009	NGUYỄN TRUNG KIÊN	04/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	5	22.64

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3010	PHÙNG VĂN NAM KHÁNH	13/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	10	22.61
3011	HOÀNG VĂN AN	05/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	5	22.6
3012	NÔNG NGỌC HÀO	21/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D07	1	22.57
3013	HOÀNG ĐỨC ANH	26/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	22.55
3014	NGUYỄN THÁI BẢO	26/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	22.55
3015	ĐÀO VĂN KHOA	20/05/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	1	22.5
3016	LÊ NGUYỄN NGUYỄN HẢI	06/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	A00	8	22.5
3017	CAO VĂN PHONG	27/06/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	11	22.47
3018	VŨ ĐỨC MẠNH	23/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	22.47
3019	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	13/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	7	22.41
3020	TRỊNH DƯƠNG TRÍ	30/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	5	22.37
3021	LÊ ĐÌNH ĐỨC	31/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	22.37
3022	NGHIÊM ANH TÀI	08/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	22.36
3023	NGUYỄN NAM HUY	16/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	7	22.35
3024	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	24/11/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	3	22.33
3025	LÊ ĐỖ TUẤN ĐẠT	04/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	4	22.31
3026	PHẠM QUỐC HUY	17/08/2007	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	5	22.31
3027	BÙI VIỆT AN	28/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	6	22.29
3028	VŨ TUẤN TÚ	18/07/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C02	2	22.25
3029	NGÔ XUÂN ĐẠT	31/05/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	2	22.25
3030	NGUYỄN HOÀNG AN	25/06/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A01	2	22.25
3031	TRƯƠNG ĐAN HUY	13/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	4	22.25
3032	PHẠM TIỀN HUÂN	19/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	5	22.24
3033	PHẠM LÊ TRỌNG MINH	17/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	2	22.24
3034	BÀN TIẾN MẠNH	02/10/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	3	22.17
3035	LÒ VĂN TÚ	21/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	4	22.17
3036	PHẠM HUY TUẤN	01/10/2007	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	4	22.12
3037	LƯU QUANG NGUYỄN	10/11/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C02	1	22.08
3038	BÙI HUY HIẾU	23/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	22.07
3039	NGUYỄN DUY KHÁNH	04/08/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	1	22.04

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3040	NGUYỄN THANH HIỆP	08/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	C01	3	22.03
3041	TRẦN VIỆT HOÀNG ANH	04/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	D01	10	22
3042	LÊ NHO THANH	25/02/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Học bạ	A00	14	22
3043	TRẦN HƯƠNG NGHIỆP	04/12/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C02	3	22
3044	NGUYỄN TIẾN BÁCH	14/04/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C02	3	22
3045	TẠ ĐỨC HÙNG	18/01/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	10	22
3046	ĐỖ VIỆT LONG	28/09/2008	Nam	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	Điểm thi THPT	C01	7	22
3047	ĐÀO ĐỨC ANH MINH	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	27.01
3048	ĐINH LÊ ANH VŨ	17/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	26.22
3049	ĐỖ THỊ KIỀU ANH	18/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	26.19
3050	TRẦN PHI HÙNG	28/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	26.07
3051	VI THỊ HỒNG DIỄM	04/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	26.05
3052	HOÀNG TUẤN MINH	15/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	26.04
3053	HOÀNG MINH THÔNG	08/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	25.99
3054	ĐINH BẢO TÚ	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	1	25.88
3055	NGUYỄN TUẤN HÙNG	17/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	25.63
3056	NGUYỄN MẠNH TRÍ	02/08/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	25.59
3057	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	25.59
3058	ĐINH SỸ LONG	02/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	5	25.54
3059	LƯU ĐỨC CƯỜNG	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	5	25.53
3060	PHẠM VĂN QUYỀN	04/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	4	25.44
3061	ĐỖ VĂN CHUÔNG	24/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	25.2
3062	HÀ HOÀI BĂNG	27/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	D07	1	25.09
3063	LƯƠNG HOÀNG THIÊN	18/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	5	24.96
3064	PHẠM TRUNG HIẾU	29/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.83
3065	NGUYỄN QUỐC KHANH	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.8
3066	PHẠM THỊ YẾN NHI	10/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	1	24.79
3067	TƯỜNG QUỐC HUY	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	4	24.79
3068	LÀ VĂN TUẤN	26/01/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.75
3069	HÀ ĐỨC BIÊN	15/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	2	24.56

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3070	LỤC THỊ THÙY	17/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	1	24.56
3071	DƯƠNG HỒNG THÁI	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	1	24.52
3072	ĐINH VIỆT ANH	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.51
3073	ĐINH HUY MẠNH	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	2	24.44
3074	VÀNG CHUNG THÀNH	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	24.43
3075	DƯƠNG HOÀNG ĐỨC	07/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.41
3076	LÊ ĐỨC HUÂN	28/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D07	1	24.31
3077	ĐÀO NGUYỄN MINH VƯƠNG	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	1	24.28
3078	LẠI BÁ THẾ ANH	05/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.15
3079	NGÔ MẠNH HÙNG	05/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	9	24.09
3080	LÒ NHẬT DU	21/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	1	24.09
3081	NGUYỄN PHÚC LỘC	05/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	2	24.04
3082	CHU CÔNG HÀ	05/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	2	24.04
3083	TRIỆU TIẾN BẮC	24/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	24.04
3084	MA KIẾN THẮNG	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	2	24.04
3085	NGUYỄN HOÀNG HẢI	12/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	24.03
3086	ĐINH CÔNG MẠNH	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	23.97
3087	NGUYỄN VŨ QUANG MINH	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	4	23.95
3088	VŨ HOÀNG MINH	19/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	4	23.73
3089	ĐỖ DUY KHÁNH	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	4	23.72
3090	NGUYỄN TIẾN DŨNG	06/10/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	23.71
3091	CHU QUANG THIÊN	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	5	23.71
3092	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	24/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	5	23.7
3093	NGUYỄN HỮU BẢO	11/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	23.69
3094	LÊ ĐỨC HÙNG	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	1	23.68
3095	ĐẶNG QUANG HUY	09/02/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D07	4	23.63
3096	NGUYỄN SỸ ĐOÀN	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	4	23.61
3097	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	16/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	23.59
3098	HOÀNG HẢI DƯƠNG	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	23.59
3099	TRẦN HÀ THÁI BÌNH	07/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	23.56

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3100	TRẦN HỒNG PHONG	29/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	4	23.55
3101	NGUYỄN MẠNH TIẾN	28/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	2	23.52
3102	TRẦN VĂN ANH	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	11	23.52
3103	HOÀNG ĐỨC MINH	09/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	6	23.52
3104	NGUYỄN UY LỰC	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	5	23.5
3105	HOÀNG VĂN VĨ	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	3	23.47
3106	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	2	23.47
3107	NGUYỄN HOÀNG ANH	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	11	23.43
3108	NGUYỄN QUANG ANH	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D07	6	23.41
3109	NGUYỄN THỊ THUY LINH	16/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	3	23.4
3110	PHẠM NGỌC SƠN	05/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	8	23.37
3111	PHẠM VĂN DUY	12/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	23.37
3112	NGUYỄN MINH QUÂN	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	3	23.33
3113	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	22/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	23.33
3114	NGUYỄN HẢI ANH	06/02/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	3	23.33
3115	HOÀNG MINH HIẾU	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	1	23.29
3116	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	27/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	2	23.28
3117	LÊ HỮU NGUYỄN	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	7	23.28
3118	KHƯƠNG TUẤN DƯƠNG	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	A00	3	23.25
3119	VŨ TÙNG DƯƠNG	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	8	23.24
3120	TRẦN AN DƯƠNG	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	14	23.24
3121	DƯƠNG NHƯ DUY	17/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	3	23.23
3122	TRIỆU TUẤN TÚ	03/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	14	23.23
3123	ĐOÀN XUÂN ĐỨC	22/04/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	A00	9	23.23
3124	ĐỖ HOÀNG LONG	23/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	12	23.23
3125	HOÀNG GIANG	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	7	23.21
3126	NGUYỄN THANH LÂM	19/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	7	23.2
3127	PHẠM TIẾN MINH	12/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	3	23.2
3128	ĐẶNG HỒNG KIẾN	27/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	23.19
3129	NGUYỄN TIẾN THỦY	16/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	2	23.17

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3130	HOÀNG XUÂN TRƯỜNG	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	5	23.16
3131	ĐINH HOÀNG QUANG TOÀN	14/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	23.16
3132	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	14/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	23.15
3133	NGÔ NHẬT HÀO	09/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	23.13
3134	ĐINH ĐỖ ĐỨC ANH	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	1	23.12
3135	NGUYỄN ĐỨC NAM	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	23.11
3136	TRẦN HOÀNG PHƯỚC	05/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	9	23.09
3137	TRẦN VĂN HÂN	08/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	1	23.08
3138	PHAN BẢO ANH	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	4	23.08
3139	TRẦN QUANG VINH	29/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	7	23.08
3140	TRẦN THIÊN PHÚ	15/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	23.07
3141	NGUYỄN NGỌC TRIỆU	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	11	23.07
3142	ĐÀO THỂ NAM	25/12/2006	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	4	23.05
3143	LÊ NGỌC DŨNG	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	23.03
3144	HOÀNG ANH DŨNG	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	2	23
3145	VI VĂN MINH	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	3	23
3146	HỒ ĐỨC VIỆT	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D07	2	22.99
3147	ĐỖ TUẤN KIẾT	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	4	22.99
3148	HÀ TUẤN ANH	20/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	22.99
3149	NGUYỄN TIẾN QUÂN	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	22.99
3150	LÊ VĂN TRƯỜNG	17/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	7	22.99
3151	TRẦN DUY MẠNH	18/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	3	22.99
3152	NGUYỄN VĂN PHÚC	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	22.99
3153	ĐOÀN VĂN THÂN	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	4	22.99
3154	ĐỒNG VĂN LƯỢNG	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	1	22.97
3155	ĐÀO VĂN MINH	14/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	5	22.95
3156	LƯU BẢO THANH	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	6	22.93
3157	TRẦN GIA BẢO	14/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	3	22.93
3158	ĐÀM HẢI ĐĂNG	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	1	22.93
3159	NGUYỄN NGỌC MINH	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	5	22.91

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3160	LƯỜNG VĂN HUY	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	2	22.88
3161	ĐÀO THỊ LÂM	06/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	1	22.87
3162	VŨ TIẾN HUY	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	A00	8	22.85
3163	NGHIÊM MINH TUẤN	05/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	8	22.85
3164	QUÁCH THỊ THU HẰNG	14/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	6	22.84
3165	TRẦN MINH CẢNH	27/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	2	22.83
3166	ĐÀO ĐĂNG XUÂN HIẾN	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C01	3	22.81
3167	ĐÀO NINH ANH	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	22.8
3168	NGUYỄN ANH TUẤN	25/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	1	22.8
3169	HOÀNG QUỲNH DƯƠNG	06/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	22.8
3170	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	28/11/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	1	22.77
3171	HỒ NGỌC XUÂN HÒA	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	3	22.77
3172	LÙ TRUNG HẢI	17/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A01	3	22.76
3173	NGUYỄN VĂN DUY	03/06/2007	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	8	22.75
3174	NGUYỄN ĐÀO NGỌC MINH	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	D01	4	22.75
3175	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	09/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	A00	4	22.75
3176	NGUYỄN TRỌNG NINH	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C01	5	22.75
3177	LÝ BẢO NAM	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Học bạ	C02	2	22.75
3178	ĐOÀN VIỆT HOÀNG	11/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	1	22.75
3179	TRẦN HẢI NGUYỄN	03/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	2	22.75
3180	PHẠM HẢI ĐĂNG	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	A00	4	22.75
3181	NGUYỄN MINH QUÂN	20/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện	Điểm thi THPT	C02	7	22.75
3182	LÊ THỊ KIỀU CHINH	19/01/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	1	25.14
3183	ĐINH TRẦN HIẾN THẢO	09/09/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D07	1	24.64
3184	HOÀNG VIỆT CƯỜNG	24/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	1	24.31
3185	LƯU PHƯƠNG NHUNG	27/01/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	4	23.93
3186	PHẠM QUANG LÂM	12/02/2007	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	1	23.29
3187	HOÀNG VĂN TRỌNG	01/02/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	6	23.29
3188	NGUYỄN VĂN KHÁNH	05/02/2007	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	3	23.08
3189	LÂM ĐỨC NGHĨA	30/09/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	5	20.83

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3190	LƯƠNG THÚY VY	13/10/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	1	20.8
3191	ÔN HOÀNG MAY	30/05/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	3	20.75
3192	LÂM VIỆT ANH	13/01/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	1	20.68
3193	LÝ VĂN ĐẠT	01/01/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	6	20.23
3194	LÊ ĐỨC MINH	29/12/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	C02	9	20
3195	ĐỖ VĂN NHÂN	01/01/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	4	19.76
3196	HÀ QUỐC ĐỊNH	07/02/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	3	19.63
3197	NGUYỄN VĂN MINH	26/04/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	5	19.51
3198	DƯƠNG HUYỀN THU	19/11/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	3	19.4
3199	LỤC DUY HÙNG	12/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	1	19.39
3200	HOÀNG THỊ THANH BÌNH	12/10/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	1	19.24
3201	NGUYỄN ANH TUẤN	11/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	5	19.2
3202	NGUYỄN XUÂN BÌNH	30/12/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	1	19.2
3203	DƯƠNG QUỐC CƯỜNG	07/05/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C02	2	19.16
3204	NGÔ VIỆT KHÁNH	08/11/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	3	18.97
3205	NGUYỄN MINH VŨ	15/06/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D07	9	18.85
3206	NGUYỄN HOÀNG NAM	26/02/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	C02	5	18.75
3207	ĐỖ VIỆT HOÀN	04/02/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D07	15	18.75
3208	ĐÀM HỮU HOÀNG ĐẠT	25/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	2	18.63
3209	ÔN TIẾN THẠCH	17/08/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	3	18.63
3210	MAI THANH XUÂN	18/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	2	18.61
3211	LÊ NÔNG ANH ĐỨC	10/12/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	10	18.48
3212	NGUYỄN HỮU DUY	23/03/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	7	18.31
3213	DƯƠNG CÔNG TÂN	18/06/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	3	18.27
3214	TRƯƠNG VĂN ĐẠT	07/04/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	4	18.13
3215	NGUYỄN TUẤN TÚ	24/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	C02	1	18
3216	NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/09/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	5	17.68
3217	MA VĂN CÔNG	03/02/2007	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D07	5	17.64
3218	TRẦN GIA PHONG	01/01/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	4	17.59
3219	DƯƠNG VĂN KIẾT	10/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	1	17.44

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3220	LÊ ĐỨC DUY	27/08/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	8	17.37
3221	PHẠM QUANG MINH	02/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	D01	7	17.25
3222	HOÀNG MINH HẢI	11/08/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	C02	5	17.25
3223	NGUYỄN THÀNH VINH	26/08/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	11	17.07
3224	HÀ TRUNG DŨNG	22/09/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	3	17.07
3225	NGÔ TRẦN BẢO ANH	29/04/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	2	17.05
3226	NGUYỄN NHẬT MINH	18/06/2006	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	5	17.04
3227	MẠC VĂN BÁCH	22/09/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	4	17.03
3228	NGUYỄN BẢ VĨ KHẢI	27/11/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	A00	1	16.93
3229	NGUYỄN VIỆT TIẾN	15/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	4	16.87
3230	NGUYỄN VŨ HOÀNG	01/02/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C02	5	16.83
3231	TRẦN MINH TIẾN	14/12/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	10	16.81
3232	TRẦN BÁ PHÚC	01/07/2007	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	4	16.74
3233	NGUYỄN THÀNH LONG	16/05/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	B03	4	16.72
3234	NGUYỄN TIẾN PHÚ	19/07/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C01	11	16.62
3235	TẠ PHÚ THÀNH	06/12/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D07	8	16.58
3236	TÔ HÀ QUỐC BẢO	30/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C02	6	16.56
3237	HOÀNG TRUNG HIẾU	13/08/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Điểm thi THPT	D01	10	16.5
3238	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	20/10/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	V-SAT	C01	11	16.47
3239	NGUYỄN TUẤN HẢI	30/09/2008	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C02	2	16.34
3240	NGUYỄN ANH NHẬT	21/10/2007	Nam	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	D01	10	16.27
3241	BÙI THỊ TRÚC	12/11/2008	Nữ	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	Học bạ	C02	1	16.15
3242	TRẦN VĂN SƠN	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	1	25.83
3243	NGUYỄN THỊ NHƯ ANH	25/02/2007	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	1	25.74
3244	LẠI DUY THƯỜNG	21/02/2007	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	A00	2	24.87
3245	HÀ QUANG ĐẠI	21/01/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	9	24.24
3246	PHẠM THỊ LINH	13/10/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	1	22.77
3247	ĐINH GIA HUY	31/10/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	1	22.4
3248	TRIỆU VĂN TUẤN	22/04/2006	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	4	22.24
3249	NÔNG ĐỨC TÚ	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	1	22.23

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3250	TRẦN THANH TÂM	22/03/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	1	22.17
3251	ĐÀO DUY NHẬT	15/06/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	4	22.05
3252	NGUYỄN BÁ VIỆT	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	5	21.91
3253	NGUYỄN CHÍ VŨ	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D07	3	21.91
3254	PHAN TUẤN NGUYỄN	29/02/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	5	21.77
3255	BÙI THANH VÂN	19/10/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	2	21.57
3256	NGUYỄN HẢI LONG	04/04/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	4	21.39
3257	NGÔ MAI THÙY	10/03/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	3	21.31
3258	NGUYỄN THỦY CHI	05/06/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C01	4	21.25
3259	SẦM THỊ THÙY	29/02/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	2	21.25
3260	NGUYỄN MINH QUÂN	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C02	9	21.25
3261	LÊ ĐẮC TIẾN ANH	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	7	21.05
3262	NGUYỄN MỸ ANH	10/04/2007	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	3	20.49
3263	NGUYỄN ĐỨC ANH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	8	20.49
3264	PHẠM NGỌC LONG	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	4	20.49
3265	NGUYỄN VĂN ĐỨC	06/04/2005	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	3	20.47
3266	ĐÀO DUY TỪ	05/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	6	20.36
3267	NGUYỄN THẾ NAM	31/05/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	5	20.28
3268	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C01	6	20.25
3269	NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	29/11/2007	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	D01	2	20.25
3270	VŨ THẠCH THÀNH LONG	09/06/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	6	20
3271	BÙI ĐOÀN GIA BẢO	24/02/2007	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D07	7	19.96
3272	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	17/09/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	5	19.96
3273	NGUYỄN TUẤN ANH	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	5	19.93
3274	NGÔ VIỆT HOÀNG	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	8	19.91
3275	TRẦN ĐỖ TUẤN ANH	02/04/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	9	19.83
3276	PHẠM ĐỨC LONG	09/12/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	6	19.8
3277	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	2	19.79
3278	TÔ LONG THÀNH	01/07/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C02	3	19.77
3279	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	26/04/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C01	9	19.75

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3280	NGUYỄN ANH TÚ	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C02	10	19.75
3281	NGUYỄN ỨC TRAI	09/12/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C02	3	19.75
3282	PHẠM TUẤN ANH	01/10/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	7	19.73
3283	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	6	19.73
3284	NGUYỄN XUÂN SƠN	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	12	19.61
3285	NGUYỄN MINH DŨNG	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	6	19.51
3286	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	22/02/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	6	19.49
3287	NGUYỄN DUY ANH	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	9	19.43
3288	TRẦN ĐỨC HIẾU	30/09/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A01	6	19.41
3289	TRƯƠNG SỸ HOÀNG ANH	18/10/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D07	5	19.37
3290	NGUYỄN THẾ HƯNG	09/02/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	3	19.33
3291	LÊ MẠNH DŨNG	13/05/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	6	19.32
3292	NGUYỄN THỊ THƯ	08/05/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	3	19.28
3293	DƯƠNG ANH DŨNG	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	D01	5	19.25
3294	LƯỠNG THỊ BÍCH HOÀI	07/02/2008	Nữ	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	1	19.24
3295	NGUYỄN THÀNH LONG	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	A00	6	19.2
3296	NGÔ ĐỨC ANH	24/03/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	C02	3	19.1
3297	TRẦN PHẠM HẢI CHÍNH	16/04/2007	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	13	19.09
3298	CHU QUANG HÀ	23/08/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D07	7	19.01
3299	LIÊU ĐÌNH VŨ	24/06/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi THPT	D01	4	19
3300	ĐOÀN ĐỨC HÀ HUY	21/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	V-SAT	C01	6	18.99
3301	HOÀNG PHẠM HẢI ANH	12/11/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	D01	6	18.92
3302	NGUYỄN ANH DŨNG	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật vật liệu	Học bạ	C01	8	18.91
3303	NGUYỄN QUANG LINH	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	2	28.61
3304	NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	23/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	7	27.29
3305	LƯU THỊ NGÀ	25/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	2	27.1
3306	MẠC THỊ THANH KHUYẾN	16/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	3	26.61
3307	NGUYỄN DUY THIÊN	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	26.58
3308	LA THỊ HỒNG NGỌC	15/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	2	26.51
3309	LÝ ĐỨC ANH	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	9	26.5

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3310	DƯƠNG NGUYỄN QUANG ANH	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	26.26
3311	NGUYỄN VĂN VŨ	09/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	26.23
3312	HOÀNG KIM THẢO	26/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	5	25.84
3313	TẠ NHẬT ANH	30/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	3	25.78
3314	TÔ HÀ NHI	27/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	1	25.65
3315	NGUYỄN CHÍNH NGHĨA	15/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	25.36
3316	BẠCH THẾ ANH	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	V-SAT	A00	4	25.28
3317	DIỆP THỊ MINH THU	21/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	1	25.24
3318	LÝ TRÍ DŨNG	12/07/2007	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	4	25.18
3319	NGUYỄN DUY HẢI ĐĂNG	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	5	25.11
3320	LỤC THU HIỀN	23/01/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	1	25.11
3321	TIÊU HOÀNG HẢI	23/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	9	24.87
3322	NGUYỄN HUYỀN NGỌC	24/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	1	24.63
3323	NGUYỄN ANH TÚ	14/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	24.56
3324	BÙI TIẾN DUY	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	9	24.53
3325	ÔN LÊ THÀNH PHÁT	30/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	2	24.5
3326	NGUYỄN ANH TÚ	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	2	24.49
3327	NGUYỄN TUẤN HẢI	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	24.4
3328	TRẦN ANH QUÂN	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	10	24.35
3329	VŨ NGỌC HOA	19/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	3	24.2
3330	NGUYỄN BẢO LÂM	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	A00	2	24.2
3331	TRẦN QUANG HẢO	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	4	24.17
3332	TÓNG NGỌC ANH ĐỨC	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	1	24.11
3333	ĐẶNG DANH QUÝ	06/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	2	24.04
3334	NGUYỄN QUỲNH TRANG	13/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	A00	6	23.96
3335	HÀ DUY TOÀN	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	2	23.87
3336	VŨ TIẾN ĐỨC	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	8	23.85
3337	HÀ MINH THẮNG	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	23.8
3338	CHU ĐÌNH DŨNG	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	8	23.72
3339	ĐẶNG PHƯƠNG MAI	24/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	4	23.72

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3340	NGUYỄN THỊ CHÚC	21/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	1	23.71
3341	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	09/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	10	23.7
3342	NGHIÊM MINH HIẾU	12/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	7	23.63
3343	NGUYỄN DƯƠNG THƯƠNG	14/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	23.61
3344	NGÔ MẠNH QUÂN	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	23.61
3345	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	11/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	4	23.5
3346	NGUYỄN XUÂN HIẾU	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	1	23.49
3347	NGUYỄN VĂN ĐỨC	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	3	23.47
3348	NGUYỄN THỊ TRANG	30/10/2007	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	3	23.41
3349	PHẠM DUY THÀNH	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	23.41
3350	NGUYỄN MINH KHÁNH	02/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	1	23.36
3351	TRẦN THỊ TUYẾT	12/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	1	23.25
3352	THÂN THÁI SƠN	21/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	1	23.25
3353	NGUYỄN MINH QUÂN	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	D01	3	23.23
3354	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN NHÂN	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	8	23.16
3355	NGUYỄN THỊ LAN ANH	04/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	23.16
3356	DƯƠNG NGÔ HIỆP	13/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	2	23.08
3357	NGUYỄN ĐĂNG MINH ANH	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	8	23.03
3358	VŨ ĐẮC ĐƯỢC	31/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	2	23.01
3359	PHẠM HOÀNG LINH	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	4	23
3360	CHU THỊ HỒNG KHUYẾN	08/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	10	23
3361	NGUYỄN THẾ DUY	15/12/2006	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	3	22.96
3362	BÙI THỊ LAN ANH	28/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	8	22.95
3363	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	5	22.95
3364	HOÀNG THỊ NGỌC LINH	02/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	4	22.89
3365	NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	13	22.85
3366	TRẦN QUỐC TOẢN	18/10/2007	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	4	22.75
3367	NGUYỄN ĐỨC HUY	04/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	4	22.73
3368	LƯƠNG QUỐC VIỆT	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	1	22.71
3369	NGUYỄN THỊ SOAN	07/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	22.67

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3370	ĐÀO KHÁNH NAM	14/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	7	22.61
3371	HOÀNG ANH TUẤN	29/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	7	22.61
3372	NGUYỄN HOÀNG GIANG	15/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	22.6
3373	GIÁP VŨ MINH	26/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	8	22.6
3374	NGUYỄN ĐỨC ĐẠO	20/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	7	22.57
3375	NGUYỄN VĂN HIẾU	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	22.57
3376	VŨ THỊ THU HOÀN	08/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	2	22.55
3377	TRƯƠNG VĂN HIẾU	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	22.53
3378	NGUYỄN THỌ HÂN	16/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	22.53
3379	DƯƠNG HOÀNG LONG	08/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	22.53
3380	LÊ ANH VŨ	08/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	22.53
3381	NGUYỄN THẾ TRUNG	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	10	22.51
3382	NGUYỄN HOÀNG LONG	23/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	8	22.5
3383	ĐOÀN BẢO ĐẠT	08/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	5	22.5
3384	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	14/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	4	22.49
3385	THI NĂNG TÚ	26/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.49
3386	HOÀNG TUẤN HƯNG	09/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	3	22.48
3387	NGUYỄN KIỀU ANH	14/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	4	22.47
3388	ĐỖ DUY KIẾT	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.47
3389	HOÀNG BẢO TRỌNG	25/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	10	22.43
3390	PHÙNG VĂN HÒA	08/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	9	22.43
3391	LƯƠNG XUÂN PHÚC	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	22.4
3392	LA VĂN QUYẾT	08/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.4
3393	VŨ VIỆT HÙNG	24/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	7	22.4
3394	PHẠM QUANG THUẬN	26/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	A00	5	22.35
3395	TRẦN MẠNH NAM	14/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	3	22.35
3396	NGUYỄN THÀNH LINH	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	1	22.35
3397	NGUYỄN THANH THẢO	18/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	22.33
3398	NGUYỄN TIẾN HÙNG	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	4	22.31
3399	NGUYỄN THÀNH TRUNG	28/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	22.29

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3400	ĐỖ ĐỨC TRIỆU	03/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	22.28
3401	NGÔ TRUNG KIÊN	14/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	8	22.27
3402	HOÀNG KHÁNH LINH	30/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	13	22.25
3403	NGUYỄN ĐĂNG ANH TÚ	29/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	9	22.25
3404	NGUYỄN PHÚC LỢI	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	5	22.25
3405	HOÀNG TUẤN HÙNG	05/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	2	22.24
3406	BÀNG QUANG HUY	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.23
3407	PHẠM QUÝ ĐỨC	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	4	22.21
3408	TRẦN HUY HOÀNG	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	7	22.2
3409	ĐẶNG VĂN KHÁNH	10/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	2	22.19
3410	VƯƠNG QUỐC VIỆT	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	8	22.17
3411	PHÙNG MINH HIẾU	29/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	2	22.17
3412	ĐÀO LÊ TIẾN VƯƠNG	08/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	5	22.17
3413	VƯƠNG ĐÌNH TIẾN	17/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	3	22.16
3414	CAO DUY NAM	16/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	22.13
3415	PHAN ANH TUẤN	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	22.13
3416	NGUYỄN THU HIỀN	11/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	22.12
3417	HOÀNG NGUYỄN BÁCH	29/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.12
3418	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	3	22.12
3419	PHAN MINH ĐỨC	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	3	22.1
3420	BÙI KHẮC MINH	03/02/2007	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	4	22.08
3421	NGÔ QUANG TUYẾN	20/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	3	22.08
3422	TRẦN XUÂN LỢI	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	22.08
3423	NGUYỄN XUÂN KỶ	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	5	22.07
3424	NGUYỄN QUỐC HUY HOÀNG	29/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	5	22.07
3425	TRẦN HỒ ĐỨC ANH	10/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	4	22.04
3426	PHÙNG QUANG THÀNH	26/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	6	22.03
3427	LÊ VIỆT ANH	17/01/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	8	22.01
3428	NGUYỄN QUANG ANH	21/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	4	22.01
3429	NGUYỄN THỊ THẢO	20/12/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	14	22

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3430	MAI TUẤN HƯNG	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	5	22
3431	NGÔ CÔNG HẬU	30/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	7	22
3432	ĐÀO HOÀNG ANH	27/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	3	22
3433	NGUYỄN XUÂN HUY	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	6	22
3434	PHẠM NGỌC HÃ	06/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	6	21.97
3435	PHẠM ANH TUẤN	30/11/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	3	21.96
3436	HOÀNG ĐỨC DUY	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	2	21.96
3437	VÌ XUÂN TRƯỜNG	06/02/2007	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	21.96
3438	TRẦN VĂN TUẤN	18/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	4	21.96
3439	LÊ MINH ĐIỆP	06/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	21.95
3440	NGUYỄN THI THÙY PHƯƠNG	14/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A01	8	21.92
3441	NGUYỄN NGỌC AN	09/03/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	2	21.92
3442	TRƯƠNG MINH TUẤN	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D07	14	21.92
3443	ĐỖ HẢI ĐĂNG	28/04/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	A00	5	21.91
3444	DƯƠNG QUANG VINH	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	V-SAT	A00	4	21.88
3445	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	29/12/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	D01	3	21.87
3446	HOÀNG ĐẠI THÀNH CÔNG	09/02/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	2	21.87
3447	HOÀNG MẠNH TUẤN	23/07/2007	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C01	12	21.87
3448	TẠ THỊ QUỲNH TRANG	18/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Học bạ	C02	7	21.87
3449	VŨ ANH THÁI	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	13	21.85
3450	NGÔ QUỐC HƯNG	02/05/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C01	4	21.85
3451	ĐINH QUANG HIẾU	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điểm thi THPT	C02	12	21.85
3452	TRIỆU XUÂN TRƯỜNG	11/02/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	2	24.28
3453	NGÔ QUỐC HOÀNG	11/02/2007	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	8	24.16
3454	GIÀNG A VANG	24/04/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	3	24.13
3455	LƯƠNG VĂN BẠCH	23/07/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	1	24
3456	NÔNG TRÍ TUYẾN	24/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	1	23.85
3457	NGUYỄN MAI A	29/01/2008	Nữ	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	11	23.32
3458	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	A00	1	23.23
3459	ĐINH GIA KIẾN	13/03/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	4	23.16

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3460	NGUYỄN VIỆT ANH	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	9	22.81
3461	PHẠM ĐĂNG KHÁNH	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	1	22.71
3462	HÀ MINH ĐĂNG	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	3	22.61
3463	HOÀNG NHẬT LONG	06/07/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	2	22.56
3464	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	8	22.35
3465	PHÙNG VIỆT DƯƠNG	19/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	1	22.08
3466	NGUYỄN MINH QUÂN	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	1	21.77
3467	LƯƠNG VĂN THẮNG	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C02	2	21.71
3468	TRẦN MINH CƯỜNG	26/02/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C02	11	21.6
3469	HUỖNH MINH KHÔI	24/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	5	21.44
3470	NGUYỄN BÁ HOÀNG ANH	05/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	1	21.44
3471	DƯƠNG ANH TÙNG	20/03/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	5	21.25
3472	NGUYỄN QUANG HIỆP	15/06/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	1	21.11
3473	TRẦN VIỆT ANH	28/03/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D07	4	21.01
3474	CHU HOÀNG NÔNG TRƯỜNG	14/03/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C02	10	21
3475	NGUYỄN HUY HOÀNG	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	4	20.87
3476	PHẠM ĐỨC TRINH	09/05/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	4	20.76
3477	NGUYỄN PHÚC MINH QUÂN	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	D01	6	20.75
3478	TRIỆU TUẤN MINH	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	3	20.75
3479	PHÙNG QUANG DUY	02/05/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D07	1	20.67
3480	PHAN ANH TÚ	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	4	20.63
3481	ĐINH CÔNG MINH	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	9	20.61
3482	ĐINH QUỐC HUY	26/06/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	11	20.56
3483	NGUYỄN HOÀNG DUY	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	V-SAT	C01	1	20.38
3484	NGUYỄN ĐÌNH HUY	11/11/2007	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C02	1	20.32
3485	TRẦN VIỆT HOÀNG	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	6	20.27
3486	NGUYỄN NGỌC HOÀNG NAM	27/05/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	5	20.08
3487	HOÀNG ĐỨC ANH	09/08/2004	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	3	20.07
3488	ĐOÀN PHÚ MINH TOÀN	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	2	20.04
3489	HOÀNG ĐỨC KIẾN	16/02/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	4	20.04

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3490	NGUYỄN MINH TÚ	30/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	5	20.04
3491	ĐINH VIỆT NHẬT ANH	18/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	12	20
3492	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	13/02/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	2	20
3493	SÁI NGỌC TIẾN	28/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	4	19.92
3494	ĐỒNG TRUNG HIẾU	28/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A01	12	19.85
3495	MAI TRUNG HIẾU	18/06/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	9	19.81
3496	TRẦN BẢO TRUNG	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	4	19.79
3497	LÊ VĂN TRƯỜNG	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C02	5	19.75
3498	NGUYỄN ĐỨC HẢI	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C02	9	19.72
3499	NGUYỄN DUY KHẢI	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	6	19.71
3500	TRẦN HOÀNG NAM	19/06/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	8	19.69
3501	NGUYỄN QUANG TIỆP	12/08/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	2	19.65
3502	NGUYỄN TRUNG HIẾU	16/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C02	5	19.63
3503	CÁP TRỌNG TUYẾN	08/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	A00	8	19.6
3504	PHẠM TÙNG LÂM	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D07	10	19.6
3505	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	01/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	7	19.55
3506	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	7	19.5
3507	DƯƠNG QUANG HIỆP	24/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	4	19.49
3508	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C02	7	19.39
3509	TRẦN VĂN HIỂN	17/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	C01	2	19.37
3510	MAI ĐÌNH PHÚC	12/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	V-SAT	A00	5	19.26
3511	NGUYỄN MINH QUÂN	03/11/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	4	19.11
3512	NGUYỄN QUANG ANH	16/12/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	13	19.1
3513	NGUYỄN VĂN THÀNH	04/10/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D07	2	19.07
3514	LƯƠNG THÀNH ĐƯỢC	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Học bạ	D01	7	19.07
3515	BÙI THÀNH ĐẠT	27/04/2008	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi THPT	C01	8	19
3516	NGUYỄN QUANG ANH	20/08/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	26.7
3517	PHẠM THỊ TÚ QUYÊN	04/08/2004	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	1	24.24
3518	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	22/08/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D01	2	24.23
3519	TRẦN MINH TÙNG	28/01/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	24.07

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3520	TẠ THỊ QUỲNH ANH	08/12/2007	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	9	24.05
3521	DƯƠNG THỊ KIỀU ANH	11/11/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	3	23.63
3522	NGUYỄN VĂN NHẬT	09/02/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	2	23.41
3523	LÊ KHÁNH LY	24/03/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	22.64
3524	LÂM THÀNH VŨNG	20/11/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	22.36
3525	PHẠM HOÀNG THÁI	07/11/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	5	22.29
3526	NGUYỄN LÊ GIANG	18/11/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	9	22.24
3527	BÙI XUÂN DƯƠNG	03/01/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	3	22.11
3528	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	21/08/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	22.08
3529	TRỊNH NGỌC ÁNH	28/08/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	5	22.07
3530	ĐỖ DUY ANH	19/03/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	2	22
3531	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	10/02/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	3	21.35
3532	BÀN THỊ THANH	30/10/2005	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	A01	3	21.17
3533	VƯƠNG DUY SƠN	12/12/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	1	20.84
3534	NGUYỄN CHÍ KIẾN	09/02/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	3	20.55
3535	NGUYỄN NHẬT LINH	01/09/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	4	20.49
3536	NGUYỄN CHÍ DŨNG	06/01/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Điểm thi THPT	A01	10	20.25
3537	TRẦN HIẾU BẰNG	29/11/2006	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D01	1	19.97
3538	HOÀNG THÁI MẠNH	13/10/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	4	19.83
3539	NGUYỄN MINH NGỌC	06/04/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	2	19.72
3540	ĐỒNG THÙY LINH	28/01/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	19.64
3541	NGUYỄN BÁ HOÀNG ANH	22/07/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	3	19.56
3542	NGUYỄN TUẤN ANH	25/10/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D01	9	19.41
3543	NGUYỄN PHAN XUÂN ÁI	25/02/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	7	19.24
3544	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	26/05/2008	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	3	18.91
3545	PHẠM VĂN CƯỜNG	19/03/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	18.85
3546	VŨ PHẠM MINH ĐỨC	04/04/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	18.79
3547	NGÔ TIẾN THIỆN	01/05/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	8	18.67
3548	NGUYỄN TUẤN MINH	08/12/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	3	18.36
3549	HỨA VIỆT HOÀNG	17/07/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	4	18.12

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3550	ĐÀO DUY CÔNG	14/12/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	9	18.05
3551	TRƯƠNG CÔNG ĐẠI	15/12/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	7	18
3552	HOÀNG THÁI PHONG	08/09/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	A01	7	17.8
3553	PHẠM TRUNG HIẾU	15/03/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	10	17.33
3554	HOÀNG MINH TÚ	19/07/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Điểm thi THPT	D01	6	17.25
3555	PHẠM DUY TÙNG	21/07/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	4	17.2
3556	CHU THẾ DUY	08/12/2007	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	3	17.16
3557	HẠNG PHƯƠNG ANH	17/11/2007	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D15	6	17.12
3558	CHU VĂN MẬU	01/11/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	5	17.04
3559	PHẠM THỊ THƠ	10/02/2006	Nữ	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	2	17
3560	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	11/06/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	16.91
3561	TRẦN GIA HUY	11/06/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D14	1	16.29
3562	NGUYỄN TIẾN DŨNG	21/07/2008	Nam	Tiếng Anh khoa học và công nghệ	Học bạ	D10	2	16.26
3563	NGUYỄN TRẦN DIỆP ANH	21/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	28.72
3564	TRIỆU MAI LY	21/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	1	27.85
3565	TRỊNH ÁNH NGUYỆT	09/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	2	27.76
3566	NGUYỄN HÀ LINH	18/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	1	27.59
3567	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	12/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	27.55
3568	LƯƠNG THỊ MỸ LINH	21/04/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	27.19
3569	ĐẶNG DUY MẠNH	10/02/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	26.85
3570	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	26.46
3571	ĐỖ THÙY CHÂM	06/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	8	26.38
3572	NHỮ HÀ ANH	29/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	26.32
3573	CHU THỊ THANH HÀ	05/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	3	26.07
3574	TRỊNH NGỌC LAN	09/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	26.07
3575	NGUYỄN TUỆ NHI	10/06/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	26.02
3576	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	07/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	5	25.99
3577	LƯƠNG THANH THẢO	03/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	25.83
3578	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	10/03/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	3	25.78
3579	NGUYỄN THỊ MAI ANH	10/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	12	25.69

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3580	QUÁCH THỊ TƯƠI	25/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	25.59
3581	VŨ THỊ THU	10/04/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	4	25.59
3582	ÂU THANH CHÚC	17/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	25.59
3583	CAO THỊ VÂN HẰNG	11/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	5	25.56
3584	TRẦN THỊ PHƯƠNG THƯ	23/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	25.5
3585	LƯU HIẾU KHÁNH	04/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	6	25.47
3586	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	02/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	1	25.35
3587	NGUYỄN THỊ LAN ANH	02/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	2	25.3
3588	NGUY THỊ HÒA	11/03/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	25.29
3589	NÔNG THỊ TRÀ	24/12/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	25.27
3590	DIỆP THỊ MAI HƯƠNG	21/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	1	25.24
3591	DƯƠNG THỊ KHUYÊN	06/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	25.2
3592	DƯƠNG THUY LINH	01/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	25.15
3593	CÙ PHẠM THANH NGÀ	30/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	3	25.15
3594	HOÀNG TIẾN NGÂN	18/12/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	25.02
3595	TRƯƠNG THANH THÚY	04/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	25
3596	TRẦN THỊ CÚC	09/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	2	24.91
3597	LÂM THỊ THẢO	10/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	24.83
3598	DƯƠNG THỊ TƯỜNG VI	27/07/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	24.81
3599	NGUYỄN THỊ HẰNG	17/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	24.79
3600	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	05/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	2	24.73
3601	TRẦN THU HẠNH	03/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	24.49
3602	NGÔ THUY DUNG	28/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	24.48
3603	ĐÀM THỊ THANH HẰNG	17/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	1	24.44
3604	LƯỜNG KIỀU TRANG	18/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	24.44
3605	DƯƠNG THỊ NGỌC ANH	08/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	1	24.41
3606	HOÀNG THỊ HƯỜNG	25/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	24.36
3607	LÊ NGỌC CHI	11/04/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	2	24.33
3608	ĐÀO NGỌC ANH	03/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	24.33
3609	NÔNG DIỆU HƯƠNG	07/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	3	24.33

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3610	HOÀNG DƯƠNG THẢO NGUYỄN	22/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	24.31
3611	ĐINH HOÀNG LINH	10/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	24.17
3612	VŨ HÀ ANH	03/12/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	3	24.15
3613	PHẠM NHẬT LINH	11/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	3	24.15
3614	ĐẶNG QUỲNH HƯƠNG	06/12/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	24.15
3615	ĐỖ THỊ NHƯ	30/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	1	24.12
3616	TRỊNH THUỖ DƯƠNG	03/05/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	24.03
3617	ĐINH THỊ THUỖ LINH	28/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	24.03
3618	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	25/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	3	24
3619	TRIỆU TÀI HƯNG	19/11/2007	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	24
3620	LŨU NGỌC HOA	31/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.87
3621	ĐÀO THỊ DIỆU QUYÊN	12/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	23.87
3622	VŨ PHƯƠNG THẢO	24/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	4	23.77
3623	NGUYỄN TUẤN SƠN	23/10/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	23.76
3624	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	07/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	23.73
3625	LÂM THỊ ÁNH TUYẾT	28/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	23.73
3626	HOÀNG THANH TRÀ	29/03/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	23.69
3627	TRẦN THU HIỀN	17/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	13	23.67
3628	TRẦN QUANG KHOA	14/09/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.65
3629	LƯƠNG THỊ LAN ANH	13/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	2	23.64
3630	NGÔ THỊ THẢO MY	08/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	23.61
3631	PHẠM THỊ PHƯƠNG	19/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.57
3632	DƯƠNG HẢI YẾN	15/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	2	23.56
3633	TRẦN THU HUYỀN	15/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.45
3634	LÊ PHƯƠNG LINH	15/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.43
3635	TRIỆU BẠCH KIM THOA	25/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.43
3636	CHU THỊ KHÁNH HUYỀN	17/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	2	23.4
3637	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	22/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.36
3638	HOÀNG THỊ HÀ	27/12/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	9	23.33

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3639	NÔNG HÙNG KHÔI	15/10/2007	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	2	23.33
3640	NGUYỄN THANH HẢI	06/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	2	23.2
3641	LÃNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	25/12/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	2	23.2
3642	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	09/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	23.16
3643	NGUYỄN THANH VÂN	25/04/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	23.12
3644	NGUYỄN KIM YẾN	18/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.12
3645	NGUYỄN QUỐC DÂN	25/03/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	23.08
3646	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	01/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	23.04
3647	HOÀNG NGỌC LƯƠNG	19/12/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	22.97
3648	ĐỖ ĐĂNG QUANG	23/01/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	6	22.95
3649	PHẠM MAI HƯƠNG	07/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	5	22.89
3650	VŨ THỊ HẢI LY	17/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	4	22.89
3651	DƯƠNG NGỌC ÁNH	08/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	22.89
3652	NGUYỄN MINH HUẾ	04/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	6	22.83
3653	HOÀNG THỊ THU HẰNG	13/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.81
3654	PHẠM ÁNH TUYẾT	24/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.77
3655	NGUYỄN NGỌC TUỆ	26/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	3	22.77
3656	NGUYỄN NGỌC DIỆP	24/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	4	22.69
3657	HÀ THỊ HIỀN OANH	23/09/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	22.69
3658	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	22.69
3659	BÙI LÊ THU HƯƠNG	12/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	4	22.64
3660	NGUYỄN MINH NGUYỆT	18/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.64
3661	LÊ HOÀNG MAI	27/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.63
3662	NGUYỄN THỊ THẨM	04/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	3	22.61
3663	TRẦN ĐỨC TUYẾN	16/01/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.55
3664	DƯƠNG THỊ LAN ANH	24/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	22.53
3665	NGUYỄN HIẾU PHƯƠNG	14/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	2	22.51
3666	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	21/08/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	2	22.51
3667	HOÀNG HẢI ANH	28/10/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.49
3668	NGUYỄN THỊ THU HÀ	02/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	11	22.48

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3669	KIỆNG THẢO LY	26/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D01	1	22.45
3670	NGUYỄN MINH TRÂM	02/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	22.43
3671	TRẦN THỊ HUỆ	13/01/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.43
3672	LÊ THU HÀ	02/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	3	22.41
3673	HOÀNG QUANG MINH	13/07/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.4
3674	HOÀNG GIA CƯỜNG	07/04/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	22.39
3675	ĐOÀN THỊ THANH MAI	27/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.37
3676	LÊ VIỆT HOÀNG	22/02/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.35
3677	LƯƠNG DẠ THẢO	24/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	6	22.35
3678	VŨ THỊ VÂN ANH	03/10/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.31
3679	BÙI THỊ HUỆ	01/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	22.28
3680	ĐINH THÚY HIỀN	25/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	2	22.25
3681	PHÙNG NHƯ QUỲNH	23/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	2	22.23
3682	ĐỖ THỊ THÙY DUNG	13/08/2007	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.17
3683	NÔNG ĐỨC THẮNG	28/09/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	6	22.12
3684	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	09/07/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	1	22.11
3685	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	04/08/2006	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A10	1	22.11
3686	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	10/06/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	2	22.11
3687	LÊ DUY HÒA	31/03/2008	Nam	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A01	2	22.09
3688	HỨA THỊ THANH HÀ	02/12/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	D07	1	22.09
3689	NGUYỄN THÙY DUNG	13/06/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	1	22.08
3690	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/08/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X05	1	22.08
3691	NGUYỄN MINH CHÂU	18/11/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	A00	12	22.08
3692	TÓNG THỊ MỸ LƯƠNG	28/02/2008	Nữ	Quản lý công nghiệp	Học bạ	X25	3	22.05
3693	TRIỆU THỊ THU HUYỀN	02/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	6	27.06
3694	PHẠM VĂN ĐỨC HẢI	02/03/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	4	26.32
3695	TRỊNH THỊ KHÁNH NHI	13/08/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	25.5
3696	HOÀNG THỊ TÚ LINH	07/07/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	3	25.41
3697	NGÔ THỊ THANH HỒNG	14/09/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	6	25.35
3698	LƯƠNG TRÀ MY	08/02/2007	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	3	25.06

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3699	NGUYỄN THU UYÊN	13/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	3	25.03
3700	NGUYỄN THỊ HUYỀN	17/04/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	5	25.02
3701	DƯƠNG TRUNG KIÊN	08/04/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	2	24.79
3702	KHÔNG MINH QUÂN	30/10/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	2	24.71
3703	BÙI NHƯ' QUỲNH	03/09/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A01	1	24.49
3704	NGUYỄN KHÁNH LINH	27/11/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	24.48
3705	NGÔ THỊ MINH ÁNH	22/11/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X05	2	24.45
3706	HÀ THỊ KIM LY	13/02/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	D01	2	24.21
3707	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	17/08/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	1	24.19
3708	LÝ MAI LINH	19/07/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	2	24.04
3709	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	07/07/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X05	3	24.03
3710	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	11/12/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	1	23.96
3711	BÙI XUÂN QUỲNH	20/11/2007	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	23.89
3712	NGUYỄN THỊ VŨ DƯƠNG	10/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	4	23.71
3713	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	08/12/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D07	10	23.71
3714	LA MINH BẢO	28/06/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X05	10	23.29
3715	HOÀNG THÙY TRANG	25/09/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	1	23.25
3716	NGÔ KIM CHI	21/12/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X05	6	23.24
3717	HOÀNG THỊ LAN ANH	28/02/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	2	23.2
3718	TRIỆU QUỲNH NHƯ'	17/06/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	1	23.16
3719	HOÀNG BẢO CHÂM	10/01/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	3	23.16
3720	BÙI NGUYỄN HOÀNG	26/12/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X05	3	23.16
3721	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	23/08/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	4	23.15
3722	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	28/05/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	23.08
3723	PHÙNG THỊ DIỆP	16/03/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	23.07
3724	DƯƠNG THỊ MẾN	12/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	3	23.04
3725	TRẦN NGỌC TÂM ANH	23/01/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A01	1	22.99
3726	LƯU HÀ YẾN NHI	19/12/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	5	22.99
3727	MAI PHƯƠNG ANH	06/01/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	D01	1	22.97
3728	LÊ THU THẢO	27/11/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	3	22.95

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3729	TÔ HUY DU	25/05/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	3	22.87
3730	PHẠM THỊ HUƠNG	01/07/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	1	22.84
3731	BẾ THỊ NGỌC	02/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	D01	1	22.8
3732	NGUYỄN HOÀNG THỂ DUY	24/01/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D01	1	22.77
3733	NGUYỄN HOÀNG TUYẾT MAI	08/12/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A01	4	22.73
3734	TRƯƠNG ĐÌNH PHONG	29/07/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D01	11	22.52
3735	NGÔ TUẤN TÚ	16/08/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D07	3	22.49
3736	NGUYỄN THỊ HUYỀN	23/11/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	7	22.45
3737	CHU HỮU KHANH	21/04/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D07	3	22.44
3738	NGUYỄN HOÀI ANH	30/12/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	2	22.41
3739	PHẠM VĂN HƯNG	17/02/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	4	22.41
3740	LÝ KHÁNH NAM	23/10/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D01	1	22.4
3741	LƯƠNG TUẤN KHANH	16/09/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	1	22.36
3742	NGUYỄN VĂN KHÁNH	18/04/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A01	4	22.33
3743	VŨ ĐÌNH TIỆP	01/09/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	6	22.33
3744	PHAN VĂN TÙNG	17/11/2008	Nam	Logistics	Học bạ	A00	5	22.29
3745	LƯU ANH TÚ	30/11/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	2	22.28
3746	NGUYỄN MẠNH THÀNH CÔNG	11/05/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	5	22.28
3747	NÔNG THANH NHẬT	19/03/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D07	1	22.28
3748	NGUYỄN ĐỨC THỌ	10/02/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	9	22.24
3749	HOÀNG THỊ UYÊN	11/05/2006	Nữ	Logistics	Học bạ	X05	5	22.21
3750	NGUYỄN ĐẶNG YẾN NHI	10/11/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	4	22.13
3751	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	22/07/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	2	22.08
3752	VŨ PHƯƠNG LINH	07/01/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	D01	3	22.04
3753	NGUYỄN THỊ LY	29/05/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	8	22.04
3754	TRẦN THỊ THANH VÂN	07/08/2007	Nữ	Logistics	Học bạ	D07	1	21.93
3755	NGUYỄN VIỆT HIẾU	06/09/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	3	21.91
3756	HOÀNG HUƠNG LY	26/10/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	7	21.91
3757	ĐƯƠNG VIỆT HOÀNG	05/07/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X25	2	21.83
3758	TRẦN THỊ THU	02/01/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	2	21.83

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3759	HOÀNG QUỐC VIỆT	16/09/2008	Nam	Logistics	Học bạ	D01	4	21.79
3760	ĐỖ THỊ THẢO	14/09/2007	Nữ	Logistics	Học bạ	X25	1	21.79
3761	TRẦN THỊ THÚY	23/03/2008	Nữ	Logistics	Học bạ	A00	2	21.79
3762	TRƯƠNG NGỌC ĐIệp	22/03/2008	Nam	Logistics	Học bạ	X05	8	21.75
3763	ĐÀO THỊ HUYỀN ANH	23/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	3	23.85
3764	NGUYỄN THẢO LINH	14/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	23.76
3765	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.54
3766	ĐÀO QUANG HUY	18/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	4	24.4
3767	TRẦN TUẤN MINH	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	28.4
3768	VŨ HỮU MẠNH	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	28.33
3769	PHẠM MINH TUẤN	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	28.24
3770	NGUYỄN TIẾN TUYỀN	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	28.15
3771	NGUYỄN MINH HIẾU	07/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.97
3772	NGUYỄN VĂN HẬU	13/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	27.94
3773	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	08/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	27.85
3774	NGUYỄN QUANG MINH	08/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	27.85
3775	PHẠM DUY KIÊN	09/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	7	27.78
3776	HÀ VĂN CHIẾN	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	3	27.78
3777	NGUYỄN VĂN HUY	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	27.71
3778	MÃ VĂN ĐẠI	09/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	27.7
3779	TRẦN QUỐC TRIỆU	22/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.62
3780	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	19/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	27.48
3781	LÒ DUY HOÀNG	08/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	27.45
3782	HOÀNG MINH NHẬT	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.45
3783	ĐẶNG DANH MẠNH	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	27.35
3784	NGUYỄN HOÀNG LONG	22/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	27.35
3785	ĐẬU DƯƠNG QUANG	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.34
3786	TRẦN ĐỨC QUÝ	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.34
3787	BÙI DANH THÁI	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	9	27.31
3788	PHẠM GIA KHÁNH	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	27.31

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3789	NGUYỄN HỮU MINH	12/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	27.31
3790	CHU VĂN HOÀNG	18/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	2	27.31
3791	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	05/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	27.29
3792	NGUYỄN ĐỨC BẰNG	07/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	27.28
3793	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.27
3794	MA CÔNG SƠN	19/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.27
3795	ĐỖ HOÀNG VIỆT ANH	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	8	27.26
3796	HỨA THỊ KIM LIÊN	18/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.21
3797	DƯƠNG VĂN AN	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	27.21
3798	NGÔ THỊ YẾN NHI	28/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	27.17
3799	ĐÀO THỊ AN	07/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	6	27.17
3800	NGUYỄN VĂN TÙNG DƯƠNG	31/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	11	27.14
3801	ĐÀM ĐỨC LỘC	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	27.13
3802	LÊ VĂN ĐỖ	04/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.11
3803	VŨ HOÀNG NAM	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.07
3804	NGUYỄN NGỌC DIỄM	27/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	11	27.03
3805	PHẠM HÀ TUẤN ANH	04/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	27.01
3806	NGUYỄN TRẢ VI	30/01/2007	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	26.99
3807	HÀ GIA HUY	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.96
3808	LÂM THỊ HẠ	24/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	2	26.9
3809	NGUYỄN GIA BẢO	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.89
3810	TẠ ANH VŨ	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.87
3811	MAI VĂN THUẬN	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.87
3812	LÊ GIA HUY	27/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.85
3813	ĐOÀN THỂ NGHĨA	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	26.84
3814	HOÀNG MINH CHIẾN	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.82
3815	NGUYỄN VĂN VIỆT	12/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	26.8
3816	VŨ HUY HOÀNG	23/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.8
3817	TRẦN VŨ CƯỜNG	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	12	26.8
3818	NGUYỄN DUY THẮNG	04/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.77

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3819	NGUYỄN NGỌC TÍN	14/04/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.77
3820	VIỆT TIẾN ĐỨC	17/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	26.77
3821	NGUYỄN VINH QUANG	30/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	26.77
3822	SÂM HẢI CHIỀU	05/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.76
3823	NGUYỄN HOÀNG HẢI	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.75
3824	VŨ HOÀI THANH	01/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.75
3825	VŨ THANH BÌNH	07/12/2006	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	26.73
3826	LÊ HOÀNG PHÁT	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	26.73
3827	LÊ VIỆT HÀ	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	26.72
3828	MA TUẤN CẢNH	05/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	26.72
3829	VŨ ĐỨC TUẤN	15/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.71
3830	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	05/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.71
3831	NGUYỄN VIỆT DŨNG	06/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	26.7
3832	ĐOÀN ANH MINH	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	26.7
3833	NGUYỄN VĂN CHIẾN	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	26.69
3834	TẶNG ĐỨC HUỠNH	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.69
3835	LÃ VĂN NAM	06/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	26.69
3836	ĐÀM GIA KHÁNH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.68
3837	HÀ DUY CƯỜNG	01/01/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	26.65
3838	ĐÀM THỊ THANH VÂN	16/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	26.63
3839	NGUYỄN THẾ PHÚC	19/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	11	26.63
3840	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	08/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.59
3841	NGUYỄN TIẾN NAM	12/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.58
3842	TRẦN BẢO NAM	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	26.56
3843	NGUYỄN ĐỨC LINH	22/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.56
3844	VŨ MINH QUANG	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.52
3845	MÃ TRÍ DŨNG	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.52
3846	ĐOÀN VĂN TUẤN	26/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	26.5
3847	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	06/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.5
3848	HOÀNG HỒNG MINH	05/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.5

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3849	ĐINH HẢI NAM	02/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.49
3850	ĐỖ VIỆT HƯNG	08/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	26.49
3851	CHU XUÂN PHƯƠNG	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.47
3852	NGUYỄN ANH TÚ	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	26.46
3853	LÊ HOÀNG HẢI	24/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.46
3854	VI VĂN AN KHANH	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	26.46
3855	NGUYỄN ĐÔN KHOA	06/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	6	26.44
3856	NGUYỄN KHÁNH BẢO	01/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	26.44
3857	VŨ DOãn HOÀNG ĐẠT	28/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.41
3858	LÊ KHÔI NGHIỆP	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.41
3859	ĐỖ THỊ KHÁNH HUYỀN	31/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.38
3860	LÊ ĐỨC ĐANG	05/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.38
3861	TRỊNH HOÀNG NGUYỄN	29/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.38
3862	PHẠM BÁ THI	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.38
3863	PHẠM QUANG HÙNG	24/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.37
3864	THÂN THỊ THU PHƯƠNG	28/12/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	3	26.32
3865	ỨNG GIA MINH	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.32
3866	MA KHÁNH LƯU	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	26.32
3867	VŨ TIẾN MẠNH	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	26.31
3868	NGUYỄN ANH TUẤN	26/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.31
3869	NGUYỄN BẢO NGỌC	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.31
3870	LÊ ĐĂNG MINH	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.28
3871	ĐỖ ĐỨC NGHĨA	12/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.28
3872	LÊ ANH TUẤN	22/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	6	26.28
3873	NGUYỄN HÀ TRANG	25/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	6	26.26
3874	DƯƠNG ĐỨC HUY	05/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.23
3875	NGUYỄN TUẤN KIẾT	26/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.23
3876	TRIỆU VĂN HIẾU	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.2
3877	VŨ QUỲNH ANH	03/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	5	26.19
3878	DƯƠNG HOÀNG TUẤN	09/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.17

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3879	LƯƠNG BẢO NGUYỄN	28/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.16
3880	TRẦN TRUNG VIỆT	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.14
3881	MÃN THỊ LỆ THU	08/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	26.14
3882	NGUYỄN NGỌC TÚ	07/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	26.14
3883	NGUYỄN HOÀNG HẢI	12/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.13
3884	DƯƠNG THỊ THÚY	07/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.13
3885	ĐÀM THẾ VINH	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.13
3886	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	15/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.11
3887	DƯƠNG MINH PHONG	10/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	26.11
3888	PHẠM MINH ĐỨC	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.1
3889	LƯƠNG THẾ VINH	30/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.07
3890	MA PHẠM HƯNG	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	11	26.07
3891	NGUYỄN TRUNG HIẾU	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	26.07
3892	NGÔ NAM DƯƠNG	09/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	13	26.05
3893	PHÙNG BÁ NGHĨA	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.05
3894	BÙI BÌNH AN	12/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	26.02
3895	VIÊM QUỐC VƯỢNG	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	26.02
3896	LÃNG VĂN CƯỜNG	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	26.02
3897	NGUYỄN THÀNH AN	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.02
3898	LÊ SƠN KIÊN	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	26.01
3899	HOÀNG THÁI KỲ	09/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	26.01
3900	VŨ VIỆT NAM	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	25.99
3901	PHAN ANH TÚ	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.99
3902	NGUYỄN THỊ LIÊN	13/04/2007	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.98
3903	ĐÀO DUY KHÁNH	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.98
3904	NÔNG THỊ KIM	02/01/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	3	25.96
3905	NGUYỄN MINH HOÀNG	22/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.96
3906	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.96
3907	ĐẶNG SINH HÙNG	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	25.95
3908	NGUYỄN NHẬT LINH	15/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.93

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3909	LA THỊ UYÊN NHI	24/01/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.93
3910	PHẠM VĂN KHOA	30/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.93
3911	LÊ TRƯỜNG GIANG	14/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.93
3912	NGUYỄN VIỆT ANH	26/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.93
3913	LÝ THỊ QUỲNH TRANG	25/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.93
3914	MÔNG CHÍ HOÀI NAM	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.93
3915	NGUYỄN MINH QUANG	25/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.93
3916	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	21/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	10	25.92
3917	VŨ THÀNH LONG	01/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	25.92
3918	NGUYỄN MINH PHÁT	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	7	25.92
3919	ÂU THANH HIỆP	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.92
3920	DƯƠNG QUANG ĐĂNG	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.9
3921	ĐỒNG HOÀNG MINH ĐẠO	26/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A00	2	25.9
3922	NGUYỄN ĐỨC DUY	06/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.89
3923	LIÊU XUÂN HIẾU	16/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.87
3924	TRIỆU THỊ DIỄM HUYỀN	26/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.87
3925	NGUYỄN LÂM ANH	05/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.87
3926	ĐẶNG MẠNH TUẤN	22/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.87
3927	LÊ VIỆT HOÀNG	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.87
3928	HOÀNG DUY CÔNG	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.86
3929	HOÀNG THÙY DƯƠNG	21/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	25.84
3930	PHÙNG TRÍ KIÊN	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.84
3931	DƯƠNG ĐÌNH SƠN	24/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.83
3932	HOÀNG ANH HÙNG	15/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.83
3933	VŨ THỊ CẨM LY	20/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	6	25.81
3934	HOÀNG THỊ THANH XUÂN	29/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	25.81
3935	LIÊU THỊ THƠ	17/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.81
3936	VY VĂN VIỆT	04/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.81
3937	LẠC VĂN DUY	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.81
3938	ĐẶNG QUANG MINH	02/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.78

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3939	NGUYỄN HÀ LINH	09/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	4	25.77
3940	TRỊNH VIỆT THÀNH	15/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.77
3941	BÙI VIỆT DŨNG	30/03/2003	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.77
3942	LÊ DUY HUY HOÀNG	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	25.75
3943	LÊ XUÂN TÙNG	12/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	5	25.75
3944	NGÔ QUANG TRUNG	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.74
3945	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	13/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.74
3946	ĐÀO HOÀNG HIỆP	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25.73
3947	NGUYỄN VĂN TOÀN	17/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	14	25.72
3948	ĐINH TÙNG LÂM	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.71
3949	ĐỖ HOÀNG MAI	21/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	C01	8	25.69
3950	THÂN ĐỨC THANH	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.68
3951	HOÀNG MINH KHÔI	17/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.68
3952	NGUYỄN BẢNG GIANG	17/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A00	4	25.68
3953	LƯƠNG ĐỨC KHÁNH	12/07/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.68
3954	TỔNG TRUNG DŨNG	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.65
3955	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	7	25.65
3956	ĐOÀN LONG NHẬT	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	2	25.65
3957	DƯƠNG HUY DUY TÙNG	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.63
3958	ĐẶNG THU HOÀI	16/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	25.63
3959	TRẦN HOÀNG PHONG	17/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A00	1	25.62
3960	CAO NGỌC VẤN	04/12/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.59
3961	CHU VĂN QUYẾN	19/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.59
3962	NGUYỄN DUY BẢO ANH	30/08/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.59
3963	TRẦN HỮU TRƯỜNG	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	25.57
3964	LA MẠNH NGỌC	17/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25.57
3965	LÊ VŨ QUANG	23/03/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	7	25.57
3966	NGÔ QUANG NHẬT	16/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	25.57
3967	NGUYỄN TUẤN HƯNG	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.56
3968	NGUYỄN NGỌC HUÂN	31/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.54

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3969	NGUYỄN ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	26/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.54
3970	NGUYỄN NHẬT MINH	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.51
3971	MAI MINH HIẾU	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.5
3972	NGUYỄN MINH THÁI	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.5
3973	NGUYỄN ĐỨC ANH	30/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	25.5
3974	NGUYỄN ĐĂNG CHUẨN	30/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.5
3975	NÔNG VĂN TÚ	13/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.5
3976	ĐẶNG VĂN TOÀN	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	25.48
3977	TRẦN VĂN MINH	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.48
3978	TRẦN THỊ NGỌC KHÁNH	07/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	6	25.45
3979	NGUYỄN HỮU THÀNH	21/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.44
3980	LÃNH HOÀNG TUẤN	31/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.42
3981	LẠI QUỐC CƯỜNG	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	25.41
3982	HOÀNG MINH NAM	19/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.41
3983	BÙI MINH TUẤN	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	25.41
3984	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	30/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	3	25.41
3985	TRẦN PHƯƠNG NAM	23/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25.41
3986	LÊ ĐĂNG PHÚ	09/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.41
3987	LÝ QUỐC CƯỜNG	24/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	25.41
3988	NGUYỄN ĐÀO MINH DŨNG	21/04/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	9	25.39
3989	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	30/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.39
3990	NGÔ QUỐC KHÁNH	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.39
3991	VI QUANG ĐẠT	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.39
3992	PHÙNG HUY HOÀNG	18/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.39
3993	LÊ THANH TÙNG	28/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.39
3994	ĐÀO LONG NHẬT	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.38
3995	ĐOÀN QUỐC CƯỜNG	18/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A00	1	25.37
3996	HOÀNG HẢI ĐĂNG	31/08/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	2	25.36
3997	NGUYỄN MINH HIẾU	20/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.35
3998	TƯỜNG THẾ BẢO	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.35

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
3999	VŨ THẾ ANH	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	25.33
4000	NGUYỄN THUY LINH	30/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	5	25.33
4001	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	31/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	25.33
4002	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	23/07/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.3
4003	DƯƠNG THỊ HUẾ	06/06/2007	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.3
4004	NGUYỄN HOÀI ANH	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.3
4005	ĐẶNG HỒNG PHÚ	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.29
4006	THÁI ĐỨC LỘC	01/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.29
4007	PHẠM DUY KHÁNH	19/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	2	25.28
4008	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.27
4009	VŨ THIÊN TÚ	29/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	4	25.27
4010	TRẦN THỊ ANH THƯ	13/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	25.27
4011	LA THÀNH VƯƠNG	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.27
4012	MA KHÁNH THIÊN	06/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.27
4013	NGUYỄN PHÚC GIANG NAM	17/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	2	25.26
4014	TRẦN DUY NAM	26/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	25.26
4015	VŨ HƯNG NGUYỄN	24/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.26
4016	LÊ HOÀNG VŨ	13/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	25.26
4017	TRẦN QUANG HUY	23/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25.25
4018	HOÀNG HỮU TRƯỜNG	20/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25.25
4019	MAI KHÁNH BẢO	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	4	25.25
4020	LÊ ĐÌNH HIẾU	24/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	9	25.24
4021	HOÀNG ANH TUÂN	01/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.24
4022	NGUYỄN KHẮC DŨNG	02/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.24
4023	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	16/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	25.24
4024	LÊ DUY AN	19/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.24
4025	LÊ DANH HOÀNG PHƯƠNG	05/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	25.23
4026	LÊ HỮU SƠN	16/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	25.23
4027	ĐỖ MINH ĐỨC	18/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.23
4028	VŨ TUẤN MINH	11/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A01	1	25.21

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4029	VŨ BÁ AN	12/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.21
4030	NGUYỄN MINH HẢI	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	25.21
4031	DƯƠNG AN BÌNH	17/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	25.2
4032	TRẦN THẾ ĐẠT	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	5	25.18
4033	CHU HÒA HIẾU	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.18
4034	LÝ QUANG MINH	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.18
4035	PHẠM THÀNH LONG	31/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	3	25.17
4036	HÀ VĂN TÙNG	07/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.15
4037	ĐỖ QUỐC HUY	22/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.15
4038	LÊ ANH TÚ	10/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.15
4039	BÙI PHƯƠNG NAM	27/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.15
4040	LƯU ANH ĐĂNG	12/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.14
4041	NGUYỄN BÌNH GIANG	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	9	25.12
4042	HÀ HOÀNG ANH	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.12
4043	TRẦN MINH SƠN	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.12
4044	NÔNG TRẦN THẮNG	28/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.12
4045	HOÀNG ĐĂNG DƯƠNG	26/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.11
4046	PHẠM NGỌC ANH THƯ	07/12/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	5	25.11
4047	NGUYỄN HỮU THỨC	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	25.11
4048	TRẦN VĂN NGỌC	13/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.11
4049	NGUYỄN HỮU HẢI	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	25.11
4050	TRIỆU QUÝ THIÊN	04/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.11
4051	LƯU ANH TÚ	17/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	25.11
4052	MA VIỆT ANH	21/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	25.11
4053	BÙI VĂN TÀI	15/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	25.1
4054	HÀ ANH TÚ	01/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	25.09
4055	NGUYỄN NGỌC NGÂN THANH	24/10/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	4	25.08
4056	NÔNG ĐÌNH ĐÀO	12/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	25.08
4057	SÁI VĂN ĐỒ	15/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.08
4058	NGUYỄN THÚY LAN	02/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	25.08

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4059	HỨA QUỐC TOÀN	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.06
4060	NGUYỄN CHÍ BẮNG	04/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	25.05
4061	NGÔ HOÀNG LÂM	16/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	25.05
4062	BÙI QUANG NHẬT	22/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	25.03
4063	NGUYỄN PHÚC LỘC	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	25.02
4064	NGUYỄN QUANG DŨNG	08/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	7	25.02
4065	PHƯƠNG MẠNH QUỲNH	10/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	25.02
4066	NGUYỄN MINH TUỆ	05/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	25.02
4067	PHẠM NGỌC TIẾN MINH	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	25.02
4068	DƯƠNG MINH HÙNG	27/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25.02
4069	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	25
4070	LƯU THỊ NỤ	15/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	25
4071	TÔ VŨ ĐOAN	02/01/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	2	25
4072	NGUYỄN LAN ANH	12/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.99
4073	NGUYỄN TRUNG KIẾN	28/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.99
4074	HOÀNG ĐỨC DUY	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	9	24.97
4075	HOÀNG ĐĂNG KIẾN	13/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.97
4076	TRẦN TRUNG TUẤN	02/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.97
4077	VŨ THANH THẢO	20/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.96
4078	NGUYỄN VIỆT TIẾN	05/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	6	24.95
4079	NGUYỄN HUY HOÀNG	13/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	24.95
4080	NGUYỄN MINH QUÂN	26/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	24.93
4081	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	20/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.93
4082	HOÀNG TRUNG THÀNH	27/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.92
4083	DƯƠNG THÁI BÌNH	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.91
4084	VŨ THANH LONG	10/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	24.89
4085	ĐỖ MẠNH QUÂN	16/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.89
4086	HOÀNG VŨ ANH MINH	23/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.89
4087	ĐẶNG KHẮC TOÀN	24/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.88
4088	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	4	24.88

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4089	NGUYỄN BÁ ĐẠT	18/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.88
4090	HOÀNG QUỐC VIỆT	27/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	5	24.88
4091	ĐINH QUỐC KHÁNH	19/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.87
4092	NGUYỄN TIẾN HUY	26/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	24.87
4093	NÔNG VĂN TIỀN	15/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.87
4094	NGUYỄN MINH TUYẾN	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	24.87
4095	NÔNG VĂN ĐƯỢC	07/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	2	24.85
4096	HOÀNG YẾN NHI	10/12/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.85
4097	DIỆP ANH KHOA	25/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.85
4098	GIÁP TRUNG HIẾU	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.85
4099	BÙI VŨ THÁI BẢO	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.84
4100	HOÀNG HÀ TRANG	11/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	24.83
4101	TRẦN TUẤN DƯƠNG	06/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.83
4102	VŨ NGỌC QUÝ	09/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.83
4103	ĐÀU ĐỨC NHẬT	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	24.83
4104	TRỊNH ĐĂNG KHOA	16/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.83
4105	TRẦN KHÁNH DUY	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.81
4106	LA CHÍ KHÔI	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.81
4107	BẾ QUANG VŨ	10/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	3	24.81
4108	LÝ PHẠM MINH QUANG	11/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.81
4109	NGUYỄN HOÀNG HÀ PHƯƠNG	15/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.8
4110	BÙI NGỌC DUY	02/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	5	24.8
4111	TRẦN VŨ HÀ	03/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.79
4112	ĐẶNG NAM NGUYỄN	17/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.79
4113	NGUYỄN QUỐC THIỆN	05/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.79
4114	PHAN VĂN QUÝ	12/11/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.79
4115	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	02/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.77
4116	NGUYỄN VĂN THẮNG	27/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.77
4117	NGUYỄN ĐỨC DUY	27/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	4	24.77
4118	VŨ XUÂN TÚ	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.77

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4119	HOÀNG ĐỨC TOÀN	01/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.76
4120	NGUYỄN ĐỨC MINH	22/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	7	24.75
4121	NGUYỄN TẤN DŨNG	18/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.75
4122	ĐOÀN QUANG MINH	28/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	9	24.75
4123	PHÙNG THẾ HOÀNG	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.75
4124	NGUYỄN NHẬT MINH	29/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.75
4125	NGUYỄN AN HUY	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.75
4126	PHAN TÔ QUỐC KHÁNH	16/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	4	24.75
4127	LÊ VĂN ĐẠT	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	24.73
4128	NGUYỄN HUY HÒA	07/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.73
4129	LƯƠNG VĂN ĐỨC	08/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.73
4130	LÊ QUANG MINH	29/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.73
4131	NGUYỄN QUANG HUY	01/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.72
4132	HOÀNG PHƯƠNG DUNG	10/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	2	24.71
4133	PHƯƠNG VĂN NGHĨA	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.71
4134	VŨ ĐOÀN HOÀNG ANH	20/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.71
4135	TRẦN VŨ TRỌNG THẮNG	01/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.71
4136	NGUYỄN QUANG HUY	04/12/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.71
4137	ĐẶNG TUẤN ANH	05/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.71
4138	TRIỆU XUÂN THẮNG	07/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.71
4139	GIÁP VĂN DUY	03/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.69
4140	NGUYỄN KHẮC QUÂN	29/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.69
4141	NGUYỄN MINH THÀNH	30/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.68
4142	PHẠM ANH THẾ	10/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.67
4143	NGUYỄN VĨNH AN	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	24.67
4144	ĐẶNG VŨ DUY	08/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.67
4145	NGUYỄN KHÁNH DƯ	25/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.65
4146	MA VIỆT HÙNG	18/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.65
4147	NGUYỄN TRUNG KIẾN	05/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.65
4148	MA BÁCH TUỆ MINH	03/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	24.64

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4149	NGUYỄN KIM BẢO NGỌC	10/02/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.64
4150	NGUYỄN BÁ HOÀNG ANH	14/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.64
4151	PHẠM XUÂN HIẾU	18/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.63
4152	LƯƠNG TUẤN HƯNG	25/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.63
4153	HOÀNG TUẤN ANH	23/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.63
4154	LÊ ĐĂNG TUẤN QUANG	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.63
4155	NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	2	24.63
4156	TRẦN SỸ THÀNH	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	8	24.61
4157	VŨ LÊ TRÍ DŨNG	26/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	24.61
4158	NGUYỄN ANH KIẾT	14/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.61
4159	HOÀNG MINH QUÂN	20/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	24.6
4160	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.59
4161	HOÀNG ÁNH TUYẾT	16/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	2	24.58
4162	VŨ VĂN MINH	17/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.57
4163	NGUYỄN ANH ĐỨC	18/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.57
4164	NGUYỄN ĐÌNH TRIẾT	05/03/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	6	24.57
4165	NGUYỄN MẠNH DŨNG	28/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	2	24.57
4166	NGUYỄN THÀNH DANH	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.57
4167	NGUYỄN ĐỨC DUY	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.57
4168	LÊ TÀI DŨNG	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	8	24.53
4169	ĐỖ THANH BÌNH	30/07/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	24.53
4170	ĐÀO ĐỨC DUY	15/05/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	9	24.53
4171	TRẦN VĂN BÌNH	29/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.53
4172	VŨ THẾ HOÀN	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	24.53
4173	PHẠM VĂN HUY	04/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.53
4174	SỸ HẢI TIẾN	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.53
4175	NGUYỄN VĂN DUY	30/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.52
4176	ĐẶNG VĂN HỢP	20/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.52
4177	CHU TIẾN LỘC	16/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.51
4178	PHẠM NGỌC THIÊM	10/04/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.51

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4179	LƯƠNG MẠNH THẾ	17/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.51
4180	HOÀNG VĂN THÀNH	20/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	2	24.5
4181	BÙI MẠNH KIÊN	02/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	24.5
4182	TRẦN MINH NGHĨA	01/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	2	24.49
4183	NGUYỄN THÀNH LONG	12/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.48
4184	NGÔ XUÂN TRƯỜNG	24/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.48
4185	NGUYỄN TIẾN HIẾU	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.48
4186	NGUYỄN QUANG HUY	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	24.48
4187	SẦM TRUNG HẢI	21/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.48
4188	NGUYỄN QUỐC THÁI	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	3	24.46
4189	VŨ VĂN THÔNG	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.45
4190	DƯƠNG BÌNH NGUYỄN	31/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	24.45
4191	NGUYỄN HUY HOÀNG	02/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.45
4192	DƯƠNG HOÀNG HẢI	03/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	24.45
4193	NÔNG KHÁNH TOÀN	15/11/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.45
4194	DƯƠNG MẠNH TẤN	03/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.45
4195	DƯƠNG MINH ĐỨC	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	24.45
4196	NGUYỄN THÁI TUẤN	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.45
4197	PHẠM VŨ HẢI ĐĂNG	28/10/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	11	24.45
4198	TRỊNH THANH THUỶ	25/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.44
4199	NGUYỄN HOÀNG NAM	18/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.44
4200	NGUYỄN VIẾT QUỐC VIỆT	13/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	12	24.44
4201	TRẦN ĐÌNH KIÊN	26/04/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	24.44
4202	NGUYỄN BẢO NGỌC	09/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	5	24.44
4203	NGÔ THANH HUỆ	15/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	24.44
4204	NGUYỄN LÊ ANH DŨNG	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.43
4205	HỨA GIA BẢO	17/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.43
4206	TRẦN ĐỨC ĐỘ	05/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.41
4207	HOÀNG HẢI LONG	08/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.4
4208	TRẦN MINH CÔNG	04/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	7	24.4

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4209	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	16/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.4
4210	HOÀNG XUÂN MỪNG	12/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	2	24.4
4211	ĐỖ HOÀNG ANH VŨ	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.4
4212	DƯƠNG VĂN NGỌC	27/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	5	24.4
4213	NGUYỄN HUY TIẾN	26/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.4
4214	NGUYỄN HỮU ĐĂNG DƯƠNG	24/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.39
4215	HÀ THỊ LINH	06/11/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.39
4216	ĐỖ ĐỨC HUY	17/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	2	24.38
4217	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	26/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	24.38
4218	HOÀNG ANH ĐỨC	27/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.37
4219	NGUYỄN QUANG MINH	12/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.37
4220	HÀ ANH TUẤN	15/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.37
4221	LÊ ANH ĐỨC	11/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.36
4222	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	08/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.36
4223	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.36
4224	TRIỆU VĂN HOÀNG	27/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.35
4225	DƯƠNG THUỖ CHI	28/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.35
4226	NGUYỄN VIỆT ANH	19/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	24.33
4227	LÊ XUÂN THÀNH	20/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.33
4228	VŨ TIẾN ĐỨC	22/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.33
4229	NGUYỄN XUÂN GIÁP	14/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.32
4230	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	20/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	4	24.32
4231	PHAN LÂM DŨNG	16/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	2	24.32
4232	NGUYỄN HỮU ĐỨC MẠNH	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.32
4233	PHẠM QUANG TRƯỜNG	23/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.32
4234	NGUYỄN QUANG HUY	09/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.32
4235	NGUYỄN VĂN HIẾU	21/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.32
4236	NGUYỄN VĂN TÚ	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.32
4237	LÊ NHẬT MINH	20/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.32
4238	NGUYỄN NGỌC TOÀN	06/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	9	24.31

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4239	BÙI VĂN HÀO	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.31
4240	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	11/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.29
4241	HOÀNG MẠNH HÙNG	15/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.29
4242	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.28
4243	NGỌ HẢI NAM	07/10/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	24.28
4244	ĐỖ ĐỨC TRƯỜNG	19/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.28
4245	LÊ GIA BẢO	30/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A01	1	24.28
4246	PHẠM ĐỨC MẠNH	29/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.28
4247	LŨNG VĂN NAM	11/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.28
4248	NGUYỄN THÀNH HƯNG	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.28
4249	NGUYỄN MẠNH HIẾN	16/02/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.27
4250	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	06/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	4	24.27
4251	NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	8	24.27
4252	DƯƠNG VĂN DŨNG	26/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.27
4253	NGUYỄN THANH LÂM	12/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	24.27
4254	NGUYỄN ĐÌNH LẠNG	20/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.27
4255	VŨ THỊ HOÀI QUYÊN	15/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.25
4256	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	31/12/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	3	24.25
4257	BÙI VĂN QUANG	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	24.25
4258	VŨ MINH HIẾN	23/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.24
4259	VŨ TÔ TUẤN PHONG	18/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	24.24
4260	VŨ HỮU THẮNG	19/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.24
4261	NGUYỄN VĂN ĐỨC	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	24.24
4262	LÊ VĂN HƯỞNG	21/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.24
4263	PHẠM MINH TRIẾT	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.24
4264	BÙI TRỌNG NGHĨA	21/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	24.24
4265	VŨ MINH QUANG	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.23
4266	BÙI TUẤN NHẬT	05/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	24.23
4267	NGÔ QUANG THỊNH	24/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	24.23
4268	KHÔNG NHƯ THUẦN	26/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.23

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4269	NÔNG MINH TUẤN	26/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	5	24.23
4270	LÂM VĂN HÙNG	28/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.23
4271	NGUYỄN PHỤ PHÚC	17/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.23
4272	ĐINH TUẤN ANH	02/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.21
4273	VŨ THỊ NGÂN	11/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.21
4274	ĐINH HUY HÙNG	22/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	15	24.21
4275	TRẦN TUẤN HƯNG	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.21
4276	NGUYỄN VIỆT DŨNG	04/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	7	24.2
4277	THÂN NGỌC PHONG	05/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.2
4278	NGUYỄN ĐAN HÀ	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	1	24.2
4279	GIÁP HOÀNG AN	25/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	24.2
4280	DIÊM ĐĂNG NGUYỄN	04/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.2
4281	TRẦN NGỌC AN	08/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	2	24.2
4282	GIÁP QUANG TIẾN	12/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	3	24.2
4283	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	14/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	8	24.2
4284	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	25/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	24.2
4285	ĐẶNG NHẬT MINH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	D01	2	24.2
4286	LÝ HOÀNG TÚ	17/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.2
4287	NGUYỄN THẾ DUY	16/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	24.19
4288	HÀ XUÂN HỒNG	25/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.19
4289	HOÀNG QUANG MINH	31/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	8	24.17
4290	NGUYỄN QUỐC DOANH	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	5	24.17
4291	VŨ THÀNH LONG	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	24.17
4292	LÃNG GIA KHIÊM	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.17
4293	VŨ VĂN LỢI	14/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.16
4294	TRẦN HOÀNG THÁI	25/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.16
4295	TRẦN TUẤN DUY	22/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.16
4296	VŨ ĐỨC ANH	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	10	24.15
4297	NGUYỄN VĂN KHÁNH	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.15
4298	VŨ THÁI SƠN	24/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.15

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4299	PHẠM ĐỨC PHÁT	31/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.15
4300	NGUYỄN THỊ LAN ANH	29/01/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.15
4301	NGUYỄN THẾ HƯỞNG	18/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	12	24.15
4302	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	25/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	24.15
4303	LÊ MẠNH CƯỜNG	07/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.13
4304	NGUYỄN MINH THU	20/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.13
4305	NGUYỄN MINH ĐỨC	16/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.13
4306	NGUYỄN HẢI LUÂN	11/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	24.13
4307	LA THỊ DUYỀN	08/09/2007	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.13
4308	VŨ HUY KHÁNH	19/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	10	24.11
4309	ĐƯƠNG BẢO NGUYỄN	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.11
4310	HỨA VĂN MINH	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.11
4311	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	03/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.11
4312	BẰNG THỊ HƯỜNG	01/09/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	24.11
4313	ĐẶNG HIỀN MINH	06/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.11
4314	MẠC DUY LONG	11/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.11
4315	ĐỖ VĂN KHẢI	18/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.09
4316	NGUYỄN VĂN AN	01/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.08
4317	HOÀNG ANH QUÂN	18/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	2	24.08
4318	BÙI NGỌC TOÀN	01/06/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.08
4319	ĐÀO NGỌC KỲ ANH	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	24.07
4320	TRẦN ĐỨC TÀI	07/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	24.07
4321	TRẦN QUANG TÙNG	08/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	24.07
4322	NGHIÊM VIỆT HƯNG	26/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C02	1	24.06
4323	ĐẬU TRUNG KIÊN	08/11/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	6	24.06
4324	NGUYỄN PHẠM TIẾN ĐẠT	31/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	9	24.05
4325	ĐỖ TRUNG HIẾU	11/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.05
4326	PỜ ANH THẾ	27/04/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	24.05
4327	NGUYỄN HUY LINH	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	24.03
4328	MAI ÍCH PHONG	08/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	6	24.01

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4329	NGUYỄN THÁI HỌC	19/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	24.01
4330	LÊ QUANG CƯỜNG	26/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	7	24.01
4331	NGÔ MINH QUÂN	24/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	24.01
4332	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	27/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	24.01
4333	NGUYỄN MẠNH TOÀN	30/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	24.01
4334	PHƯƠNG QUỐC HUY HÙNG	18/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	24
4335	TRẦN HỮU TIẾN HUY	30/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	5	23.99
4336	HOÀNG THỊ QUYÊN	07/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	C02	1	23.98
4337	PHẠM QUANG THẮNG	22/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.97
4338	NGÔ QUANG VINH	15/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.97
4339	PHẠM TẤN ĐẠT	25/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	5	23.97
4340	NGUYỄN TUẤN ANH	11/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	2	23.97
4341	TRƯƠNG VINH TRỌNG	11/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	13	23.97
4342	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	23/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	6	23.97
4343	DƯƠNG DUY ĐẠI	07/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.97
4344	NGUYỄN PHẠM TUẤN MINH	06/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	23.96
4345	NGUYỄN THỊ HẢI	20/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	3	23.96
4346	ĐÔNG TRUNG KIẾN	08/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	9	23.96
4347	ĐOÀN THÁI HƯNG	22/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.96
4348	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT QUANG	23/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	23.96
4349	LÝ KIỂM PHẬU	16/07/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.96
4350	NGUYỄN VĂN QUANG	14/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	23.96
4351	ĐẶNG VĂN TÚ	13/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	1	23.96
4352	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	04/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	3	23.96
4353	PHẠM TRUNG AN	21/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	4	23.96
4354	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	14/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	7	23.96
4355	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	23.95
4356	NGUYỄN BĂNG KHÔI	01/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	10	23.95
4357	MAI ĐỨC LUÂN	17/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.95
4358	TRẦN CAO NGUYỄN	21/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	23.95

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4359	NGUYỄN HẢO QUANG	29/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	23.95
4360	TRẦN BẢO KHÁNH	09/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	23.95
4361	PHẠM QUỐC VIỆT	09/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.95
4362	LƯU VĂN HIỆP	02/10/2004	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.95
4363	TRẦN NGỌC BẢO	12/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	1	23.93
4364	NGUYỄN HỮU KHOA	09/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.93
4365	HOÀNG ANH VŨ	16/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.93
4366	NGUYỄN VŨ HOÀNG	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	2	23.93
4367	HUỖNH ANH QUYẾT	19/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	2	23.93
4368	NGUYỄN ANH ĐỨC	20/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	A00	1	23.93
4369	LÊ TIẾN BẢO	29/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	23.92
4370	NGUYỄN THANH TÙNG	21/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.92
4371	VŨ HOÀNG NGUYỄN	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	23.92
4372	NGUYỄN VĂN HOÀ	20/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	23.91
4373	ĐỖ NGUYỄN MINH QUANG	07/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.91
4374	HOÀNG DANH LONG NHẬT	02/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	23.91
4375	NGUYỄN TRUNG QUÂN	19/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	4	23.91
4376	NGUYỄN HUY TÚ	25/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	2	23.89
4377	KIỀU TUẤN ANH	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.89
4378	TRỊNH NHẬT LONG	10/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.89
4379	LÊ TRỌNG ĐẠT	27/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	8	23.89
4380	LƯU MẠNH ANH	03/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	23.89
4381	NGUYỄN VĂN VŨ	31/12/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.89
4382	PHÙNG QUANG HUY	20/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.89
4383	PHẠM THỊ HẰNG	10/04/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	5	23.88
4384	NGUYỄN VĂN DUY	18/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	23.88
4385	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DIỄM	27/08/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	23.88
4386	NGUYỄN VĂN QUÂN	26/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.87
4387	NGUYỄN PHƯƠNG	12/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	23.87
4388	NGUYỄN ĐẠI VIỆT	06/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.87

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4389	NGUYỄN VĂN TƯỞNG	14/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	23.87
4390	DƯƠNG NGỌC ANH	26/05/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	3	23.85
4391	PHẠM ĐỨC THIÊN	21/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.85
4392	DOÃN ĐÌNH THI	23/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.85
4393	ĐÌNH MAI HƯƠNG	19/01/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	6	23.85
4394	NGUYỄN TỰ ĐỨC	02/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.85
4395	ĐẶNG LÊ LONG	15/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	23.85
4396	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	12/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	23.85
4397	NGUYỄN BẢO ANH	21/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	23.85
4398	CÁP QUÝ HIỆU	15/04/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	V-SAT	A00	2	23.85
4399	LÊ VIỆT QUANG	06/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	4	23.84
4400	LƯỜNG DUY ĐẠI	21/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	23.83
4401	HOÀNG NGỌC HẢI	02/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	10	23.83
4402	TRẦN VIỆT HÙNG	10/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	5	23.83
4403	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	21/09/2005	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.81
4404	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	27/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	3	23.81
4405	NGUYỄN NAM KHÁNH	01/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	2	23.81
4406	NGÔ QUANG LONG	22/11/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	9	23.81
4407	NGUYỄN ANH QUÂN	15/05/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.81
4408	TRỊNH TUẤN VŨ	04/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.81
4409	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	13/07/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Điểm thi THPT	C01	5	23.81
4410	NGUYỄN VĂN TIẾN	18/02/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.8
4411	HÀ XUÂN HUY	24/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	2	23.8
4412	DƯƠNG ĐỨC PHONG	07/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	3	23.8
4413	TRƯƠNG TẤN DŨNG	22/09/2007	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	3	23.8
4414	NGUYỄN HOÀNG TÚ	31/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.77
4415	LÊ NGỌC QUÝ	15/06/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D07	3	23.77
4416	LƯU TRỌNG BÌNH	20/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C01	4	23.77
4417	TRẦN VĂN HIẾU	12/01/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	2	23.77
4418	ĐỖ ĐÌNH HƯNG	01/03/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.77

STT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/Chuyên ngành	Phương thức	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển
4419	NGUYỄN VĂN THANH	29/08/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	1	23.77
4420	PHÙNG QUỐC HUY	02/07/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	8	23.77
4421	TRỊNH HẢI NAM	15/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A01	1	23.77
4422	PHẠM ĐÌNH BẢO NGỌC	18/03/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	7	23.76
4423	BÙI AN TƯỜNG	14/09/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	D01	1	23.76
4424	TRẦN LỆ KHOA	12/06/2008	Nữ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	C02	1	23.76
4425	NGUYỄN DUY VINH	19/10/2008	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Học bạ	A00	4	23.76